

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1	100404000010	2DIN ANDROID AC8257	Cái	11,390,000
2	A21R23.7908100	AUDIO 2 DIN	Cái	8,500,000
3	C41R11-2902027	ẮC CAO SU NHÍP	Cái	471,000
4	.5477660F	ẮC PÍT TÔNG	Cái	314,000
5	.BBL1005	ẮC PÍT TÔNG	Cái	314,000
6	.PM40004159	ẮC PÍT TÔNG	Cái	314,000
7	A21R23.7903010	ẮNG TÊN CỎ CÁP	Cái	575,000
8	.6-27308AKY1III2	BẠC ĐẠM (.6-27308AKY1III2)	Cái	314,000
9	.6-27308AKY1SH2	BẠC ĐẠM (.6-27308AKY1III2)	Cái	314,000
10	.6-2007109AKSH2	BẠC ĐẠM (32009)	Cái	418,000
11	.6-2007109AKW2	BẠC ĐẠM (32009)	Cái	418,000
12	.6Y-7606AIII2	BẠC ĐẠM (32306)	Cái	418,000
13	.6Y-7606ASH2	BẠC ĐẠM (32306)	Cái	418,000
14	.6Y-3007205AIII2	BẠC ĐẠM (33205)	Cái	366,000
15	.6Y-3007205ASH2	BẠC ĐẠM (33205)	Cái	366,000
16	62062Z	BẠC ĐẠM (6206 - 2Z/C3)	Cái	314,000
17	.6-27606AIII2	BẠC ĐẠM (6-27606AIII2)	Cái	300,000
18	.6-27606ASH2	BẠC ĐẠM (6-27606AIII2)	Cái	300,000
19	.6-27607AIII2	BẠC ĐẠM (6-27607AIII2)	Cái	300,000
20	.6-27607ASH2	BẠC ĐẠM (6-27607AIII2)	Cái	314,000
21	.6-27607AW2	BẠC ĐẠM (6-27607AIII2)	Cái	314,000
22	.3306A	BẠC ĐẠM .3306A	Cái	1,050,000
23	.SH12Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	157,000
24	.SH20Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	157,000
25	.SHC30Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	157,000
26	.W12Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	209,000
27	.W20Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	209,000
28	.WC30Y	BẠC ĐẠM BẮN LỀ CỬA TRƯỢT	Cái	314,000
29	.3032105F	BẠC ĐẠM BÁNH ĐÀ	Cái	314,000
30	.BBL1108	BẠC ĐẠM BÁNH ĐÀ	Cái	314,000
31	.P800002944	BẠC ĐẠM BÁNH ĐÀ	Cái	314,000
32	.6-7509A	BẠC ĐẠM BÁNH SAU NGOÀI	Cái	418,000
33	.6Y-7510AIII	BẠC ĐẠM BÁNH SAU TRONG	Cái	390,000
34	.6Y-7510ASH	BẠC ĐẠM BÁNH SAU TRONG	Cái	390,000
35	.053151231031	BẠC ĐẠM BI TÊ	Cái	784,000
36	.B0116	BẠC ĐẠM BI TÊ	Cái	784,000
37	.CB205-57	BẠC ĐẠM BI TÊ	Cái	784,000
38	C40R13.1601180	BẠC ĐẠM BI TÊ	Cái	2,930,000
39	.33207	BẠC ĐẠM CẦU SAU	Cái	950,000
40	.31309J2/QCL7C	BẠC ĐẠM CỤI THƠM (31309)	Cái	1,000,000
41	.TD31309CNP6	BẠC ĐẠM CỤI THƠM (31309)	Cái	1,000,000
42	.6308-2RS1N	BẠC ĐẠM ĐẦU CƠ HỘP SỐ	Cái	523,000
43	.6-750308AYC17SH6	BẠC ĐẠM ĐẦU CƠ HỘP SỐ	Cái	500,000
44	.TM6308E-2RSND3P6H1DF5	BẠC ĐẠM ĐẦU CƠ HỘP SỐ	Cái	500,000
45	.3KK37X42X31E	BẠC ĐẠM ĐUỖA (37X42X31)	Cái	53,000
46	.3KK42X47X26E	BẠC ĐẠM ĐUỖA (42X47X26)	Cái	53,000
47	.3KK42X47X30E	BẠC ĐẠM ĐUỖA (42X47X30)	Cái	53,000
48	20-1701182	BẠC ĐẠM ĐUỖA (HÌNH TRỤ)	Cái	53,000
49	.6305	BẠC ĐẠM HỘP SỐ	Cái	366,000
50	.6-42305AEMSH1	BẠC ĐẠM HỘP SỐ	Cái	366,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
51	.6-42305AEMW1	BẠC ĐẠM HỘP SỐ	Cái	366,000
52	C41R92.3104020	BẠC ĐẠM MOAY Ơ BÁNH SAU	Cái	2,200,000
53	C41R92.3104020-03	BẠC ĐẠM MOAY Ơ BÁNH SAU	Cái	2,200,000
54	A21R23.3103145	BẠC ĐẠM MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC	Cái	2,200,000
55	A21R23.3103145-02	BẠC ĐẠM MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC	Cái	2,200,000
56	.NUP1009ECP	BẠC ĐẠM NUP1009ECP	Cái	3,240,000
57	.6Y-77/28SH2	BẠC ĐẠM THUỐC TĂNG DƯỚI	Cái	523,000
58	.F15276	BẠC ĐẠM THUỐC TĂNG DƯỚI	Cái	523,000
59	JM205149/110	BẠC ĐẠM VI SAU CẦU SAU	Cái	800,000
60	JM205149/110/Q	BẠC ĐẠM VI SAU CẦU SAU	Cái	800,000
61	JM205149/JM205110P6	BẠC ĐẠM VI SAU CẦU SAU	Cái	800,000
62	.5267691F	BẠC LỐT	Cái	471,000
63	A21R23-3504023	BẠC LỐT BÀN ĐẠP CHÂN CÔN	Cái	53,000
64	21-3504039	BẠC LỐT BÀN ĐẠP CHÂN PHANH	Cái	32,000
65	.4995863F	BẠC LỐT TRỤC CAM	Cái	209,000
66	.4976251F	BẠC MÁY	Cái	314,000
67	.4976252F	BẠC MÁY	Cái	314,000
68	.BBL1162	BẠC MÁY	Cái	314,000
69	.BBL1163	BẠC MÁY	Cái	314,000
70	.5269330F	BẠC MÁY (KHÍ)	Cái	471,000
71	.BBL1184	BẠC MÁY (KHÍ)	Cái	471,000
72	31105-6105148	BẠC NHỰA KHÓA CỬA TRƯỚC	Cái	105,000
73	A21R22.3761231-02	BÀN ĐẠP GA CÓ CẨM BIẾN	Cái	1,800,000
74	C41R11-8405380	BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG CỬA SAU	Cái	1,470,000
75	.320402-05-6406010	BẢN LỀ CỬA PHÍA SAU	Cái	523,000
76	A62R23.6306010	BẢN LỀ CỬA SAU GÓC MỞ 180 ĐỘ	Cái	993,000
77	A31R23.6306010	BẢN LỀ CỬA SAU GÓC MỞ 270 ĐỘ	Cái	1,890,000
78	A21R23-8407012	BẢN LỀ NẮP CA BÔ, PHẢI	Cái	395,000
79	A64R52-8407012	BẢN LỀ NẮP CA BÔ, PHẢI	Cái	1,450,000
80	A21R23-8407013	BẢN LỀ NẮP CA BÔ, TRÁI	Cái	395,000
81	A64R52-8407013	BẢN LỀ NẮP CA BÔ, TRÁI	Cái	1,450,000
82	A63R42-5305020	BẢNG ĐÈN LED CHỈ TUYẾN ĐƯỜNG	Cái	1,570,000
83	.5338237F	BÁNH ĐÀ	Cái	4,500,000
84	.BBL1031	BÁNH ĐÀ	Cái	4,500,000
85	.PV10005730	BÁNH ĐÀ	Cái	3,660,000
86	5362.1005118	BÁNH ĐÀ	Cái	4,390,000
87	.5256325F	BÁNH RĂNG BƠM CAO ÁP	Cái	850,000
88	.5320774F	BÁNH RĂNG BƠM MÁY NÉN KHÍ	Cái	1,700,000
89	3302-2403055	BÁNH RĂNG HÀNH TINH	Cái	523,000
90	3302-2403620	BÁNH RĂNG HÀNH TINH + HỘ TINH	Cái	1,470,000
91	24-2403050-10	BÁNH RĂNG HỘ TINH	Cái	209,000
92	A21R22-1701106	BÁNH RĂNG SỐ 1 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,780,000
93	A21R22-1701106-10	BÁNH RĂNG SỐ 1 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,582,000
94	A21R22-1701122	BÁNH RĂNG SỐ 2 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,780,000
95	A21R22-1701122-10	BÁNH RĂNG SỐ 2 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,629,000
96	A21R22-1701051	BÁNH RĂNG SỐ 3 THUỐC TẦNG DƯỚI	Cái	836,000
97	31029-1701128	BÁNH RĂNG SỐ 3 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,700,000
98	A21R22-1701128	BÁNH RĂNG SỐ 3 THUỐC TẦNG TRÊN	Cái	1,780,000
99	A21R22-1701052-10	BÁNH RĂNG SỐ 5 THUỐC TẦNG DƯỚI	Cái	1,050,000
100	A21R22-1701052-20	BÁNH RĂNG SỐ 5 THUỐC TẦNG DƯỚI	Cái	1,470,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
101	A21R22-1701152	BÁNH RĂNG SỐ 5 THƯỚC TẦNG TRÊN	Cái	1,050,000
102	A21R22-1701082	BÁNH RĂNG SỐ LÙI	Cái	523,000
103	31029-1701140	BÁNH RĂNG SỐ LÙI THƯỚC TẦNG DƯỚI	Cái	1,050,000
104	A21R22-1701058	BÁNH RĂNG SỐ LÙI THƯỚC TẦNG DƯỚI	Cái	523,000
105	A21R22-1701140-10	BÁNH RĂNG SỐ LÙI THƯỚC TẦNG DƯỚI	Cái	1,150,000
106	.5272961F	BÁNH RĂNG TRỤC CAM	Cái	2,310,000
107	536.1005678-01	BÁNH RĂNG TRỤC CAM	Cái	4,710,000
108	A21R22-1701088	BÁNH RĂNG TRỤC GIỮA	Cái	1,050,000
109	.5254871F	BÁNH RĂNG XÍCH TRỤC CAM	Cái	471,000
110	.5255270F	BÁNH RĂNG XÍCH TRỤC CAM	Cái	471,000
111	A68R52-2912440	BẮT BẮT BẦU HƠI, PHẢI	Cái	575,000
112	A68R52-2912441	BẮT BẮT BẦU HƠI, TRÁI	Cái	575,000
113	A65R32-3538052	BẮT BẮT BỘ CHẮP HÀNH PHANH ABS	Cái	627,000
114	A21R23-2803050	BẮT BẮT CA LĂNG	Cái	209,000
115	A64R52-2803050	BẮT BẮT CA LĂNG	Cái	314,000
116	A64R52-8403040	BẮT BẮT CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	262,000
117	A21R23-2806080	BẮT BẮT CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	1,050,000
118	A64R52-8403041	BẮT BẮT CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	262,000
119	A21R23-2806081	BẮT BẮT CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	1,050,000
120	A21R22-1001037	BẮT BẮT CHÂN MÁY SAU	Cái	314,000
121	A31S13-3102025	BẮT BẮT CHỤP MÂM	Cái	105,000
122	A63R42-8201460	BẮT BẮT GƯƠNG TRONG CABIN	Cái	314,000
123	A31S12-3105334	BẮT BẮT LỚP DỰ PHÒNG	Cái	523,000
124	A21R23-8406012	BẮT BẮT Ổ KHÓA CAPÔ	Cái	418,000
125	A21R23-3408212	BẮT BẮT ỐNG DẦU, PHẢI	Cái	105,000
126	A21R23-3408211	BẮT BẮT ỐNG DẦU, TRÁI	Cái	105,000
127	A68R52-3509071	BẮT BẮT ỐNG NỐI HƠI	Cái	209,000
128	A31R23-2804062	BẮT BẮT ỐP SẮT CÁN SAU	Cái	105,000
129	A21R23-5301086	BẮT BẮT TAI VÈ, BÊN PHẢI	Cái	105,000
130	A21R23-5301087	BẮT BẮT TAI VÈ, BÊN TRÁI	Cái	105,000
131	A31R23-5413110	BẮT BẮT TAY MỞ NẮP THÙNG DẦU	Cái	295,000
132	A31R23-3723124	BẮT BẮT TIẾP ĐIỂM CỬA	Cái	157,000
133	A68R52-2916052	BẮT BẮT THANH GIÀNG SAU	Cái	209,000
134	3302-3508152	BẮT CẦN THẮNG TAY, PHẢI	Cái	157,000
135	A31R32-2912412	BẮT ĐĨA NHÍP	Cái	366,000
136	3302-2912412-10	BẮT ĐĨA NHÍP SAU	Cái	366,000
137	3302-2916030	BẮT ĐỠ THANH ỔN ĐỊNH SAU	Cái	366,000
138	A21R23.6106083	BẮT GIỚI HẠN CỬA TRƯỚC	Cái	565,000
139	A63R42-6108320-10	BẮT GIỚI HẠN CỬA TRƯỚC	Cái	575,000
140	A21R22-1109370-20	BẮT GIỮ BẦU E GIÓ	Cái	157,000
141	.5295581F	BẮT GIỮ CÒ MỎ	Cái	471,000
142	A31R23-5401816	BẮT GIỮ CỤC HÍT	Cái	84,000
143	A68R52.8202160	BẮT GIỮ TẮM VÁCH NGẮN	Cái	105,000
144	A68R52-7810358	BẮT GIỮ TẮM VÁCH NGẮN	Cái	105,000
145	A68R52-7810360	BẮT GIỮ TẮM VÁCH NGẮN	Cái	105,000
146	3102-2403044	BẮT GIỮ TRONG ĐÙM CẦU	Cái	53,000
147	3102-2403045	BẮT GIỮ TRONG ĐÙM CẦU	Cái	53,000
148	A21R22-1109370-10	BẮT KẸP	Cái	105,000
149	A21R23-3410302	BẮT KẸP BÌNH DẦU TRỢ LỰC	Cái	105,000
150	A31R32-2916048	BẮT KẸP CAO SU THANH GIẪNG	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
151	A31R32-1702157-20	BẮT KẸP DÂY SỐ	Cái	471,000
152	61.8201025	BẮT KẸP GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	105,000
153	A21R23-3703036	BẮT KẸP GIỮ BÌNH ĐIỆN	Cái	105,000
154	A21R23.2803182	BẮT KẸP NẮP CHỤP MỐC KÉO CÁN TRƯỚC	Cái	30,000
155	A31R33-1101110	BẮT KẸP THÙNG DẦU	Cái	209,000
156	3102-5303320	BẮT KẸP TRÊN TÁP LÔ	Cái	32,000
157	4301-8201270	BẮT KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	1,470,000
158	A21R23-1302292	BẮT NHỰA CÁN TRƯỚC	Cái	157,000
159	A31R33-1302292	BẮT NHỰA CÁN TRƯỚC	Cái	157,000
160	A63R42.8202313	BẮT NHỰA TAY VỊN THANH RAY	Cái	157,000
161	A63R42.8202315	BẮT NHỰA TAY VỊN THANH RAY	Cái	157,000
162	A63R42.8202317	BẮT NHỰA TAY VỊN THANH RAY	Cái	157,000
163	3221-2912449	BẮT RIMEN NHÍP SAU	Cái	523,000
164	A31R32-2912442	BẮT RIMEN NHÍP SAU	Cái	1,890,000
165	A63R42-6106270-10	BẮT SẮT BẮT CỬA	Cái	314,000
166	A63R42-6508042	BẮT SẮT BẮT CỬA, PHẢI	Cái	230,000
167	A63R42-6508040	BẮT SẮT BẮT CỬA, TRÁI	Cái	157,000
168	A21R22-1311113	BẮT SẮT TRƯỚC CABIN	Cái	209,000
169	33104-2912466	BẮT TAI TREO NHÍP SAU	Cái	157,000
170	A31R23.3105079	BẮT TREO BÁNH DỰ PHÒNG	Cái	899,000
171	A21R23-1203069	BẮT TREO BẦU GIẢM ÂM	Cái	105,000
172	A31R22-1203039	BẮT TREO BẦU GIẢM ÂM	Cái	418,000
173	A31R23-3105054	BẮT TREO LỚP DỰ PHÒNG	Cái	366,000
174	3302-1206039	BẮT TREO ỐNG XÁ	Cái	471,000
175	3302-1206069	BẮT TREO ỐNG XÁ	Cái	314,000
176	A21R22-1206102	BẮT TREO ỐNG XÁ	Cái	262,000
177	3302-2916058	BẮT TREO THANH ỔN ĐỊNH SAU	Cái	418,000
178	33027-2916058	BẮT TREO THANH ỔN ĐỊNH SAU	Cái	418,000
179	A63R42-6106280-10	BẮT BẮT CƠ CẤU CỬA ĐIỆN TRƯỚC TRÊN	Cái	4,710,000
180	A63R42-3105054	BẮT ĐỖ LỚP DỰ PHÒNG	Cái	784,000
181	A21R22-8112110	BẮT SẮT BẮT KẾT GIÀN NÓNG, PHẢI	Cái	209,000
182	A21R22-8112111	BẮT SẮT BẮT KẾT GIÀN NÓNG, TRÁI	Cái	209,000
183	C23632/1	BẦU BƠ E GIÓ	Cái	5,000,000
184	C41R92.1109010	BẦU BƠ E GIÓ	Cái	1,210,000
185	A31R33-1201008	BẦU GIẢM ÂM	Cái	4,710,000
186	A32S12-1201008	BẦU GIẢM ÂM	Cái	5,230,000
187	A63R42-1201008	BẦU GIẢM ÂM	Cái	4,710,000
188	A68R52-3511012	BẦU KHÈ	Cái	5,230,000
189	5748NP01(V1G12A-6)	BẦU KHÍ TREO HỆ THỐNG GIẢM SỐC SAU	Cái	4,390,000
190	A21R23.3510009	BẦU SẸC VÔ THẮNG CÓ XY LẠNH	Cái	3,660,000
191	A21R32.3510009	BẦU SẸC VÔ THẮNG CÓ XY LẠNH	Cái	3,660,000
192	A21R23.3510009-02	BẦU SẸC VÔ THẮNG CÓ XY LẠNH (SORL)	Cái	3,660,000
193	.1/03321/10	BI CHỐNG NHẢY SỐ	Cái	20,000
194	258611-1118	BI CHỐNG NHẢY SỐ	Cái	53,000
195	508605-P	BI CHỐNG NHẢY SỐ	Cái	30,000
196	508607-P	BI CHỐNG NHẢY SỐ	Cái	32,000
197	296891-P	BI CHỐNG TRƯỢT MÔ TƠ CỬA	Cái	53,000
198	2902-29081-A	BI CHỮ THẬP	Cái	523,000
199	31029-1702080	BI KHÓA THANH SANG SỐ	Cái	53,000
200	A21R22-1702080	BI KHÓA THANH SANG SỐ	Cái	19,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
201	100407000010	BÌNH ẮC QUY PINACO (12V-75Ah)	Cái	1,900,000
202	100407000020	BÌNH ẮC QUY PINACO (12V-90AH)	Cái	2,250,000
203	C41C23-3513015	BÌNH CHÂN KHÔNG	Cái	2,720,000
204	VIE_GAZ_3505_2C0	BÌNH CHỨA DẦU PHANH	Cái	523,000
205	A21R22.3410015-03	BÌNH DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	502,000
206	A68R52-3513010	BÌNH HƠI	Cái	3,240,000
207	A21R22-1311010	BÌNH NƯỚC PHỤ	Cái	280,000
208	A21R23.5208010	BÌNH NƯỚC XỊT KÍNH	Cái	400,000
209	100820000010	BÌNH RP7	Cái	100,000
210	7632472343	BÌNH TẠO LỰC	Cái	2,620,000
211	.KP-156	BỌC BẢO VỆ CÔNG TẮC ĐÓNG MỜ CỬA	Cái	53,000
212	53A-3724244	BỌC BẢO VỆ DÂY ĐIỆN	Cái	53,000
213	3302-3724240	BỌC BẢO VỆ DÂY ĐIỆN MÁY ĐỀ	Cái	53,000
214	A21R22-1109288-01	BỌC BẢO VỆ ỐNG CAO SU	Cái	105,000
215	A62R23-3778010	BỘ BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG CỬA GIỮA	Cái	18,550,000
216	A68R52.6426010-01	BỘ BÀN LỀ CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	20,900,000
217	UC1A11.3709030	BỘ CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN ĐÈN PHA COS, XI NHAN VÀ GẠT MƯA	Cái	1,890,000
218	A21R23.8109021-01	BỘ CÔNG TẮC QUẠT	Cái	3,350,000
219	A21R22-2402165	BỘ CÙI DĨA CẦU SAU (10X43)	Cái	8,260,000
220	2217-2402165-30	BỘ CÙI DĨA CẦU SAU (41X9)	Cái	6,270,000
221	2217-2402165-40	BỘ CÙI DĨA CẦU SAU (41X9)	Cái	5,600,000
222	A68R52-2402165	BỘ CÙI DĨA CẦU SAU (41X9)	Cái	7,200,000
223	C41R92.3538020	BỘ CHẮP HÀNH PHANH ABS	Cái	3,980,000
224	A65R32.3538020	BỘ CHẮP HÀNH PHANH ABS (SORL)	Cái	4,500,000
225	A21R23.8103016-01	BỘ CHIA GIÓ TRONG TÁP LÔ	Cái	2,410,000
226	A68R52-3864014	BỘ CHIA HƠI	Cái	5,500,000
227	A31R23.6105006	BỘ CHÌA KHÓA CỬA (CÓ Ổ KHÓA ĐỀ)	Cái	1,450,000
228	A63R42.6205006	BỘ CHÌA KHÓA CỬA (CÓ Ổ KHÓA ĐỀ)	Cái	1,260,000
229	A68R52.6428006	BỘ CHÌA KHÓA CỬA (CÓ Ổ KHÓA ĐỀ)	Cái	1,470,000
230	C40R13-1000090	BỘ CHUYỂN ĐỔI HƠI	Cái	17,440,000
231	A21R22.3724050	BỘ DÂY ĐIỆN	Cái	1,050,000
232	A31S12.3724030-20	BỘ DÂY ĐIỆN	Cái	5,230,000
233	A65R33.3724039-10	BỘ DÂY ĐIỆN	Cái	2,300,000
234	A65R32.3724229-20	BỘ DÂY ĐIỆN (BAO GỒM: CẦU CHỈ + RỜ LÊ)	Cái	4,710,000
235	A68R52.3867010-01	BỘ DÂY ĐIỆN CỬA LÊN XUỐNG	Cái	1,780,000
236	A31R22.3724030-31	BỘ DÂY ĐIỆN CHASSI	Cái	3,870,000
237	A31R32.3724030	BỘ DÂY ĐIỆN CHASSI	Cái	3,660,000
238	A31R32.3724030-11	BỘ DÂY ĐIỆN CHASSI	Cái	4,710,000
239	C41R92.3724030-30	BỘ DÂY ĐIỆN CHASSI	Cái	5,800,000
240	C45R02.3724030-11	BỘ DÂY ĐIỆN CHASSI	Cái	4,710,000
241	.5370551F	BỘ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ	Cái	8,000,000
242	.5622614F	BỘ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ	Cái	8,855,000
243	.PSH0008860	BỘ DÂY ĐIỆN ĐỘNG CƠ	Cái	6,270,000
244	A65R32.8127024-10	BỘ DÂY ĐIỆN GIẢN NÓNG SAU	Cái	627,000
245	A21R32.3724110	BỘ DÂY ĐIỆN QUẠT KẾT GIẢN LẠNH (ĐẦU XE)	Cái	1,410,000
246	A68R52.3724229-30	BỘ DÂY ĐIỆN TRONG CABIN	Cái	8,890,000
247	A68R52.3724025-70	BỘ DÂY ĐIỆN TRƯỚC CABIN	Cái	14,110,000
248	A32R32.1703008	BỘ DÂY SỐ	Cái	8,360,000
249	.13.15.011.0006	BỘ ĐẾM	Cái	1,200,000
250	SV-1395-II/19425	BỘ ĐIỀU CHỈNH MỨC SÀN	Cái	1,360,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
251	A68R52-6508010	BỘ ĐIỀU KHIỂN CỬA ĐIỆN	Cái	15,160,000
252	A21R23.3763110	BỘ ĐIỀU KHIỂN TÚI KHÍ	Cái	1,460,000
253	A21R22.3765220	BỘ ĐIỀU KHIỂN VAN	Cái	850,000
254	3302.3901008-21	BỘ ĐỒ NGHỀ MỜ LỖP	Cái	418,000
255	3302-1701168-10	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 1,2	Cái	1,570,000
256	3302-1701168	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 1,2	Cái	1,570,000
257	3302-1701174	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 1,2 (KHÔNG CÓ KHÓA)	Cái	523,000
258	A21R22-1701116	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 3,4	Cái	1,050,000
259	A21R22-1701174	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 5	Cái	836,000
260	A21R22-1701168	BỘ ĐỒNG TỐC SỐ 5&DE	Cái	836,000
261	231-3501092-10	BỘ GUỐC PHANH	Cái	1,700,000
262	.RD00308121	BỘ HÀM RĂNG VÀNG (3 MIẾNG)	Cái	1,090,000
263	3302-1701178	BỘ HÀM RĂNG VÀNG (3 MIẾNG)	Cái	993,000
264	.A1AA2A	BỘ HỘC ĐỰNG ĐỒ CỬA TRƯỚC	Bộ	471,000
265	A21R23-8213040	BỘ HỘC ĐỰNG ĐỒ CỬA TRƯỚC	Cái	471,000
266	A64R42.8115020	BỘ KẾT GIÀN LẠNH	Cái	17,770,000
267	A64R42.8112014	BỘ KẾT GIÀN NÓNG TRÊN TRẦN (CÓ QUẠT + MÔ TƠ)	Cái	17,770,000
268	A64R42.8112014-01TL	BỘ KẾT GIÀN NÓNG TRÊN TRẦN (CÓ QUẠT + MÔ TƠ) (KHÔNG CÓ CẢM BIẾN + LỘC GA)	Cái	15,680,000
269	.901.3777-01	BỘ KÍCH ĐÈN PHA	Cái	800,000
270	A68R52.5606006-10	BỘ KHÓA CỬA SAU	Cái	5,440,000
271	.5310100F	BỘ LÀM MÁT EGR	Cái	5,750,000
272	.PSH0006965	BỘ LÀM MÁT EGR	Cái	22,990,000
273	.5297619F	BỘ LỘC DẦU	Cái	3,600,000
274	.FH21086	BỘ LỘC DẦU	Cái	3,600,000
275	.VSH0040636	BỘ LỘC DẦU	Cái	3,140,000
276	8.9290	BỘ LỘC DẦU	Cái	2,000,000
277	A21R23-8119020	BỘ LỘC GIÓ ĐIỀU HÒA	Cái	836,000
278	LA8805	BỘ LỘC KHÍ	Cái	2,870,000
279	5340.1012075-04	BỘ LỘC THAY THẾ CHO DẦU	Cái	625,000
280	5340.1105010-02	BỘ LỘC TRƯỚC	Cái	4,750,000
281	C41C23-3501090	Bộ má phanh (4 cái) Sadko Next	Cái	1,700,000
282	A21R23-8508005-10	BỘ MẮNG HÔNG	Cái	26,130,000
283	.9.1141	BỘ NHIỆT	Cái	314,000
284	A21R23.8116010-01	BỘ QUẠT GIÓ CABIN	Cái	5,230,000
285	.5473300	BỘ ROONG ĐỘNG CƠ PHÍA DƯỚI	Cái	3,200,000
286	.5473299	BỘ ROONG ĐỘNG CƠ PHÍA TRÊN	Cái	4,255,000
287	A31R23.3723205-11	BỘ TIẾP ĐIỂM CỬA GIỮA, 5 CHÂN	Cái	668,000
288	A31R23.3723205-10	BỘ TIẾP ĐIỂM CỬA SAU	Cái	418,000
289	A31R23.3723202-01	BỘ TIẾP ĐIỂM CỬA SAU PHẢI, 2 CHÂN	Cái	471,000
290	A31R23.3723203	BỘ TIẾP ĐIỂM CỬA SAU TRÁI, 3 CHÂN	Cái	471,000
291	A31R23.3723203-01	BỘ TIẾP ĐIỂM CỬA SAU, TRÁI (3 CHÂN)	Cái	418,000
292	3302-3502090	BỔ THẮNG BÁNH SAU (01 MIẾNG)	Cái	200,000
293	VIE_C41_3502_1A5	BỔ THẮNG ĐĨA SAU (1 MIẾNG)	Cái	450,000
294	VIE_C41_3502_1A6	BỔ THẮNG ĐĨA SAU (1 MIẾNG)	Cái	450,000
295	VIE_C41_3502_2A6	BỔ THẮNG ĐĨA SAU (1 MIẾNG)	Cái	450,000
296	.VIE_C41_3502_01	BỔ THẮNG ĐĨA SAU (4 CÁI/ BỘ)	Bộ	1,800,000
297	VIE_A21_3501_1A5	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (1 MIẾNG)	Cái	350,000
298	VIE_A21_3501_1A6	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (1 MIẾNG)	Cái	350,000
299	VIE_A21_3501_2A6	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (1 MIẾNG)	Cái	350,000
300	A21R23-3501800-01	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (4 CÁI/ BỘ)	Bộ	590,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
301	GP.11510033	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (4 CÁI/ BỘ)	Bộ	590,000
302	.VIE_A21_3501_01	BỔ THẮNG ĐĨA TRƯỚC (4 CÁI/BỘ)	Bộ	1,400,000
303	.ASKAN-10GAZ	BỘ THIẾT BỊ CHẨN ĐOÁN	Cái	31,350,000
304	A21R32.1206701-20	BỘ TRUNG HÒA	Cái	45,000,000
305	3302-2403011-10	BỘ VI SAI CẦU SAU	Cái	2,620,000
306	3302-2403130	BỘ VI SAI CẦU SAU	Cái	2,620,000
307	A32S22-2400016-20	BỘ VI SAU CẦU SAU	Cái	73,150,000
308	3302-1602620-10	BỘ XY LẠNH CON LY HỢP	Cái	1,260,000
309	.4990601F	BƠM CAO ÁP	Cái	15,500,000
310	.BBL1478	BƠM CAO ÁP	Cái	15,500,000
311	.PM40004125	BƠM CAO ÁP	Cái	17,770,000
312	5340.1111008	BƠM CAO ÁP	Cái	22,570,000
313	536.1111006-20	BƠM CAO ÁP	Cái	33,800,000
314	.5404864F	BƠM CAO ÁP	Cái	16,200,000
315	.5282085F	BƠM CHÂN KHÔNG	Cái	3,140,000
316	.ADVR.302.02.00.000	BƠM DẦU	Cái	3,140,000
317	5340.1011014-01	BƠM DẦU	Cái	3,300,000
318	5340.3509010-40	BƠM HƠI	Cái	7,840,000
319	.5621961F	BƠM MÁY NÉN KHÍ	Cái	10,250,000
320	.5333148F	BƠM NƯỚC	Cái	2,620,000
321	.BBL1007	BƠM NƯỚC	Cái	2,620,000
322	.LWP03218	BƠM NƯỚC	Cái	2,620,000
323	.PM40004188	BƠM NƯỚC	Cái	2,620,000
324	536.1307010-20	BƠM NƯỚC	Cái	3,660,000
325	536.1307010-21	BƠM NƯỚC	Cái	4,320,000
326	.5335974F	BƠM NHÓT	Cái	6,270,000
327	.5569573F	BƠM NHÓT	Cái	14,630,000
328	.5670414F	BƠM NHÓT	Cái	14,110,000
329	.BBL1521	BƠM NHÓT	Cái	14,110,000
330	.PM40004656	BƠM NHÓT	Cái	2,620,000
331	5335974	BƠM NHÓT	Cái	6,270,000
332	.PSH0008977	BƠM TRỢ LỰC LÁI	Cái	4,710,000
333	ZYB-1810R/93-20B	BƠM TRỢ LỰC LÁI	Cái	7,010,000
334	.5286672F	BƠM TRỢ LỰC TAY LÁI	Cái	4,350,000
335	.5368306F	BU LÔNG	Cái	53,000
336	290155-2813	BU LÔNG	Cái	185,000
337	290699-81	BU LÔNG	Cái	53,000
338	290S024-71	BU LÔNG	Cái	53,000
339	290S035-71	BU LÔNG	Cái	53,000
340	290S039-81	BU LÔNG	Cái	53,000
341	4593761-101	BU LÔNG	Cái	53,000
342	4593761-161	BU LÔNG	Cái	53,000
343	5340.1005127	BU LÔNG	Cái	53,000
344	.3927948F	BU LÔNG	Cái	105,000
345	.5361698F	BU LÔNG	Cái	53,000
346	4593486-606	BU LÔNG	Cái	53,000
347	.4942710F	BU LÔNG BÁNH ĐÀ	Cái	105,000
348	290D715-72	BU LÔNG BẮT BẮT CÁN	Cái	53,000
349	290D711-77	BU LÔNG BẮT BỘ GIỚI HẠN CỬA SAU	Cái	16,000
350	.3925402F	BU LÔNG BẮT CÒ MỖ	Cái	53,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
351	.4220332809	BU LÔNG BẮT CỤC HÍT (GẮN TRÊN BODY)	Cái	27,000
352	.3900627F	BU LÔNG BẮT ĐẦU TRỤC CAM	Cái	53,000
353	290D472-77	BU LÔNG BẮT GỌNG KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	53,000
354	290S022-71	BU LÔNG BẮT GỌNG KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	53,000
355	4593761-104	BU LÔNG BẮT GỌNG KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	53,000
356	4593761-117	BU LÔNG BẮT GỌNG KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	53,000
357	.3914407F	BU LÔNG BẮT KẸP GIỮ KIM PHUN	Cái	53,000
358	290057-81	BU LÔNG BẮT MOAY Ơ	Cái	53,000
359	4593461-625	BU LÔNG BẮT MÔ TƠ CỬA ĐIỆN	Cái	53,000
360	.3901865F	BU LÔNG BẮT NẮP ĐẬY CAM	Cái	53,000
361	.3900631F	BU LÔNG BẮT ỐNG COMMONRAIL	Cái	53,000
362	.3900625F	BU LÔNG CÒ NHỚT	Cái	53,000
363	.4940117F	BU LÔNG CỔ GÓP HÚT	Cái	53,000
364	.3900630F	BU LÔNG CHÂN LỐC LẠNH	Cái	105,000
365	290698-81	BU LÔNG ĐĨA THẮNG	Cái	53,000
366	.5255315F	BU LÔNG GIỚI HẠN LỐC LẠNH	Cái	105,000
367	291553-P29	BU LÔNG LẤP DỌC	Cái	50,000
368	290S022-79121	BU LÔNG M8X16	Cái	20,000
369	.4990385F	BU LÔNG PULY CỐT MÁY	Cái	105,000
370	.3900679F	BU LÔNG TĂNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	100,000
371	296576-P29	BU LÔNG XẢ NHỚT CẦU	Cái	53,000
372	31029-1701098	BU LÔNG XẢ NHỚT HỘP SỐ	Cái	105,000
373	4593771-165	BU LÔNG M10-6GX30	Cái	53,000
374	4593761-102	BU LÔNG M6-6GX16	Cái	53,000
375	.PV10001782	BUGI SẤY	Cái	627,000
376	A21R22-1701087	CA BẠC ĐẠN THUỐC TẦNG DƯỚI	Cái	523,000
377	A21R23-2803015	CA LĂNG	Cái	3,100,000
378	.5302123F	CẠC TE NHỚT (E4)	Cái	3,660,000
379	.BBL1203	CẠC TE NHỚT (E4)	Cái	3,660,000
380	.5369836F	CẠC TE NHỚT (E5)	Cái	4,290,000
381	.0265008034	CẢM BIẾN ABS BÁNH SAU, PHẢI	Cái	523,000
382	.0265008033	CẢM BIẾN ABS BÁNH SAU, TRÁI	Cái	523,000
383	A21R23.3862110	CẢM BIẾN ABS BÁNH TRƯỚC	Cái	523,000
384	A31S12-3862120	CẢM BIẾN ABS SAU	Cái	400,000
385	A65R32.3862120	CẢM BIẾN ABS SAU	Cái	941,000
386	C41R92.3862120	CẢM BIẾN ABS SAU	Cái	836,000
387	A65R32.3862118	CẢM BIẾN ABS SAU, PHẢI	Cái	523,000
388	A65R32.3862119	CẢM BIẾN ABS SAU, TRÁI	Cái	523,000
389	A65R32.3862110	CẢM BIẾN ABS TRƯỚC	Cái	900,000
390	.PV10002016	CẢM BIẾN ÁP SUẤT CHỀNH LỆCH	Cái	1,470,000
391	.PV10001523	CẢM BIẾN ÁP SUẤT DẦU	Cái	314,000
392	DKD-1KM	CẢM BIẾN ÁP SUẤT DKD-1KM	Cái	575,000
393	8.9548	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KAVLIKO ĐỘNG CƠ YAMZ -5344 GAZON NEXT	Cái	2,620,000
394	.4928594F	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÍ THẢI	Cái	1,940,000
395	.BBL1543	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÍ THẢI	Cái	1,940,000
396	.C2894872	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÍ THẢI DPF	Cái	2,300,000
397	.2897331F	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÔNG KHÍ	Cái	836,000
398	.BBL1511	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÔNG KHÍ	Cái	836,000
399	6032.3829-01	CẢM BIẾN ÁP SUẤT KHÔNG KHÍ	Cái	209,000
400	.4076930F	CẢM BIẾN ÁP SUẤT NHỚT	Cái	471,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
401	.BBL1418	CẢM BIẾN ÁP SUẤT NHỚT	Cái	471,000
402	650.1130540-01	CẢM BIẾN ÁP SUẤT VÀ NHIỆT ĐỘ NHIÊN LIỆU	Cái	2,280,000
403	3302.3716010	CẢM BIẾN BẢO DE	Cái	209,000
404	4410140190	CẢM BIẾN BẢO PHANH	Cái	2,620,000
405	OE-4410140100	CẢM BIẾN BẢO PHANH	Cái	2,620,000
406	A21R23.8131400	CẢM BIẾN ĐO ÁP SUẤT GA LẠNH	Cái	1,680,000
407	A21R23.8131400-01	CẢM BIẾN ĐO ÁP SUẤT GA LẠNH	Cái	1,680,000
408	.PV10001538	CẢM BIẾN ĐO NHIỆT ĐỘ KHÍ NẠP	Cái	1,260,000
409	C41R92.3862200	CẢM BIẾN GÓC LÁI	Cái	2,570,000
410	.4410501200	CẢM BIẾN KÍCH BẦU HƠI	Cái	1,260,000
411	.4984760F	CẢM BIẾN LƯU LƯỢNG KHÍ NẠP (E4)	Cái	1,800,000
412	.2872520F	CẢM BIẾN LƯU LƯỢNG KHÍ NẠP (E5)	Cái	2,500,000
413	.KDBA.407721.001	CẢM BIẾN MỨC NƯỚC LÀM MÁT	Cái	314,000
414	.YSH3.604.076	CẢM BIẾN MỨC NƯỚC LÀM MÁT	Cái	314,000
415	.PV10001982	CẢM BIẾN NHIỆT	Cái	1,680,000
416	.2897333F	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ	Cái	941,000
417	651.1130548	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ	Cái	1,570,000
418	.5461646	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ KHÍ THẢI	Cái	6,500,000
419	651.1130564	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ BÊN NGOÀI	Cái	1,570,000
420	.4954905F	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC	Cái	314,000
421	.PV10001522	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT	Cái	418,000
422	650.1130556	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT	Cái	1,570,000
423	650.1130556-01	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ NƯỚC LÀM MÁT	Cái	314,000
424	650.1130540	CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ VÀ ÁP SUẤT DẦU	Cái	2,090,000
425	DCPH-65	CẢM BIẾN TẮC LỘC KHÔNG KHÍ	Cái	314,000
426	A63R42.3843010	CẢM BIẾN TỐC ĐỘ	Cái	941,000
427	.PM40005398	CẢM BIẾN TRỤC CAM	Cái	627,000
428	5344.1130544-10	CẢM BIẾN TRỤC CAM	Cái	1,570,000
429	650.1130544	CẢM BIẾN TRỤC CƠ	Cái	1,570,000
430	.4327230F	CẢM BIẾN VỊ TRÍ CỐT MÁY & TRỤC CAM	Cái	993,000
431	.5491326F	CẢM BIẾN VỊ TRÍ CỐT MÁY & TRỤC CAM	Cái	993,000
432	.PM40005397	CẢM BIẾN VỊ TRÍ TRỤC KHUỖU	Cái	836,000
433	160101000010	CÁN SAU	Cái	4,810,000
434	320412-05-2804010	CÁN SAU	Cái	4,180,000
435	A31R23-2804015	CÁN SAU	Cái	617,000
436	A63R42-2804012	CÁN SAU	Cái	5,850,000
437	A64R52-2803012	CÁN TRƯỚC (KHÔNG BAO GỒM CUROAN ĐÈN CÁN)	Cái	6,270,000
438	VIE_C41_3507_1C0	CÀNG BỐ THẮNG TAY (01 MIẾNG)	Cái	180,000
439	.VIE_C41_3507_01	CÀNG BỐ THẮNG TAY (04 MIẾNG/ 1 BỘ)	Cái	720,000
440	3302-1702024	CÀNG CUA GÀI SỐ 1,2,3,4	Cái	250,000
441	3302-1702092-01	CÀNG CUA GÀI SỐ 5 & DE	Cái	314,000
442	A21R23-2904010	CÀNG CHỮ A DƯỚI, PHẢI	Cái	4,950,000
443	A21R23-2904011	CÀNG CHỮ A DƯỚI, TRÁI	Cái	4,950,000
444	A63R42-2904100-01	CÀNG CHỮ A TRÊN, PHẢI	Cái	2,950,000
445	A63R42-2904101-01	CÀNG CHỮ A TRÊN, TRÁI	Cái	2,950,000
446	3302-1601200-10	CÀNG ĐẨY BẠC ĐẠN BỊ TỄ	Cái	262,000
447	A68R52.6420008	CÁNH CỬA LÊN XUỐNG	Cái	20,900,000
448	3302.1308060	CÁNH QUẠT KẾT NƯỚC (CÓ LY TÂM)	Cái	2,950,000
449	A21R22.1308060	CÁNH QUẠT KẾT NƯỚC (CÓ LY TÂM)	Cái	2,950,000
450	C42R92.1308010-20	CÁNH QUẠT KẾT NƯỚC (CÓ LY TÂM)	Cái	3,760,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
451	3302-2902027	CAO SU ẮC NHẬP SAU	Cái	126,000
452	.CB.03517.05.99	CAO SU BẠC ĐẠN TREO LẮP DỌC	Cái	941,000
453	.CB.04022.09.99	CAO SU BẠC ĐẠN TREO LẮP DỌC	Cái	2,830,000
454	.CV.03517.05.99	CAO SU BẠC ĐẠN TREO LẮP DỌC	Cái	732,000
455	2902-GAZ-170/58	CAO SU BẠC ĐẠN TREO LẮP DỌC	Cái	1,150,000
456	3310-8101198	CAO SU BẮT BẮT CẢN	Cái	53,000
457	2705.5401568-11	CAO SU CHẮN BÙN	Cái	95,000
458	.7421018S3	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, PHẢI	Cái	941,000
459	A21R22.1001020	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, PHẢI	Cái	941,000
460	A21R22.1001020-10	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, PHẢI	Cái	941,000
461	.7421018S1	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, TRÁI	Cái	941,000
462	A21R22.1001021	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, TRÁI	Cái	941,000
463	A21R22.1001021-10	CAO SU CHÂN ĐỘNG CƠ TRƯỚC, TRÁI	Cái	941,000
464	3302.1001050	CAO SU CHÂN MÁY SAU	Cái	627,000
465	A21R23.3401224	CAO SU CHỤP BỤI THUỐC LÁI	Cái	418,000
466	245-1001035-A1	CAO SU ĐỆM	Cái	1,260,000
467	3205-2905486	CAO SU ĐỆM	Cái	53,000
468	3206-2906078	CAO SU ĐỆM	Cái	84,000
469	3206-2916040-10	CAO SU ĐỆM	Cái	105,000
470	4230-01-1001020	CAO SU ĐỆM	Cái	314,000
471	53215-2906079-01	CAO SU ĐỆM	Cái	53,000
472	A21R23-2904172	CAO SU ĐỆM CÀNG CHỮ A, PHÍA DƯỚI	Cái	209,000
473	A21R23-2904152	CAO SU ĐỆM CÀNG CHỮ A, PHÍA TRÊN	Cái	209,000
474	24-1001050-B(245-1001050	CAO SU ĐỆM ĐỘNG CƠ PHÍA SAU	Cái	262,000
475	A21R22-1172099	CAO SU ĐỆM KẾT NƯỚC	Cái	53,000
476	A21R23-2902730	CAO SU ĐỆM LỖ XO	Cái	105,000
477	A68R52-2912630	CAO SU ĐỆM THANH GIẪNG SAU	Cái	627,000
478	14-2912622	CAO SU GỐI NHẬP	Cái	95,000
479	51-2912622	CAO SU GỐI NHẬP	Cái	95,000
480	31029-8402208	CAO SU GIẢM CHẤN NẮP CA BÔ	Cái	32,000
481	24-2801203	CAO SU GIẢM CHẤN NẮP CỐP	Cái	32,000
482	2108-2915446-01	CAO SU PHUỘC NHỰN	Cái	95,000
483	.3112236	CAO SU PHUỘC NHỰN TRÊN	Cái	209,000
484	A31R32-2916040	CAO SU THANH GIẪNG	Cái	95,000
485	A68R52-2914172	CAO SU THANH GIẪNG SAU	Cái	314,000
486	A68R52-2916040	CAO SU THANH GIẪNG SAU	Cái	471,000
487	3105-3414130	CAO SU THANH ỔN ĐỊNH TRƯỚC	Cái	95,000
488	3221-1203163	CAO SU TREO ỐNG XẢ	Cái	95,000
489	C40R13-1203163	CAO SU TREO ỐNG XẢ	Cái	95,000
490	A31R32.1703010	CẦN ĐI SỐ	Cái	2,670,000
491	A21R23.5205801	CẦN GẠT NƯỚC KÍNH, PHẢI	Cái	450,000
492	A21R23.5205801-20	CẦN GẠT NƯỚC KÍNH, PHẢI	Cái	585,000
493	A21R23.5205800	CẦN GẠT NƯỚC KÍNH, TRÁI	Cái	290,000
494	A21R23.5205800-20	CẦN GẠT NƯỚC KÍNH, TRÁI	Cái	585,000
495	A31R23.6306078	CẦN GIỚI HẠN MỞ CỬA SAU	Cái	550,000
496	A31R23-6305330	CẦN LIÊN KẾT VỚI Ổ KHÓA CỬA SAU	Cái	105,000
497	3302-3508153	CẦN MÓC PHANH TAY, BỐ THẮNG SAU	Cái	105,000
498	A31R23.6305460	CẦN MỞ CỬA SAU	Cái	314,000
499	A21R23-8406032	CẦN MỞ NẮP CÁPÔ, PHÍA TRƯỚC	Cái	523,000
500	A31R23-5413170	CẦN MỞ NẮP THÙNG DẦU	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
501	A21R23-3508015	CẦN THẮNG TAY	Cái	1,570,000
502	.35.3722.000-02	CẦU CHÌ	Cái	30,000
503	.35.3722.000-03	CẦU CHÌ	Cái	30,000
504	9500301	CẦU CHÌ	Cái	335,000
505	A63R42-8407238	CÂY CHỐNG NẮP CAPÔ	Cái	209,000
506	.5305334F	CÒ MỔ	Cái	2,830,000
507	.PM40004179	CÒ MỔ	Cái	314,000
508	.5271540F	CÒ MỔ HÚT	Cái	950,000
509	.5271539F	CÒ MỔ XÁ	Cái	950,000
510	.BBL1186	CÒ MỔ XÁ	Cái	950,000
511	53403.1118056-10	CO NỐI	Cái	350,000
512	K000239	CO NỐI ỐNG	Cái	126,000
513	A21R23.6104012	COMPA + MÔ TƠ NÂNG HẠ KÍNH CỬA, PHẢI	Cái	1,620,000
514	A21R23.6104013	COMPA + MÔ TƠ NÂNG HẠ KÍNH CỬA, TRÁI	Cái	1,550,000
515	.D3C.C41R11.6104012	COMPA NÂNG HẠ KÍNH CỬA, PHẢI	Cái	1,620,000
516	.D3C.C41R11.6104013	COMPA NÂNG HẠ KÍNH CỬA, TRÁI	Cái	1,550,000
517	.PV10001518	CON ĐỘI THỦY LỰC	Cái	314,000
518	A21R23.3913010-10	CON ĐỘI THỦY LỰC	Cái	1,325,000
519	429260-8107060-40	CON LĂN	Cái	4,710,000
520	A31R23.6426150	CON LĂN CỬA TRƯỢT, GIỮA	Cái	1,150,000
521	A31R23.6426250	CON LĂN CỬA TRƯỢT, PHÍA DƯỚI	Cái	889,000
522	A31R23.6426050	CON LĂN CỬA TRƯỢT, PHÍA TRÊN	Cái	1,150,000
523	.5254599F	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	1,100,000
524	.5309066F	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	990,000
525	.BBL1030	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	1,100,000
526	.BBL1034	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	990,000
527	.PM40005154	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	941,000
528	.PM40005155	CON LĂN DÂY CU ROA	Cái	941,000
529	.ARU1M50003	CON TRỜ QUẠT	Cái	993,000
530	A21R23.8118022	CON TRỜ QUẠT	Cái	993,000
531	.9818082	CỔ ĐỀ	Cái	21,000
532	.WD970-90C7W3-IS	CỔ ĐỀ	Cái	53,000
533	A68R52-1109042	CỔ ĐỀ	Cái	105,000
534	A68R52-1109042-10	CỔ ĐỀ	Cái	105,000
535	.C3903652	CỔ ĐỀ KẸP ỐNG BƠ	Cái	314,000
536	.5267617F	CỔ GÓP HÚT	Cái	1,570,000
537	.5286927F	CỔ GÓP XÁ (E4)	Cái	3,140,000
538	.5311135F	CỔ GÓP XÁ (E5)	Cái	3,140,000
539	A68R52-1109079	CỔ GIÓ BẦU BƠ E GIÓ	Cái	209,000
540	A21R22-1109079	CỔ GIÓ BẦU BƠ E GIÓ (E4)	Cái	189,000
541	A21R22-1109196-20	CỔ HÚT BẦU LỌC GIÓ	Cái	366,000
542	A21R22-1109196-10	CỔ HÚT GIÓ VÀO BẦU BƠ	Cái	366,000
543	.5270241F	CỔ ỐNG NƯỚC	Cái	366,000
544	5.3709.011-73	CÔNG TẮC	Cái	523,000
545	.F5.3709.011-287	CÔNG TẮC	Cái	314,000
546	758.3710-10.33A	CÔNG TẮC ABS	Cái	209,000
547	100203000030	CÔNG TẮC AC	Cái	314,000
548	C41R11.3720030	CÔNG TẮC BÀN ĐẠP CHÂN PHANH	Cái	209,000
549	C41R11.3720020	CÔNG TẮC BÀN ĐẠP LY HỢP	Cái	209,000
550	.79.3710.000-01	CÔNG TẮC BẢO ĐỒNG MỞ CỬA	Cái	209,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
551	249.3710-02(245.3710-02)	CÔNG TẮC BÁO NGUY	Cái	209,000
552	.354.3769.000	CÔNG TẮC BẮM KÍNH CỬA VÀ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	471,000
553	.921.3709.000	CÔNG TẮC BẮM KÍNH CỬA, BÊN PHẢI	Cái	314,000
554	3302.3709040	CÔNG TẮC BẮM KÍNH CỬA, BÊN PHẢI	Cái	314,000
555	.355.3769.000	CÔNG TẮC BẮM KÍNH CỬA, BÊN TÀI (KHÔNG CÓ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CHIẾU HẬU)	Cái	314,000
556	3302.3709060-01	CÔNG TẮC BẮM KÍNH CỬA, BÊN TÀI (KHÔNG CÓ ĐIỀU CHỈNH KÍNH CHIẾU HẬU)	Cái	262,000
557	758.3710-10.34A	CÔNG TẮC CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	209,000
558	771.3709-02.100A	CÔNG TẮC CHẨN ĐOÁN ĐỘNG CƠ	Cái	209,000
559	.F5.3709.011-84	CÔNG TẮC ĐÈN NỘI THẤT	Cái	314,000
560	885.3709	CÔNG TẮC ĐÈN PHA	Cái	209,000
561	2705.3709100-10	CÔNG TẮC ĐÈN PHA COS (TÍCH HỢP BÁO NGUY HIỂM)	Cái	1,050,000
562	15.3720	CÔNG TẮC ĐÈN PHANH	Cái	314,000
563	.21.3720	CÔNG TẮC ĐÈN THẮNG	Cái	200,000
564	A21R23.3720010	CÔNG TẮC ĐÈN THẮNG	Cái	200,000
565	.82.3709-01.12	CÔNG TẮC ĐÈN TRONG CABIN	Cái	262,000
566	.997.3710-08.12	CÔNG TẮC ĐÈN TRONG CABIN	Cái	200,000
567	.F5.3709.011-381	CÔNG TẮC ĐIỀU CHỈNH ĐÈN	Cái	314,000
568	A21R23.3769010-10	CÔNG TẮC ĐIỀU CHỈNH ĐÈN PHA, ĐÈN CÀN	Cái	1,260,000
569	A31R22.3769010	CÔNG TẮC ĐIỀU CHỈNH ĐÈN PHA, ĐÈN CÀN	Cái	1,680,000
570	A31R22.3769010-10	CÔNG TẮC ĐIỀU CHỈNH ĐÈN PHA, ĐÈN CÀN	Cái	1,260,000
571	.F5.3709.004	CÔNG TẮC ĐIỀU CHỈNH GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	314,000
572	A030013364E	CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN ĐÈN PHA COS	Cái	4,710,000
573	3111.3709100-28	CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN ĐÈN PHA COS, XI NHAN	Cái	1,050,000
574	UC1A11.3709100	CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN ĐÈN PHA COS, XI NHAN	Cái	1,050,000
575	2705.3709300	CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN GẠT MƯA	Cái	680,000
576	3110.3709300-38	CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN GẠT MƯA	Cái	680,000
577	.997.3710-10.34-01	CÔNG TẮC ĐÓNG MỜ CỬA	Cái	209,000
578	.997.3710-09.253	CÔNG TẮC ERG	Cái	314,000
579	.997.3710-10.226	CÔNG TẮC GÀI CẦU	Cái	314,000
580	.997.3710.000-14	CÔNG TẮC GIÁ	Cái	314,000
581	.F5.3709.011	CÔNG TẮC GIÁ	Cái	105,000
582	A21R23-3763240	CÔNG TẮC GIÁ	Cái	105,000
583	3221-5325132	CÔNG TẮC GIÁ BẢNG ĐIỀU KHIỂN	Cái	53,000
584	.2812.3710-03	CÔNG TẮC MỜ CỬA LÊN XUỐNG TRƯỚC	Cái	262,000
585	.K-1-1P.A	CÔNG TẮC MỜ CỬA LÊN XUỐNG TRƯỚC	Cái	262,000
586	.F5.3709.011-365	CÔNG TẮC NÂNG HẠ BẦU HƠI	Cái	314,000
587	6EK002.843-05	CÔNG TẮC NỔ ĐẤT	Cái	889,000
588	.997.3710-09.327	CÔNG TẮC NGẮT HỆ THỐNG CÂN BẰNG	Cái	314,000
589	100402000030	CÔNG TẮC QUẠT	Cái	471,000
590	.33.3769.000	CÔNG TẮC QUẠT GIÓ	Cái	209,000
591	.F5.3709.011-628	CÔNG TẮC SƯỚI CABIN	Cái	314,000
592	.997.3710-07.29	CÔNG TẮC SƯỚI GHẾ	Cái	314,000
593	.82.3709-01.18	CÔNG TẮC SƯỚI GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	366,000
594	6052.3829-01	CÔNG TẮC TÍN HIỆU PHANH KHÍ NÉN	Cái	492,000
595	.F5.3709.011-159	CÔNG TẮC THÔNG GIÓ BÊN TRONG	Cái	314,000
596	.F5.3709.011-85	CÔNG TẮC THÔNG GIÓ CABIN	Cái	314,000
597	.F5.3709.011-286	CÔNG TẮC THÔNG GIÓ TRONG CABIN	Cái	575,000
598	83865850	CÔNG TẮC XI NHAN	Cái	3,140,000
599	.5443207F	CỐT MÁY	Cái	13,070,000
600	.WP482	CỐT MÁY	Cái	13,070,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
601	3302-3104018	CỐT TẮC KÊ BÁNH SAU	Cái	70,000
602	C41R92-3104018	CỐT TẮC KÊ BÁNH SAU	Cái	74,000
603	3302-3103008	CỐT TẮC KÊ BÁNH TRƯỚC	Cái	74,000
604	8090955198	CƠ CẤU LÁI	Cái	17,250,000
605	A63R42-8404118-20	CUA VÊ BÁNH SAU, BÊN PHẢI	Cái	2,770,000
606	A63R42-8404119-20	CUA VÊ BÁNH SAU, BÊN TRÁI	Cái	2,770,000
607	A63R42-8403020	CUA VÊ BÁNH TRƯỚC, PHẢI	Cái	8,360,000
608	A63R42-8403021	CUA VÊ BÁNH TRƯỚC, TRÁI	Cái	8,360,000
609	A31R23.6306594	CỤC HÍT CỬA SAU (GẮN TRÊN BODY)	Cái	262,000
610	A31R23.6306598	CỤC HÍT CỬA SAU (GẮN TRÊN CỬA)	Cái	250,000
611	2123-3725200	CỤC MỒI THUỐC	Cái	209,000
612	31105-1702159	CỤC TAY NẮM SỐ	Cái	157,000
613	.4898590F	CÙM CỔ TURBO	Cái	418,000
614	A21R22-1203039-10	CÙM TREO BẦU GIẢM ÂM	Cái	314,000
615	A21R23.3732010	CUỘN CÁP VỎ LĂNG	Cái	941,000
616	A31R23.3105032	CUỘN DÂY CÁP TREO LỚP DỰ PHÒNG	Cái	1,780,000
617	A21R22.1045110	CUROA DẪN ĐỘNG	Cái	1,000,000
618	A64R52-2803308	CUROAN ĐÈN CẢN TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	471,000
619	A64R52-2803308-10	CUROAN ĐÈN CẢN TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	471,000
620	A64R52-2803309	CUROAN ĐÈN CẢN TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	471,000
621	A64R52-2803309-10	CUROAN ĐÈN CẢN TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	471,000
622	A63R42-8104132	CỬA GIÓ	Cái	105,000
623	150203000350	CỬA GIÓ DÀN NÓNG ĐIỀU HOÀ SAU	Cái	941,000
624	A21R23.8104040	CỬA GIÓ TÁP LỖ	Cái	209,000
625	.FR00005081	CỬA KHÁCH, PHÍA DƯỚI, BÊN PHẢI	Cái	3,140,000
626	.FR00005080	CỬA KHÁCH, PHÍA DƯỚI, BÊN TRÁI	Cái	3,140,000
627	.FR00005082	CỬA KHÁCH, PHÍA TRÊN, BÊN PHẢI	Cái	3,140,000
628	.FR00005079	CỬA KHÁCH, PHÍA TRÊN, BÊN TRÁI	Cái	3,140,000
629	.IOMK-560.00.00.00	CỬA THÔNG GIÓ TRÊN TRẦN	Cái	5,750,000
630	3302-8511024-30	CHẮN BÙN BÁNH SAU	Cái	209,000
631	A21R23.8204010	CHE NẮNG TRONG CABIN, PHẢI	Cái	523,000
632	A21R23.8204011	CHE NẮNG TRONG CABIN, TRÁI	Cái	523,000
633	.5262813F	CHÉN CHẶN XU PÁP HÚT	Cái	209,000
634	.5262173F	CHÉN CHẶN XU PÁP XẢ	Cái	157,000
635	100105000010	CHỐI GẠT NƯỚC KÍNH	Cái	230,000
636	A21R23.5205900	CHỐI GẠT NƯỚC KÍNH	Cái	209,000
637	.015399000	CHỐT	Cái	105,000
638	A21R23-2904206	CHỐT ẮC NHẬP	Cái	366,000
639	260057-P29	CHỐT CẢN THẮNG TAY	Cái	53,000
640	.5255568F	CHỐT CÒ MỖ	Cái	314,000
641	.IOMK-500.01.00.08	CHỐT CHÈ DÂY MỜ CỬA THOÁT HIỂM	Cái	157,000
642	.5267974F	CHỐT DÂY XÍCH ĐỘNG CƠ	Cái	732,000
643	3302-3502082	CHỐT ĐỊNH TÂM BỐ THẮNG SAU	Cái	37,000
644	.3904483	CHỐT ĐỊNH VỊ	Cái	53,000
645	.3904483F	CHỐT ĐỊNH VỊ	Cái	105,000
646	294082-26	CHỐT ĐỊNH VỊ VỎ LY HỢP	Cái	105,000
647	A31R23.6305034	CHỐT GIỮ CỬA SAU, PHẢI	Cái	314,000
648	A31R23.6305031	CHỐT GIỮ CỬA SAU, TRÁI	Cái	314,000
649	A31R23-6426310	CHỐT GIỮ CỬA TRƯỢT	Cái	105,000
650	295729-II29	CHỐT KHÓA LẤP DỌC	Cái	32,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
651	260090-P29	CHỐT KHÓA MÔ TƠ CỬA ĐIỆN	Cái	157,000
652	A31R23-7806270	CHỐT KHÓA VÁCH NGẮN	Cái	53,000
653	258053-P	CHỐT MÔ TƠ KHÓA CỬA ĐIỆN	Cái	53,000
654	A21R23-6105068	CHỐT MỞ CỬA TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	53,000
655	A21R23-6105069	CHỐT MỞ CỬA TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	53,000
656	3302-3508157	CHỐT NGANG CHÍNH PHANH TAY, BỐ THẮNG SAU	Cái	105,000
657	31029-8402400	CHỐT NHỰA NHÉT TẮM CÁCH NHIỆT NẮP CA BÔ	Cái	32,000
658	31029-8402402	CHỐT NHỰA NHÉT TẮM CÁCH NHIỆT NẮP CA BÔ	Cái	32,000
659	8979465951-04	CHỤP BẢO VỆ	Cái	53,000
660	CBVGDHA65	CHỤP BẢO VỆ GIÀN ĐIỀU HÒA NÓC XE GAZ NEXT A65	Cái	2,300,000
661	3302-5107090	CHỤP BỤI CẦN SỐ	Cái	126,000
662	A21R23-6106144	CHỤP BỤI GIỚI HẠN CỬA	Cái	157,000
663	A21R23-6106544	CHỤP BỤI GIỚI HẠN CỬA	Cái	157,000
664	3302-3102016-03	CHỤP MÂM BÁNH XE	Cái	126,000
665	A31S13-3102016	CHỤP MÂM BÁNH XE	Cái	178,000
666	160203000040	CHỤP QUẠT DÀN NÓNG A68R52 (790X450X180MM)	Cái	1,890,000
667	100203000040	DÀN LẠNH ĐIỀU HÒA	Cái	18,290,000
668	100203000020	DÀN NÓNG HBS-P073018	Cái	3,980,000
669	190203000030	DÀN NÓNG HBS-P07602	Cái	3,980,000
670	100801000060	DẦU HỘP SỐ TỰ ĐỘNG TEXAMATIC 1888	Cái	110,000
671	100801000040	DẦU LẠNH ZEPOIL (1 LÍT/1 LON)	Liler	400,000
672	100801000070	DẦU PHANH G-ENERGY DOT4	Cái	130,000
673	A68R52-3862120	DÂY CẮM BIẾN	Cái	784,000
674	A68R52-6428122	DÂY CÁP CỬA LÊN XUỐNG	Cái	650,000
675	.2892176	DÂY CÁP MÁY CHẨN ĐOÁN	Cái	2,090,000
676	.3165141	DÂY CÁP MÁY CHẨN ĐOÁN	Cái	6,270,000
677	A63R42.6108160	DÂY CÁP MỞ CỬA LÊN XUỐNG	Cái	314,000
678	A68R52-6428130	DÂY CÁP MỞ CỬA LÊN XUỐNG	Cái	471,000
679	A68R52-6428132	DÂY CÁP MỞ CỬA LÊN XUỐNG	Cái	471,000
680	A31R23.6305248	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU PHẢI, PHÍA DƯỚI	Cái	366,000
681	A31R23.6305426	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU PHẢI, PHÍA TRÊN	Cái	366,000
682	A31S12.6305426	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU PHẢI, PHÍA TRÊN	Cái	314,000
683	A31R23.6305444	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU TRÁI, PHÍA DƯỚI	Cái	366,000
684	A31R23.6305442	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU TRÁI, PHÍA TRÊN	Cái	366,000
685	A31S12.6305442	DÂY CÁP MỞ CỬA SAU TRÁI, PHÍA TRÊN	Cái	314,000
686	A21R23.6105102	DÂY CÁP MỞ CỬA TRƯỚC	Cái	314,000
687	A31R23.6425070	DÂY CÁP MỞ CỬA TRƯỢT	Cái	366,000
688	A31R23.6425102	DÂY CÁP MỞ CỬA TRƯỢT	Cái	366,000
689	A31R23.6425248	DÂY CÁP MỞ CỬA TRƯỢT	Cái	366,000
690	A31R23.6425464	DÂY CÁP MỞ CỬA TRƯỢT	Cái	366,000
691	A31R23-5413270	DÂY CÁP MỞ NẮP THÙNG DẦU	Cái	575,000
692	.4919781	DÂY CÁP OBD2	Cái	6,270,000
693	A22R23.6205102	DÂY CÁP TAY MỞ CỬA SAU	Cái	300,000
694	A31R23.6305070	DÂY CÁP TAY MỞ CỬA SAU	Cái	314,000
695	A31R23.3105215	DÂY CÁP TREO BÁNH DỰ PHÒNG	Cái	732,000
696	A21R22.3724150	DÂY CỌC BÌNH ẮC QUY	Cái	471,000
697	A68R52.3724050	DÂY CỌC BÌNH ẮC QUY	Cái	680,000
698	.3978292	DÂY CU ROA	Cái	2,800,000
699	.GP.10220053	DÂY CU ROA	Cái	1,200,000
700	5340.1308170-11	DÂY CU ROA	Cái	440,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
701	5362-3701171-10	DÂY CU ROA	Cái	1,500,000
702	XPA1250/2	DÂY CU ROA	Cái	1,500,000
703	XPA1450	DÂY CU ROA	Cái	1,500,000
704	XPA1782	DÂY CU ROA	Cái	1,500,000
705	.5339586	DÂY CU ROA 8PK2525	Cái	1,200,000
706	.8PK2788	DÂY CU ROA 8PK2788	Cái	1,550,000
707	A64R42.1045020	DÂY CU ROA 8PK2788	Cái	1,550,000
708	.8PK2850	DÂY CU ROA 8PK2850	Cái	1,100,000
709	.8PK2950	DÂY CU ROA 8PK2950	Cái	1,450,000
710	.PM40004242	DÂY CUROA 4PK850	Cái	900,000
711	.99.00.999.0001	DÂY CUROA 6x600	Cái	940,000
712	.PM40004241	DÂY CUROA 7PK2380	Cái	1,000,000
713	.PM40004041	DÂY CUROA CAM	Cái	1,700,000
714	.A-14552	DÂY DẪN ĐIỆN	Cái	105,000
715	3309.3724653	DÂY ĐAI CỎ KẸP	Cái	105,000
716	5340.3701170-11	DÂY ĐAI QUẠT MÁT	Cái	400,000
717	53403.3724012	DÂY ĐIỆN	Cái	8,550,000
718	A21R22.3724043	DÂY ĐIỆN	Cái	105,000
719	A21R23.3770018	DÂY ĐIỆN	Cái	209,000
720	A62R33.3724033	DÂY ĐIỆN BẠC BƯỚC CHÂN	Cái	575,000
721	A68R52.3724031	DÂY ĐIỆN ĐÈN BIỂN SỐ	Cái	680,000
722	3302.3724107	DÂY ĐIỆN ĐÈ MÁY	Cái	157,000
723	A64R42.3724377	DÂY ĐIỆN LÊN HỘP CẦU CHÌ	Cái	314,000
724	A21R22.3724377-11	DÂY ĐIỆN MÁY PHÁT VÀ MÁY ĐÈ	Cái	314,000
725	A63R42.3867010-10	DÂY ĐIỆN MÔ TƠ CỬA	Cái	523,000
726	.IOMK-500.01.03.00	DÂY GIẬT MỜ CỬA THOÁT HIỂM	Cái	189,000
727	A21R23-8406150	DÂY GIẬT MỜ NẮP CA BÔ	Cái	366,000
728	A21R23-8406150-01	DÂY GIẬT MỜ NẮP CA BÔ	Cái	366,000
729	A21R22.3724551	DÂY MASS ĐỘNG CƠ	Cái	250,000
730	A31R32.1703016	DÂY SỐ	Cái	4,080,000
731	A31R33.1703016	DÂY SỐ	Cái	4,080,000
732	A21R32-3508068-02	DÂY THẮNG TAY	Cái	550,000
733	A68R52-3508068	DÂY THẮNG TAY	Cái	550,000
734	C45R02-3508068	DÂY THẮNG TAY	Cái	575,000
735	A21R23-3508068-02	DÂY THẮNG TAY	Cái	575,000
736	A22S13-3508068	DÂY THẮNG TAY	Cái	575,000
737	3302-3508180-05	DÂY THẮNG TAY SAU	Cái	314,000
738	A31S12-3508180	DÂY THẮNG TAY SAU	Cái	418,000
739	A68R52-3508180	DÂY THẮNG TAY SAU	Cái	575,000
740	C41R92-3508180-01	DÂY THẮNG TAY SAU (E5)	Cái	575,000
741	.4982040F	DÂY XÍCH CAM	Cái	1,570,000
742	.BBL1078	DÂY XÍCH CAM	Cái	1,570,000
743	A63R42-3502012	DỪNG THẮNG BÁNH SAU, PHẢI	Cái	627,000
744	A63R42-3502013	DỪNG THẮNG BÁNH SAU, TRÁI	Cái	627,000
745	A21R23-3501014	DỪNG THẮNG BÁNH TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	366,000
746	A21R23-3501015	DỪNG THẮNG BÁNH TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	366,000
747	5347.1008022	ĐÀ NẰNG CỬA ĐỘNG CƠ YAMZ-53441	Cái	1,890,000
748	3302-2801198	ĐÀ NGANG CHASSI SAU	Cái	1,050,000
749	C41R92-2915536	ĐÀ NGANG CHASSI SAU (CHỖ BẮT PHUỘC NHÚN)	Cái	2,620,000
750	3110-3504112	ĐAI ỐC	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
751	4599531-818	ĐAI ỐC	Cái	105,000
752	24523301	ĐAI ỐC	Cái	53,000
753	292353-51	ĐAI ỐC BẮT CỤC HÍT (GẮN TRÊN CỬA)	Cái	2,000
754	24-10-3102024	ĐAI ỐC BẮT CHỤP MÂM	Cái	126,000
755	.2871345F	ĐAI ỐC CHÍNH CÒ MỖ	Cái	105,000
756	C41R92-2402042	ĐAI ỐC ĐUÔI HỘP SỐ	Cái	314,000
757	292213-61	ĐAI ỐC LÁP DỌC	Cái	100,000
758	292210-31	ĐAI ỐC M10	Cái	10,000
759	292019-59121	ĐAI ỐC M8	Cái	10,000
760	A21R22-1701022	ĐẦU CƠ HỘP SỐ	Cái	2,930,000
761	A21R22-1701025	ĐẦU CƠ HỘP SỐ + BẠC ĐẠN ĐẦU CƠ	Cái	2,930,000
762	A21R22-1701025-10	ĐẦU CƠ HỘP SỐ + BẠC ĐẠN ĐẦU CƠ	Cái	2,930,000
763	A21R22V-1701025-10	ĐẦU CƠ HỘP SỐ + BẠC ĐẠN ĐẦU CƠ	Cái	2,930,000
764	.950212-M16X1.5	ĐẦU NỐI HƠI	Cái	105,000
765	.950212-M22X1.5	ĐẦU NỐI HƠI	Cái	250,000
766	.95028-M16X1.5	ĐẦU NỐI HƠI	Cái	105,000
767	.951212-M16X1.5	ĐẦU NỐI HƠI	Cái	105,000
768	C40R16-3506070	ĐẦU NỐI HƠI	Cái	732,000
769	3106.3715100	ĐẦU NỐI Ổ CẮM	Cái	157,000
770	A21R23.5208600-01	ĐẦU NỐI ỐNG NƯỚC XỊT KÍNH	Cái	84,000
771	.BL6DA-6A09	ĐẦU RÔ TUYN	Cái	523,000
772	AV3132-1707577	ĐẦU RÔ TUYN DÂY SỐ	Cái	262,000
773	RG3132-1707577	ĐẦU RÔ TUYN DÂY SỐ	Cái	262,000
774	A21R22-1601015-10	ĐẦU TRẦU HỘP SỐ (VỎ LY HỢP)	Cái	3,400,000
775	.PV10005732	ĐẦU VÀO BƠM CHÂN KHÔNG	Cái	523,000
776	CZX-01.02.4A(CZX-01)	ĐÈN BÁO LÙI	Cái	418,000
777	.27.3717	ĐÈN BIỂN SỐ	Cái	262,000
778	A21R23.3717010-01	ĐÈN BIỂN SỐ	Cái	262,000
779	A68R52.3717010	ĐÈN BIỂN SỐ	Cái	262,000
780	.243.3716	ĐÈN CÁN SAU	Cái	390,000
781	A21R22.3743010	ĐÈN CÁN TRƯỚC	Cái	575,000
782	A31R33.3743010	ĐÈN CÁN TRƯỚC	Cái	1,250,000
783	.ALRU.676512.074-01	ĐÈN CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	575,000
784	.ALRU.676512.073-01	ĐÈN CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	575,000
785	A68R52.3731010-10	ĐÈN ĐUÔI XE	Cái	314,000
786	A63R42.3731010	ĐÈN HÔNG XE	Cái	209,000
787	A68R52.3731010	ĐÈN HÔNG XE	Cái	314,000
788	A21R22.3716010	ĐÈN LÁI SAU	Cái	1,250,000
789	A21R22.3716010-01	ĐÈN LÁI SAU	Cái	1,250,000
790	A63R42.3716010	ĐÈN LÁI SAU	Cái	1,250,000
791	A63R42.3716010-01	ĐÈN LÁI SAU	Cái	1,250,000
792	A31R23.3716008	ĐÈN LÁI SAU, PHẢI	Cái	2,100,000
793	A31R23.3716009	ĐÈN LÁI SAU, TRÁI	Cái	2,100,000
794	A63R42.3714020-01	ĐÈN LED BỆ BƯỚC CHÂN	Cái	366,000
795	A64R42.3714020	ĐÈN LED CÓ CHỮ STOP	Cái	366,000
796	A68R52.3714010	ĐÈN MÁI TRONG XE	Cái	1,260,000
797	A63R42.3712010	ĐÈN MUI CABIN	Cái	262,000
798	A63R42.3731010-10	ĐÈN MUI PHÍA SAU	Cái	209,000
799	A68R52.3712010	ĐÈN NÓC XE	Cái	314,000
800	A64R52.3711014	ĐÈN PHA COS, BÊN PHẢI	Cái	8,800,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
801	A64R52.3711015	ĐÈN PHA COS, BÊN TRÁI	Cái	8,800,000
802	A21R23.3711012	ĐÈN PHA COS, PHẢI	Cái	3,100,000
803	A21R23.3711012-01	ĐÈN PHA COS, PHẢI	Cái	3,100,000
804	A21R23.3711013-01	ĐÈN PHA COS, PHẢI	Cái	3,100,000
805	A31R33.3711014	ĐÈN PHA COS, PHẢI	Cái	10,300,000
806	A21R23.3711013	ĐÈN PHA COS, TRÁI	Cái	3,100,000
807	A31R33.3711015	ĐÈN PHA COS, TRÁI	Cái	10,300,000
808	56.3731000	ĐÈN PHẢN QUANG CÁN SAU	Cái	209,000
809	A31R22.3716010	ĐÈN PHANH SAU	Cái	314,000
810	A31R23.3717010	ĐÈN SOI BIẾN SỐ	Cái	366,000
811	.BH.3714.001-01.02	ĐÈN TRẦN	Cái	300,000
812	.BH.3714.002-03	ĐÈN TRẦN	Cái	314,000
813	A21R23.3714010-01	ĐÈN TRẦN CABIN	Cái	300,000
814	A65R32.3714010-01	ĐÈN TRẦN HÀNH KHÁCH	Cái	262,000
815	.CIEY.453754.009-16	ĐÈN TRẦN TRONG CABIN	Cái	209,000
816	.CNEY.453754.009-16	ĐÈN TRẦN TRONG CABIN	Cái	209,000
817	A21R23.3712010	ĐÈN TRONG CABIN	Cái	209,000
818	A63R42.3714010	ĐÈN TRONG CABIN	Cái	300,000
819	.64.3726-05	ĐÈN XI NHAN	Cái	275,000
820	511.3712	ĐÈN XI NHAN	Cái	314,000
821	A21R23.3726010	ĐÈN XI NHAN	Cái	275,000
822	A31R33.3726010	ĐÈN XI NHAN	Cái	418,000
823	A68R52.3726010	ĐÈN XI NHAN	Cái	300,000
824	.5261340F	ĐẾ CÒ MỐ	Cái	314,000
825	A62R23-6811010	ĐẾ GHẾ TRƯỚC	Cái	3,140,000
826	.4919070	ĐẾ KIM PHUN	Cái	2,090,000
827	.5340730F	ĐỀ MÁY	Cái	5,860,000
828	.5713487F	ĐỀ MÁY	Cái	5,860,000
829	.BBL1012	ĐỀ MÁY	Cái	5,860,000
830	.PSH0008996	ĐỀ MÁY	Cái	5,020,000
831	5347.3708010-12	ĐỀ MÁY	Cái	22,850,000
832	A64R42-1306014	ĐẾ VAN HẰNG NHIỆT	Cái	1,800,000
833	31029-1701183	ĐỆM CANH HỘP SỐ	Cái	105,000
834	3302-2902120-01	ĐỆM CANH NHÍP SAU	Cái	42,000
835	3302-2902121-10	ĐỆM CANH NHÍP SAU	Cái	42,000
836	.A-17523	ĐỆM CAO SU	Cái	157,000
837	.M-2066-C	ĐỆM GIỮ LÒ XO ĐỊNH TÂM BỐ THẮNG SAU	Cái	53,000
838	A68R52V-2912472	ĐỆM LÒ XO KHÍ NÉN	Cái	471,000
839	A68R5E-2912630	ĐỆM LÓT BẰNG SẮT	Cái	189,000
840	A68R52-5612150	ĐỆM LÓT PHÍA SAU	Cái	471,000
841	A31R23-6426338	ĐỆM NGẬM CHỐT GIỮ CỬA TRƯỢT	Cái	105,000
842	4301-8201278	ĐỆM NHỰA GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	105,000
843	A65R33.5402403	ĐỆM NHỰA NÚT NHÉT TÁP PI	Cái	21,000
844	A65R33.5402404	ĐỆM NHỰA NÚT NHÉT TÁP PI	Cái	21,000
845	53403.1118325-10	ĐỆM ỐNG	Cái	30,000
846	5340.1213034	ĐỆM ỐNG XÃ	Cái	53,000
847	.251878009961	ĐĨA LY HỢP (LÁ COL)	Cái	3,680,000
848	.D0128	ĐĨA LY HỢP (LÁ COL)	Cái	3,680,000
849	8.9447	ĐĨA LY HỢP (LÁ COL)	Cái	9,410,000
850	A21R22.1601130	ĐĨA LY HỢP (LÁ COL)	Cái	3,680,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
851	3221-2912408	ĐĨA NHÍP	Cái	95,000
852	33027-2902408	ĐĨA NHÍP SAU	Cái	209,000
853	3291-2902408	ĐĨA NHÍP TRƯỚC	Cái	95,000
854	C41R92-3104006	ĐĨA PHANH SAU VÀ MOAY Ơ	Cái	8,500,000
855	C41R92-3104006-01	ĐĨA PHANH SAU VÀ MOAY Ơ	Cái	8,500,000
856	C41R92-3502078	ĐĨA THẮNG BÁNH SAU	Cái	3,950,000
857	A21R23-3501078	ĐĨA THẮNG BÁNH TRƯỚC	Cái	1,680,000
858	.5318121F	ĐINAMÔ (MÁY PHÁT ĐIỆN)	Cái	7,550,000
859	.PM40005261	ĐINAMÔ (MÁY PHÁT ĐIỆN)	Cái	8,630,000
860	.PSH0008994	ĐINAMÔ (MÁY PHÁT ĐIỆN)	Cái	6,800,000
861	.10506	ĐINH VÍT 4,2X19	Cái	21,000
862	.JSF2.8S4R129-031	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	334,400,000
863	.JSF2.8S4R148-002	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	334,400,000
864	.JSF2.8S5F148-012	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	355,300,000
865	.JSF2.8S5F148-017	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	355,300,000
866	.JSF2.8S5F148-025	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	355,300,000
867	G51A.1000500	ĐỘNG CƠ TỔNG THÀNH	Cái	344,850,000
868	71.3801-01	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ	Cái	6,540,000
869	A21R23.3801010-05	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ	Cái	6,355,000
870	A68R52.3801010	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ	Cái	6,540,000
871	A21R22.3801012	ĐỒNG HỒ TÁP LÔ (E5)	Cái	7,000,000
872	5340.1007174-01	ĐỪA TRỤC CAM	Cái	209,000
873	A65R32.3502136-01	ĐỪM THẮNG ĐĨA SAU, PHẢI	Cái	4,180,000
874	C41R92.3502136	ĐỪM THẮNG ĐĨA SAU, PHẢI	Cái	4,180,000
875	A65R32.3502137-01	ĐỪM THẮNG ĐĨA SAU, TRÁI	Cái	4,180,000
876	C41R92.3502137	ĐỪM THẮNG ĐĨA SAU, TRÁI	Cái	4,180,000
877	A21R23.3501136	ĐỪM THẮNG ĐĨA TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,930,000
878	A65R32.3501136-01	ĐỪM THẮNG ĐĨA TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,930,000
879	A21R23.3501137	ĐỪM THẮNG ĐĨA TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,930,000
880	A65R32.3501137-01	ĐỪM THẮNG ĐĨA TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,930,000
881	3302-2402138-20	ĐUÔI CÁ CẦU SAU	Cái	627,000
882	C41R92-2402138	ĐUÔI CÁ CẦU SAU	Cái	2,500,000
883	A68R52-1701238	ĐUÔI CÁ HỘP SỐ	Cái	2,620,000
884	A68R52-1701238-10	ĐUÔI CÁ HỘP SỐ	Cái	2,200,000
885	C41R92-1701238	ĐUÔI CÁ HỘP SỐ	Cái	2,620,000
886	DK-160040(4595651716)	Ê CU LẮP LỚP	Cái	157,000
887	292217-51	Ê RU ĐĨA NHÍP	Cái	53,000
888	100803000010	GÁ LẠNH FLORON R134A (BÌNH 13.6 KG)	Kg	210,000
889	A11-80.06(C20-5000000)	GẠT MƯA	Cái	9,200,000
890	A62R23.6810110	GHE HÀNH KHÁCH TRƯỚC	Cái	1,890,000
891	A64R42.6820010-01	GHE HÀNH KHÁCH VỚI TAY NẮM NGOÀI	Cái	1,890,000
892	A64R42.6820013-01	GHE HÀNH KHÁCH VỚI TAY NẮM NGOÀI	Cái	1,890,000
893	A64R42.6820013-20	GHE HÀNH KHÁCH VỚI TAY NẮM NGOÀI	Cái	1,890,000
894	A64R42.6820014	GHE HÀNH KHÁCH VỚI TAY NẮM NGOÀI	Cái	1,890,000
895	A64R42.6820014-20	GHE HÀNH KHÁCH VỚI TAY NẮM NGOÀI	Cái	1,890,000
896	A21R23.6800010-11*0010	GHE TÀI XẾ	Cái	9,875,000
897	A63R42-8201478	GỌNG GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN PHẢI	Cái	2,090,000
898	A63R42-8201479	GỌNG GƯƠNG CHIẾU HẬU BÊN PHẢI	Cái	2,090,000
899	3302.1001020	GỐI ĐỖ	Cái	471,000
900	406.1601293	GU DÔNG VỎ LY HỢP	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
901	39.8201020	GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	314,000
902	49.8201020	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI	Cái	400,000
903	49.8201020-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI (CÓ SỬỚT)	Cái	680,000
904	A68R52.8201020-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, BÊN PHẢI	Cái	2,620,000
905	A68R52.8201021-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, BÊN TRÁI	Cái	2,620,000
906	A21R23.8201020-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, PHẢI	Cái	3,140,000
907	A21R23.8201020-30	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, PHẢI (LOẠI 1 CHÂN)	Cái	1,650,000
908	A31R33.8201020-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, PHẢI (LOẠI 1 CHÂN)	Cái	1,890,000
909	A21R23.8201021-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, TRÁI	Cái	3,140,000
910	A21R23.8201021-30	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, TRÁI (LOẠI 1 CHÂN)	Cái	1,650,000
911	A31R33.8201021-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, TRÁI (LOẠI 1 CHÂN)	Cái	1,890,000
912	3110.8201006-10	GƯƠNG CHIẾU HẬU TRONG CABIN	Cái	575,000
913	2705-3105010	GIÁ ĐỠ BÁNH XE DỰ PHÒNG	Cái	471,000
914	A31S12-3105054	GIÁ ĐỠ BÁNH XE DỰ PHÒNG	Cái	523,000
915	A21R22-1109136-10	GIÁ ĐỠ BẦU LỘC GIÓ	Cái	314,000
916	A21R23-3703025-01	GIÁ ĐỠ BÌNH ĐIỆN	Cái	836,000
917	C41C23-8112380	GIÁ ĐỠ QUẠT GIÓ CÓ MÔ TƠ TRƯỚC (E5)	Cái	1,730,000
918	A31R33-1101103	GIÁ ĐỠ SAU	Cái	157,000
919	A63R42-6106240	GIÁ LẮP BỘ DẪN ĐỘNG	Cái	575,000
920	DT04-3P-P007	GIẮC CẮM	Cái	2,620,000
921	A21R23-8403334	GIỮ CHẮN BÙN	Cái	209,000
922	31029-1701179	HÀM RĂNG VÀNG	Cái	280,000
923	.F5.3722.001-33	HỘP CẦU CHỈ	Cái	575,000
924	PH5.3722.003-04(05)	HỘP CẦU CHỈ BPR-5-4.03	Cái	418,000
925	A21R23-5303012	HỘP CỐP TÁP LÔ	Cái	993,000
926	TH24.02.2	HỘP ĐIỀU KHIỂN	Cái	7,320,000
927	A62R23.3867102	HỘP ĐIỀU KHIỂN BẠC LÊN XUỐNG TỰ ĐỘNG	Cái	1,800,000
928	A62R23.3867102-10	HỘP ĐIỀU KHIỂN BẠC LÊN XUỐNG TỰ ĐỘNG	Cái	1,800,000
929	A62R32.3867100	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA	Cái	1,890,000
930	A68R52.3867100-10	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA	Cái	3,550,000
931	.13.25.011.0011	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA (DD)	Cái	6,270,000
932	.13.25.011.0012	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA (DD)	Cái	6,270,000
933	A68R52.6512300	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA MỞ ĐIỆN (CÓ BẮM REMOTE)	Cái	1,830,000
934	C41R11.3867100	HỘP ĐIỀU KHIỂN CỬA TRƯỢT	Cái	784,000
935	.PM40006228	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ	Cái	12,540,000
936	.5293527F	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECU)	Cái	13,400,000
937	.5293525F	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECU) E4	Cái	14,100,000
938	.BBL1635	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECU) E4	Cái	14,100,000
939	.5293526	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECU) E5	Cái	14,000,000
940	A65R52-3761181-20	HỘP ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ (ECU) E5	Cái	21,950,000
941	.ADVR.355.00.00.000	HỘP ĐIỀU KHIỂN KHỐI NÓNG	Cái	941,000
942	A21R23-5702606	HỘP ĐỰNG ĐỒ TRÊN TRẦN	Cái	314,000
943	A21R23-5303202	HỘP ĐỰNG HỒ SƠ	Cái	732,000
944	A21R23.8203010	HỘP GẠT TÀN THUỐC	Cái	209,000
945	A63R42-6108602	HỘP GIỮ DÂY CÁP	Cái	157,000
946	R520413747	HỘP RỜ LE	Cái	1,780,000
947	A63R42.3867100-10	HỘP RỜ LE ĐIỀU KHIỂN CỬA	Cái	1,780,000
948	A31R32-1700010-01	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	31,350,000
949	A31R32B-1700010-01	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	31,350,000
950	A31R32B-1700010-10	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	30,000,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
951	A31R32V-1700010-01	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	31,350,000
952	A31R32V-1700010-10	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	31,200,000
953	A68R52B-1700010-20	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	28,220,000
954	C45R92B-1700010-01	HỘP SỐ TỔNG THÀNH	Cái	26,130,000
955	.S4072.3747	HỘP XI NHAN DƯỚI VỎ LẮNG	Cái	590,000
956	A21R23.3721006	KÈN ĐIỆN	Cái	245,000
957	A21R23.3721006-10	KÈN ĐIỆN	Cái	245,000
958	8387002006ANGEL	KEO 02 MẶT	Cái	209,000
959	100804000010	KEO CHỐNG ĐỀ XE THRECBOND	Cái	400,000
960	100804000300	KEO DÁN ROONG	Cái	80,000
961	100804000020	KEO LẮM KÍN ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC RTV	Cái	80,000
962	A21R23-3102025	KỆP BẮT CHỤP MẮM	Cái	105,000
963	21-8406190	KỆP DÂY CÁP	Cái	53,000
964	A63R42-6108300	KỆP DÂY CÁP	Cái	53,000
965	.5405579F	KỆP GIỮ	Cái	209,000
966	13-8402194	KỆP GIỮ DÂY ĐIỆN	Cái	11,000
967	2101-3506045	KỆP NHỰA ỐNG DẦU	Cái	32,000
968	A63R42-5702588	KỆP ỐP NHỰA	Cái	105,000
969	.5318533F	KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT (SINH HÀN)	Cái	3,660,000
970	.BBL1056	KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT (SINH HÀN)	Cái	3,660,000
971	.PSH0006971	KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT (SINH HÀN)	Cái	3,660,000
972	.PSH0009140	KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT (SINH HÀN)	Cái	3,660,000
973	A21R23.8112033-01	KẾT GIÀN NÓNG	Cái	3,660,000
974	A64R42.8112014-01KN	KẾT GIÀN NÓNG TRÊN TRẦN	Cái	7,229,000
975	A21R22.1172012-10	KẾT GIÓ TURBO	Cái	4,750,000
976	A21R22.1172012-20	KẾT GIÓ TURBO	Cái	5,230,000
977	A21R22.1301010-11	KẾT NƯỚC	Cái	2,610,000
978	A21R22.1301010-20	KẾT NƯỚC	Cái	6,200,000
979	C41R13.1301005-31	KẾT NƯỚC + KẾT GIÓ	Cái	8,570,000
980	4238-1301010	KẾT TẢN NHIỆT	Cái	11,500,000
981	.5309291F	KIM PHUN DẦU	Cái	7,530,000
982	.5589197F	KIM PHUN DẦU	Cái	6,270,000
983	.BBL1454	KIM PHUN DẦU	Cái	9,000,000
984	.PM40004126	KIM PHUN DẦU	Cái	7,840,000
985	53443.1112010	KIM PHUN DẦU	Cái	12,540,000
986	A22R23-5403080	KÍNH CỔ ĐỊNH	Cái	3,140,000
987	A21R23-6103052-01	KÍNH CỔ ĐỊNH CỬA, PHẢI	Cái	627,000
988	A21R23-6103053-01	KÍNH CỔ ĐỊNH CỬA, TRÁI	Cái	627,000
989	.SRF94-G4S3-011021	KÍNH CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	5,750,000
990	.FR00005078	KÍNH CỬA HÀNH KHÁCH - DƯỚI	Cái	3,140,000
991	A63R42-6103052-20	KÍNH CỬA HÀNH KHÁCH - DƯỚI	Cái	3,140,000
992	A63R42-6203052-20	KÍNH CỬA HÀNH KHÁCH - PHÍA SAU	Cái	3,140,000
993	.FR00005530	KÍNH CỬA HÀNH KHÁCH - PHÍA TRÊN	Cái	3,660,000
994	A63R42.5403083	KÍNH CỬA HÔNG, TRÁI	Cái	4,080,000
995	A63R42.5403093	KÍNH CỬA HÔNG, TRÁI	Cái	4,080,000
996	A63R42.5403093-20	KÍNH CỬA HÔNG, TRÁI	Cái	5,750,000
997	A63R42-6103052	KÍNH CỬA LÊN XUỐNG DƯỚI	Cái	1,570,000
998	A68R52-6421014	KÍNH CỬA LÊN XUỐNG HÀNH KHÁCH	Cái	6,540,000
999	A63R42-6203052	KÍNH CỬA LÊN XUỐNG SAU	Cái	1,570,000
1000	A63R42-6103050	KÍNH CỬA LÊN XUỐNG TRÊN	Cái	1,570,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1001	A63R42-5603014-20	KÍNH CỬA SAU (KÍNH LƯNG)	Cái	3,140,000
1002	3203-6103010-05	KÍNH CỬA SỐ	Cái	2,090,000
1003	A63R42.5403082-20	KÍNH CỬA SỐ BÊN PHẢI	Cái	5,750,000
1004	.FR00005367	KÍNH CỬA SỐ BÊN PHẢI 2	Cái	8,890,000
1005	A63R42.5403092-20	KÍNH CỬA SỐ BÊN PHẢI 2	Cái	5,750,000
1006	A63R42.5403083-20	KÍNH CỬA SỐ BÊN TRÁI	Cái	5,750,000
1007	A68R52.5403104	KÍNH CỬA SỐ PHÍA DƯỚI, BÊN PHẢI	Cái	3,140,000
1008	A68R52.5403052	KÍNH CỬA SỐ PHÍA TRÊN, BÊN PHẢI	Cái	6,270,000
1009	A68R52.5403053	KÍNH CỬA SỐ PHÍA TRÊN, BÊN TRÁI	Cái	6,270,000
1010	2217-5713012	KÍNH CỬA SỐ TRỜI	Cái	2,620,000
1011	A63R42-5403104-20	KÍNH CỬA SỐ TRƯỚC - PHÍA DƯỚI	Cái	3,140,000
1012	FR-00009855	KÍNH CỬA SỐ, BÊN TRÁI CÓ CỬA SỐ LỚN	Cái	7,320,000
1013	A32R23-6423052-01	KÍNH CỬA TRƯỢT	Cái	1,570,000
1014	A21R23-6103214-01	KÍNH CỬA, PHẢI	Cái	1,570,000
1015	A21R23-6103215-01	KÍNH CỬA, TRÁI	Cái	290,000
1016	A21R23-5206010-01	KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	3,900,000
1017	A31R33-5206009-01	KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	3,900,000
1018	A63R42-5206010-01	KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	2,900,000
1019	A68R52-5206010	KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	6,800,000
1020	3203-5206012-20	KÍNH CHẮN GIÓ, PHẢI	Cái	3,660,000
1021	3203-5206013-20	KÍNH CHẮN GIÓ, TRÁI	Cái	3,660,000
1022	A63R42-5403052	KÍNH HÔNG	Cái	1,260,000
1023	A63R42-5403104	KÍNH HÔNG CỬA DƯỚI, PHẢI	Cái	1,260,000
1024	A32R23.5403053-01	KÍNH HÔNG CỬA SỐ	Cái	3,350,000
1025	A63R42.5403053	KÍNH HÔNG CỬA SỐ	Cái	5,750,000
1026	A63R42.5403082	KÍNH HÔNG CỬA, PHẢI	Cái	4,390,000
1027	.FR00005076	KÍNH HÔNG Ở GIỮA	Cái	3,140,000
1028	A65R52.5403062-01	KÍNH HÔNG SỐ 1, BÊN PHẢI	Cái	3,140,000
1029	A65R52.5403063-01	KÍNH HÔNG SỐ 1, BÊN TRÁI	Cái	3,140,000
1030	A65R52.5403082-01	KÍNH HÔNG SỐ 2, BÊN PHẢI	Cái	5,230,000
1031	A68R52.5403062	KÍNH HÔNG SỐ 2, BÊN PHẢI	Cái	2,090,000
1032	A65R52.5403083-01	KÍNH HÔNG SỐ 2, BÊN TRÁI	Cái	5,230,000
1033	A68R52.5403063	KÍNH HÔNG SỐ 2, BÊN TRÁI	Cái	7,320,000
1034	A68R52.5403082	KÍNH HÔNG SỐ 3, BÊN PHẢI	Cái	3,140,000
1035	A68R52.5403083	KÍNH HÔNG SỐ 3, BÊN TRÁI	Cái	3,140,000
1036	A68R52.5403092	KÍNH HÔNG SỐ 4, BÊN PHẢI	Cái	7,320,000
1037	A68R52.5403093	KÍNH HÔNG SỐ 4, BÊN TRÁI	Cái	7,320,000
1038	A65R52.5403102-01	KÍNH HÔNG TẮM CUỐI, PHẢI	Cái	3,140,000
1039	A65R52.5403103-01	KÍNH HÔNG TẮM CUỐI, TRÁI	Cái	3,140,000
1040	A63R42.5403092	KÍNH HÔNG, PHẢI	Cái	3,660,000
1041	A63R42-5403062	KÍNH HÔNG, PHẢI	Cái	1,570,000
1042	A21R23-5603016-01	KÍNH LƯNG	Cái	2,620,000
1043	A63R42-5603014	KÍNH LƯNG	Cái	1,570,000
1044	A68R52.5603014	KÍNH LƯNG	Cái	5,750,000
1045	FR-00009523	KÍNH LƯNG SAU PHẢI	Cái	4,180,000
1046	FR-00009524	KÍNH LƯNG SAU TRÁI	Cái	4,180,000
1047	A62R33.6303052-01	KÍNH LƯNG SAU, PHẢI	Cái	1,570,000
1048	A62R33.6303053-01	KÍNH LƯNG SAU, TRÁI	Cái	1,570,000
1049	.FR00005086	KÍNH PHÍA TRÊN CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	2,620,000
1050	A68R52.5703020	KÍNH PHÍA TRÊN KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	1,310,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1051	A62R33.5403062-01	KÍNH SỐ 1, PHẢI	Cái	1,570,000
1052	A62R33.5403063-01	KÍNH SỐ 1, TRÁI	Cái	1,570,000
1053	A62R33.5403082-01	KÍNH SỐ 2, PHẢI	Cái	4,390,000
1054	A62R33.5403083-01	KÍNH SỐ 2, TRÁI	Cái	5,750,000
1055	31029-1701171-10	KHÓA BỘ ĐỒNG TỐC	Cái	105,000
1056	3302-1702028	KHÓA CẦN LỬA SỐ	Cái	105,000
1057	3302-1702028-10	KHÓA CẦN LỬA SỐ (LOẠI MỎNG)	Cái	105,000
1058	A31R23.6306082	KHÓA GIỮ CẦN GIỚI HẠN	Cái	262,000
1059	.MB11	KHÓA MOAY Ơ SAU	Cái	157,000
1060	A31R23.6305454	KHÓA MỞ CỬA SAU	Cái	471,000
1061	3302-2403040	KHÓA VI SAI CẦU SAU	Cái	105,000
1062	53443.3763010-20	KHOİ ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN TỬ	Cái	12,540,000
1063	.ADVR.285.01.00.000	KHOİ NÓNG	Cái	9,930,000
1064	536.3708010-02	KHƠI ĐỘNG M93R3102SE	Cái	7,110,000
1065	3302-1601215	KHỚP CÀNG ĐẨY LY HỢP	Cái	105,000
1066	A68R52.8202315	KHỚP NỐI NGANG	Cái	314,000
1067	A68R52.8202320	KHỚP NỐI TRỤ DƯỚI	Cái	157,000
1068	A62R23-8405015	KHUNG BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG CỬA SAU	Cái	2,620,000
1069	A64R52-2807030	KHUNG BẮT BIẾN SỐ	Cái	314,000
1070	A68R52-3105334	KHUNG BẮT TREO LỖP DỰ PHÒNG	Cái	314,000
1071	C42R92-1309011-30	KHUNG DẪN GIÓ KẾT NƯỚC	Cái	1,890,000
1072	A21R22-1309021	KHUNG DẪN GIÓ KẾT NƯỚC, DƯỚI	Cái	314,000
1073	A21R22-1309020	KHUNG DẪN GIÓ KẾT NƯỚC, TRÊN	Cái	262,000
1074	A21R23-3901008	KHUNG HỘP ĐỒ NGHỀ	Cái	784,000
1075	160203000030	KHUNG LẮP DÀN NÓNG DƯỚI GẦM	Cái	3,660,000
1076	150203000081	KHUNG LẮP DÀN NÓNG DƯỚI GẦM	Cái	3,660,000
1077	A21R23-2803112	KHUNG SẮT BẮT CÁN TRƯỚC	Cái	4,710,000
1078	A21R23-5325026	KHUNG TÁP LỖ	Cái	5,230,000
1079	A63R42-5325010	KHUNG TÁP LỖ	Cái	26,130,000
1080	A64R42-6821012	KHUNG XƯƠNG GHẾ ĐÔI	Cái	2,090,000
1081	A64R42-6821018	KHUNG XƯƠNG GHẾ ĐÔI	Cái	2,090,000
1082	A21R23-8401052	KHUNG XƯƠNG TRƯỚC KẾT NƯỚC	Cái	3,850,000
1083	A68R52-5602212	LA PHÒNG PHÍA SAU	Cái	12,540,000
1084	A63R42-5602212-10	LA PHÒNG TRẦN	Cái	4,710,000
1085	A63R42-5702012	LA PHÒNG TRẦN	Cái	3,350,000
1086	A21R22.2200010-21	LÁP DỌC	Cái	12,540,000
1087	A21R32.2200010-21	LÁP DỌC	Cái	12,540,000
1088	A31S12.2200010-40	LÁP DỌC	Cái	7,320,000
1089	A68R52.2200010-10	LÁP DỌC	Cái	18,500,000
1090	C41R92.2200010-10	LÁP DỌC	Cái	12,540,000
1091	C41R92.2200010-30	LÁP DỌC	Cái	12,540,000
1092	C45R02.2200010	LÁP DỌC	Cái	13,070,000
1093	A21R22-2403070	LÁP NGANG CẦU SAU	Cái	1,570,000
1094	A32R32-2403070	LÁP NGANG CẦU SAU	Cái	6,800,000
1095	C41R92-2403070	LÁP NGANG CẦU SAU	Cái	3,500,000
1096	53443.1112150	LẮP BÊN	Cái	1,430,000
1097	A68R52-6508034	LỖ XO	Cái	157,000
1098	M-2472-A	LỖ XO BÀN ĐẠP PHANH	Cái	53,000
1099	20-3508161	LỖ XO BỐ THẮNG SAU	Cái	32,000
1100	.M-2065-C	LỖ XO ĐỊNH TÂM BỐ THẮNG SAU	Cái	53,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1101	31029-1702106	LÒ XO ĐỊNH VỊ NẮP HỘP SỐ	Cái	53,000
1102	3105-1701170	LÒ XO ĐỒNG TỐC	Cái	105,000
1103	A32R32-2902712	LÒ XO ĐỠ TRỤC CÂN BẰNG TRƯỚC	Cái	1,950,000
1104	3302-3502035	LÒ XÒ GIỮ BỐ THẮNG SAU, PHÍA DƯỚI	Cái	32,000
1105	12-3501035	LÒ XÒ GIỮ BỐ THẮNG SAU, PHÍA TRÊN	Cái	53,000
1106	180-2934002-94	LÒ XO KHÍ NÉN	Cái	4,030,000
1107	31029-1702314	LÒ XO THANH SANG SỐ 5	Cái	53,000
1108	.5307153F	LÒ XO XU PÁP	Cái	209,000
1109	A21R23.3763150	LOA TRONG CABIN	Cái	784,000
1110	.6660459340	LỌC DẦU	Cái	1,200,000
1111	.8.9290	LỌC DẦU	Cái	750,000
1112	.FS19925	LỌC DẦU	Cái	260,000
1113	.GP01.13.0152	LỌC DẦU	Cái	260,000
1114	.PSH0009180	LỌC DẦU	Cái	600,000
1115	536.1117075-01	LỌC DẦU	Cái	410,000
1116	536.1117075-04	LỌC DẦU	Cái	720,000
1117	536-1117075-01	LỌC DẦU	Cái	1,200,000
1118	017065-4319	LỌC GA ĐIỀU HÒA TRÊN TRẦN	Cái	2,500,000
1119	38-1109013-10	LỌC GIÓ	Cái	400,000
1120	A21R23.8119200	LỌC GIÓ ĐIỀU HÒA	Cái	85,000
1121	.GB-529	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ	Cái	300,000
1122	260-1109300	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ	Cái	770,000
1123	260-1109300-01	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ	Cái	500,000
1124	28-41-1109013	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ	Cái	300,000
1125	.GB-9434M	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ (LOẠI NGẮN)	Cái	300,000
1126	28-1109013-10	LỌC GIÓ ĐỘNG CƠ (LOẠI NGẮN)	Cái	300,000
1127	4301-3553010	LỌC HƠI THÙNG DẦU	Cái	53,000
1128	.GP01.13.0154	LỌC NHÓT	Cái	220,000
1129	.LF17356	LỌC NHÓT	Cái	220,000
1130	.PSH0008997	LỌC NHÓT	Cái	220,000
1131	5340.1012075	LỌC NHÓT	Cái	650,000
1132	5340-1012075-02	LỌC NHÓT	Cái	1,200,000
1133	5341.1012075-01	LỌC NHÓT	Cái	1,200,000
1134	.1140100F	LỌC TÁCH ẨM KHÍ NÉN	Cái	1,260,000
1135	4310-3407359-10	LỖI LỌC DẦU BƠM TRỰ Ợ LỰC LÁI	Cái	523,000
1136	.5361699F	LON ĐỀN	Cái	53,000
1137	293012-19121	LON ĐỀN	Cái	20,000
1138	293286-P29	LON ĐỀN	Cái	53,000
1139	312310-P34	LON ĐỀN	Cái	53,000
1140	33104-3506391	LON ĐỀN	Cái	53,000
1141	33104-3506391-10	LON ĐỀN	Cái	53,000
1142	C41R92-3104030	LON ĐỀN CANH	Cái	105,000
1143	12-2403058-A2	LON ĐỀN CANH BÁNH RĂNG HÀNH TINH	Cái	13,000
1144	3302-2403030	LON ĐỀN CANH BÁNH RĂNG HỘ TINH	Cái	53,000
1145	24-1701146	LON ĐỀN CANH BÁNH RĂNG SỐ 5	Cái	80,000
1146	A21R22-1701104	LON ĐỀN CANH BÁNH RĂNG TẦNG DƯỚI	Cái	157,000
1147	24-2402075	LON ĐỀN CANH CẦU SAU	Cái	105,000
1148	24-2402077	LON ĐỀN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000
1149	24-2402095	LON ĐỀN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000
1150	24-2402096	LON ĐỀN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1151	24-2402097	LON ĐÈN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000
1152	24-2402098	LON ĐÈN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000
1153	24-2402099	LON ĐÈN CANH CÙI DĨA	Cái	105,000
1154	.5290486F	LON ĐÈN KIM PHUN	Cái	53,000
1155	.BBL1198	LON ĐÈN KIM PHUN	Cái	53,000
1156	3302-2401055	LON ĐÈN KHÓA MOAY Ơ	Cái	105,000
1157	.5291706F	LON ĐÈN ỐNG DẦU	Cái	42,000
1158	3302.8511188-11	LÔNG VÈ CHẮN BÙN	Cái	314,000
1159	A63R42.8403354	LÔNG VÈ CHẮN BÙN TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	575,000
1160	A63R42.8403355	LÔNG VÈ CHẮN BÙN TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	575,000
1161	A31R33-8403358	LÔNG VÈ TRƯỚC, PHẢI	Cái	366,000
1162	A31R33-8403359	LÔNG VÈ TRƯỚC, TRÁI	Cái	366,000
1163	A31R23.8212060	LÔ GỖ BIỂU TƯỢNG GAZ	Cái	418,000
1164	A31S12-8212018	LÔ GỖ CHỮ SOBOL	Cái	157,000
1165	298430-P	LỖ THÔNG HƠI	Cái	105,000
1166	298430-II	LỖ THỜ THÔNG HƠI	Cái	53,000
1167	.AAAAY00150	LỐC LẠNH	Cái	5,750,000
1168	A21R22.8111010	LỐC LẠNH	Cái	7,200,000
1169	A21R22.8111010-01	LỐC LẠNH	Cái	4,710,000
1170	A31R32.8111020	LỐC LẠNH	Cái	7,400,000
1171	A31R32.8111020-01	LỐC LẠNH	Cái	6,200,000
1172	160203000130	LỐC LẠNH VALEO	Cái	12,800,000
1173	.5334639F	LỐC MÁY	Cái	45,000,000
1174	LD21353	LÔNG ĐÈN CHỮ NHẬT(21X35X3MM, Ø8.5MM	Cái	53,000
1175	.195/75R16CHK-131	LỐP 195/75R16C	Cái	3,660,000
1176	100207000010	LỐP ADVENZA GAZELLE 185/75R16C	Cái	1,750,000
1177	.185/75R16CCA-1	LỐP CORDIANT 185/75R16C	Cái	1,750,000
1178	100207000020	LỐP MAXXIS 195/75R16C	Cái	2,830,000
1179	100207000030	LỐP Ô TÔ ADVENZA TL 235/65R16C TRAVELLER AT666 115/113R	Cái	2,150,000
1180	A31R33-3105092	LỤC GIÁC MỜ LỐP DỰ PHÒNG	Cái	471,000
1181	A64R52-8401020	LƯỚI TẢN NHIỆT	Cái	1,570,000
1182	320412-05-28030300-01	LƯỚI TẢN NHIỆT CÁN TRƯỚC	Cái	1,570,000
1183	7686.040.103(ZYB-1212R/1	LY HỢP TRỢ LỰC LÁI	Cái	314,000
1184	.112.19.92.3711.50.000	MẠCH ĐÈN PHA	Cái	1,800,000
1185	A63R42-5701330	MÁI NGANG PHÍA TRONG CABIN	Cái	1,260,000
1186	A65R32-8115340	MẮNG GIÓ BÊN PHẢI	Cái	5,230,000
1187	A65R32-8115341	MẮNG GIÓ BÊN TRÁI	Cái	5,230,000
1188	.2892096	MÁY CHẮN ĐOÁN	Cái	2,090,000
1189	5340.3701010-02	MÁY PHÁT ĐIỆN	Cái	5,750,000
1190	.CAKD.458201.060	MẶT GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	366,000
1191	57.8201020	MẶT GƯƠNG CHIẾU HẬU NGOÀI, DƯỚI	Cái	471,000
1192	A21R23-3101015	MÂM BÁNH XE	Cái	2,040,000
1193	A31S13-3101015	MÂM BÁNH XE	Cái	4,920,000
1194	.053482001880	MÂM ÉP LY HỢP	Cái	3,050,000
1195	.C0093	MÂM ÉP LY HỢP	Cái	3,050,000
1196	A21R22.1601090	MÂM ÉP LY HỢP	Cái	3,050,000
1197	.PM40004151	MIẾNG CANH CỐT MÁY	Cái	209,000
1198	.4946030F	MIẾNG CỐT MÁY	Cái	209,000
1199	.4996250F	MIẾNG CỐT MÁY	Cái	209,000
1200	.BBL1046	MIẾNG CỐT MÁY	Cái	209,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1201	.BBL1047	MIẾNG CỐT MÁY	Cái	209,000
1202	.4946031F	MIẾNG CỐT MÁY (CANH DỌC)	Cái	418,000
1203	.BBL1048	MIẾNG CỐT MÁY (CANH DỌC)	Cái	418,000
1204	.PM40004148-2	MIẾNG CỐT MÁY, DƯỚI	Cái	209,000
1205	.PM40004147-2	MIẾNG CỐT MÁY, TRÊN	Cái	209,000
1206	2108-8201190	MIẾNG ĐỆM BẮT GƯƠNG CHIẾU HẬU TRONG CABIN	Cái	42,000
1207	A31R23-6306580	MIẾNG ĐIỆM GIỚI HẠN	Cái	21,000
1208	A21R23-8407260	MIẾNG ĐỠ CÂY CHỐNG NẮP CA BÔ	Cái	209,000
1209	.5340182F	MIẾNG TAY DÈN	Cái	209,000
1210	.5348887F	MIẾNG TAY DÈN	Cái	314,000
1211	.BBL1049	MIẾNG TAY DÈN	Cái	209,000
1212	.BBL1050	MIẾNG TAY DÈN	Cái	314,000
1213	.PM40004152-2	MIẾNG TAY DÈN	Cái	209,000
1214	.PM40004153-2	MIẾNG TAY DÈN	Cái	209,000
1215	A31R23-2804018	MỎ CÁN SAU, PHẢI	Cái	660,000
1216	A68R52-5601014	MỎ CÁN SAU, PHẢI	Cái	5,060,000
1217	A31R23-2804019	MỎ CÁN SAU, TRÁI	Cái	660,000
1218	A68R52-5601015	MỎ CÁN SAU, TRÁI	Cái	5,060,000
1219	A21R23-2803018	MỎ CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	825,000
1220	A21R23-2803018-10	MỎ CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	889,000
1221	A21R23-2803019	MỎ CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	825,000
1222	A21R23-2803019-10	MỎ CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	935,000
1223	A31R32-3104015	MOAY Ơ BẮNH SAU	Cái	3,920,000
1224	C41R92-3104015	MOAY Ơ BẮNH SAU	Cái	3,140,000
1225	A21R23-3103013	MOAY Ơ BẮNH TRƯỚC	Cái	2,367,000
1226	A31R32-3104006	MOAY Ơ ĐĨA THẮNG BẮNH SAU	Cái	12,540,000
1227	A31S13-3104006	MOAY Ơ ĐĨA THẮNG BẮNH SAU	Cái	14,500,000
1228	A31R23.8215012-01	MÓC GIỮ HÀNG	Cái	157,000
1229	A21R23-2806147	MÓC KÉO XE	Cái	435,000
1230	33078-3508104	MÓC KHÓA CẦN THẮNG TAY	Cái	84,000
1231	.1-10683-X-0	MÓC KHÓA NGẬM CỬA	Cái	314,000
1232	.1-53067-X-0	MÓC KHÓA NGẬM CỬA	Cái	314,000
1233	.5308263F	MÓNG NGỰA	Cái	84,000
1234	5340.1013600-10	MÔ TƠ BƠM	Cái	7,840,000
1235	.13.15.015.0001	MÔ TƠ CỬA	Cái	2,720,000
1236	40N1R63/116T1B129	MÔ TƠ CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	3,350,000
1237	A63R42-6508010	MÔ TƠ CỬA LÊN XUỐNG TRƯỚC	Cái	12,440,000
1238	A63R42.6106200	MÔ TƠ KHÓA CỬA TRƯỢT	Cái	3,660,000
1239	A63R42.6106200-01	MÔ TƠ KHÓA CỬA TRƯỢT	Cái	3,660,000
1240	.62080170A	MÔ TƠ QUẠT GIÀN NÓNG TRÊN TRẦN	Cái	3,660,000
1241	3302-1601022	NẮP BÊN HÔNG VỎ LY HỢP	Cái	105,000
1242	2108-1311065-04	NẮP BÌNH NƯỚC PHỤ	Cái	209,000
1243	2108-1311065-041	NẮP BÌNH NƯỚC PHỤ	Cái	209,000
1244	A21R23-8402012	NẮP CA BÔ	Cái	4,350,000
1245	A64R52-8402012	NẮP CA BÔ	Cái	4,950,000
1246	.5361695F	NẮP CAM PHÍA TRONG	Cái	575,000
1247	.5361696	NẮP CAM PHÍA TRONG	Cái	1,260,000
1248	.5263134F	NẮP CỔ NƯỚC	Cái	250,000
1249	A68R52-5604010	NẮP CỘP SAU	Cái	22,990,000
1250	A21R23-8213010	NẮP CỘP TRÊN TÁP LÔ	Cái	732,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1251	A65R33.5713012-01	NẮP CỬA THOÁT HIỂM	Cái	6,270,000
1252	.IOMK-500.01.00.00	NẮP CỬA THOÁT HIỂM TRÊN TRẦN (KHÔNG CÓ TAY NẮM)	Cái	6,480,000
1253	A65R32-8112250	NẮP CHỤP BẢO VỆ GIÀN NÓNG TRÊN TRẦN	Cái	1,050,000
1254	A65R32-8120208	NẮP CHỤP BẢO VỆ ỐNG GA	Cái	325,000
1255	4301-8201730	NẮP CHỤP TRỤ GƯƠNG	Cái	105,000
1256	24-6106060	NẮP ĐẬY BÀN LỀ CỬA TRƯỚC	Cái	53,000
1257	.3900956F	NẮP ĐẬY BÊN HÔNG (ĐỒNG TIỀN NƯỚC)	Cái	150,000
1258	.3920706F	NẮP ĐẬY BÊN HÔNG (ĐỒNG TIỀN NƯỚC)	Cái	157,000
1259	.5340699F	NẮP ĐẬY BỘ TRUYỀN ĐỘNG	Cái	366,000
1260	.5302852F	NẮP ĐẬY CAM NGOÀI	Cái	1,570,000
1261	.PSH0007842	NẮP ĐẬY GIÀN CÒ	Cái	3,140,000
1262	5340.1003260	NẮP ĐẬY GIÀN CÒ	Cái	3,820,000
1263	.5262617F	NẮP ĐẬY GIÀN CÒ (E4)	Cái	3,140,000
1264	.5262620F	NẮP ĐẬY GIÀN CÒ (E5)	Cái	3,140,000
1265	A62R23-8110207-10	NẮP ĐẬY GIÀN SƯỜI	Cái	680,000
1266	A21R23-5303204	NẮP ĐẬY HỘP CỐP TÁP LÔ	Cái	157,000
1267	A31R23-2804180	NẮP ĐẬY MÓC KÉO CÁN SAU	Cái	105,000
1268	A21R23-2904433	NẮP ĐẬY NGỒNG TRỤC	Cái	157,000
1269	.5255310F	NẮP ĐẬY NHÓT	Cái	575,000
1270	.PV10001902	NẮP ĐẬY NHÓT	Cái	366,000
1271	3106.3715300	NẮP ĐẬY Ổ CẮM	Cái	157,000
1272	.5536793F	NẮP ĐẬY ỐNG DẦU	Cái	105,000
1273	.IOMK-500.01.00.07	NẮP ĐẬY PHÍA TRÊN CỬA THOÁT HIỂM	Cái	84,000
1274	A22R23-5109121	NẮP ĐẬY SÀN XE	Cái	84,000
1275	A31R23-5102121	NẮP ĐẬY SÀN XE	Cái	84,000
1276	3302-1702240	NẮP ĐẬY TRÊN HỘP SỐ (CẦN SỐ)	Cái	314,000
1277	A31R32-1702208	NẮP ĐẬY TRÊN HỘP SỐ (CẦN SỐ)	Cái	4,500,000
1278	A31R32-1702208-10	NẮP ĐẬY TRÊN HỘP SỐ (CẦN SỐ)	Cái	4,500,000
1279	A31R32V-1702208-11	NẮP ĐẬY TRÊN HỘP SỐ (CẦN SỐ)	Cái	5,750,000
1280	A21R22-1701205	NẮP ĐẬY TRỤC	Cái	826,000
1281	A31R23-7806012	NẮP ĐẬY VÁCH NGĂN	Cái	1,150,000
1282	A21R23-8201263	NẮP ĐẬY VÍT GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	53,000
1283	A68R52-5702404	NẮP ĐẬY VÒNG ĐỆM NHỰA	Cái	53,000
1284	.5269878F	NẮP GIỮ BƠM NHÓT	Cái	1,150,000
1285	.BBL1185	NẮP GIỮ BƠM NHÓT	Cái	1,150,000
1286	A21R22-1701040	NẮP HỘP SỐ	Cái	523,000
1287	A21R22-1701219-10	NẮP HỘP SỐ GIỮA	Cái	800,000
1288	A21R23-5109039	NẮP NHỰA BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG	Cái	262,000
1289	A21R23-8119034	NẮP NHỰA CHÂN KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	314,000
1290	A63R42-6106056-01	NẮP NHỰA DƯỚI CÁNH CỬA TRƯỚC	Cái	262,000
1291	.5264443F	NẮP NHỰA ĐẬY CAM NGOÀI	Cái	650,000
1292	.5363383F	NẮP NHỰA ĐẬY CAM PHÍA SAU	Cái	523,000
1293	A64R52-2803180	NẮP NHỰA ĐẬY CÁN TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	157,000
1294	A64R52-2803181	NẮP NHỰA ĐẬY CÁN TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	157,000
1295	A21R23-2803180	NẮP NHỰA ĐẬY MÓC KÉO CÁN TRƯỚC	Cái	157,000
1296	.5307154F	NẮP QUY LÁT (MẶT MÁY)	Cái	26,130,000
1297	.BBL1087	NẮP QUY LÁT (MẶT MÁY)	Cái	26,130,000
1298	.1/38318/01	NẮP SU	Cái	50,000
1299	52-8101164	NẮP SU	Cái	32,000
1300	A31R23-5413020	NẮP THÙNG DẦU	Cái	457,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1301	A31R32.1103010	NẮP THÙNG DẦU	Cái	262,000
1302	A21R23.8214100	NẮP VỎ LẮNG TÚI KHÍ	Cái	1,570,000
1303	A64R52-8401140	NỆP CROM LƯỚI TÀN NHIỆT	Cái	1,570,000
1304	A63R42-6107076	NỆP ROONG CỬA	Cái	262,000
1305	A63R42-5402096	NỆM BẢNG ĐIỀU KHIỂN, PHÍA SAU, BÊN PHẢI	Cái	784,000
1306	A63R42-5402097	NỆM BẢNG ĐIỀU KHIỂN, PHÍA SAU, BÊN TRÁI	Cái	784,000
1307	A63R42-5402092	NỆM BẢNG ĐIỀU KHIỂN, PHÍA TRƯỚC, BÊN PHẢI	Cái	784,000
1308	A63R42-5402093	NỆM BẢNG ĐIỀU KHIỂN, PHÍA TRƯỚC, BÊN TRÁI	Cái	784,000
1309	53443.3724012-21	NỐI CẢM BIẾN	Cái	4,180,000
1310	.KII-32-01T	NÚT BẮM GỌI TRONG CABIN	Cái	126,000
1311	.KII-32T	NÚT BẮM GỌI TRONG CABIN	Cái	126,000
1312	.KP-32G	NÚT BẮM GỌI TRONG CABIN	Cái	209,000
1313	.KII-32	NÚT CẢNH BÁO	Cái	126,000
1314	.KP-32	NÚT CẢNH BÁO	Cái	126,000
1315	3302-5602155-02	NÚT CHE BẰNG NHỰA	Cái	21,000
1316	A65R33-5702155	NÚT CHE BẰNG NHỰA	Cái	21,000
1317	A65R33-5702156	NÚT CHE BẰNG NHỰA	Cái	21,000
1318	A65R33-5702157	NÚT CHE BẰNG NHỰA	Cái	21,000
1319	P150-07.25A	NÚT DỪNG KHẨN CẤP	Cái	105,000
1320	3302.8201057	NÚT ĐẬY VÍT GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	21,000
1321	.KP-32-01G	NÚT GỌI TRONG CABIN	Cái	314,000
1322	A21R23-6107152	NÚT GIẢM CHẤN CỬA	Cái	157,000
1323	4599551-821	NÚT NHẬN	Cái	21,000
1324	A21R23-5109116	NÚT NHẬN	Cái	42,000
1325	A21R23-5109118	NÚT NHẬN	Cái	42,000
1326	A31R23-5402510	NÚT NHẬN	Cái	105,000
1327	A21R23-8119196	NÚT NHẬN CAO SU	Cái	53,000
1328	.053785.002	NÚT NHẬN ROONG CỬA	Cái	37,000
1329	21M-5101824	NÚT NHẬN SÀN XE	Cái	32,000
1330	A31R23-5702280	NÚT NHÉT NHỰA	Cái	53,000
1331	.013000000	NÚT NHÉT TÁP PÍ	Cái	53,000
1332	3302-5602155	NÚT NHÉT TÁP PÍ	Cái	32,000
1333	A31R33-8403498	NÚT VẶN CHẮN BÙN	Cái	21,000
1334	100802000010	NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN CF2007	Cái	40,000
1335	A31R23.6305032	NGẬM CHỐT GIỮ CỬA SAU	Cái	157,000
1336	A31R23.6305100	NGẬM CHỐT GIỮ CỬA SAU	Cái	157,000
1337	A31R23-6426334	NGẬM CHỐT GIỮ CỬA TRƯỢT	Cái	157,000
1338	A21R23-2904056-10	NGÔNG MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,300,000
1339	A21R23-2904057-10	NGÔNG MOAY Ơ BÁNH TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,300,000
1340	3221-2912100-11	NHÍP CÁI SAU	Cái	1,570,000
1341	A68R52-2914009	NHÍP SAU	Cái	4,600,000
1342	A63R42-2912010	NHÍP SAU (BỘ)	Cái	4,710,000
1343	A65R32-2912010-10	NHÍP SAU (BỘ)	Cái	8,890,000
1344	100800000040	NHỚT ĐỘNG CƠ CK-4 SAE 15W40	Liler	110,000
1345	100800000060	NHỚT ĐỘNG CƠ TEKMA FUTURA+ 10W-40	Liler	131,000
1346	100800000050	NHỚT HỘP SỐ 80W90/ GEARBOX OIL 80W90 - MOTUL	Cái	105,000
1347	100800000020	NHỚT HỘP SỐ DELO GEAR EP-5 80W-90	Cái	165,000
1348	.5259767F	NHỰA DẪN HƯỚNG XÍCH CAM, PHẢI	Cái	262,000
1349	.5267973F	NHỰA DẪN HƯỚNG XÍCH CAM, TRÁI	Cái	262,000
1350	GP.10190034	NHỰA DẪN HƯỚNG XÍCH CAM, TRÁI	Cái	262,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1351	24.3704	Ổ CHÌA KHÓA ĐỀ	Cái	910,000
1352	3111.3704010	Ổ CHÌA KHÓA ĐỀ	Cái	1,260,000
1353	41-4224023	Ổ ĐỖ	Cái	523,000
1354	3302-1701096-01	Ổ ĐỖ BÁNH RĂNG SỐ LÙI	Cái	157,000
1355	A21R23.5001330	Ổ ĐỖ CABIN	Cái	507,000
1356	31029-1702310	Ổ ĐỖ THANH SANG SỐ 5	Cái	157,000
1357	A68R52.5606012	Ổ KHÓA CỐP SAU	Cái	784,000
1358	24-10-8413098	Ổ KHÓA CỬA, PHẢI	Cái	314,000
1359	1119.6305010	Ổ KHÓA NGẬM CỬA	Cái	314,000
1360	A31R23.6305012-10	Ổ KHÓA NGẬM CỬA SAU	Cái	1,050,000
1361	A21R23.6105012	Ổ KHÓA NGẬM CỬA TRƯỚC, PHẢI	Cái	732,000
1362	A21R23.6105013	Ổ KHÓA NGẬM CỬA TRƯỚC, TRÁI	Cái	732,000
1363	A31R23.6305350	Ổ NGẬM CỬA SAU	Cái	471,000
1364	A21R22-1702054	Ổ TRƯỢT THANH GÀI SỐ	Cái	157,000
1365	31029-1702054	Ổ TRƯỢT THANH GÀI SỐ 1,2,5	Cái	157,000
1366	.H01243-01	ỐC XẢ NHÓT (BÊN HÔNG HỘP SỐ)	Cái	157,000
1367	C40R13.1701098-10	ỐC XẢ NHÓT (PHÍA DƯỚI HỘP SỐ)	Cái	209,000
1368	.4994692F	ỐC XẢ NHÓT CÁC TE	Cái	190,000
1369	A31R33-8120038	ỔNG	Cái	200,000
1370	A31R33-8120042	ỔNG	Cái	209,000
1371	C40R13-1206151	ỔNG	Cái	209,000
1372	A21R32.1206005-10	ỔNG BÔ XẢ (E4)	Cái	10,660,000
1373	.PM40004409	ỔNG BƠM CAO ÁP ĐẾN ỔNG CHIA DẦU	Cái	941,000
1374	.5311767F	ỔNG CẢM BIẾN ÁP SUẤT	Cái	680,000
1375	A21R32-1172113	ỔNG CAO SU	Cái	680,000
1376	150203000011	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 10MM	Cái	2,680,000
1377	160203000110	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 10MM	Cái	2,560,000
1378	150203000021	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 13MM	Cái	4,850,000
1379	160203000230	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 16MM	Cái	5,330,000
1380	150203000001	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 8MM	Cái	3,510,000
1381	160203000100	ỔNG CAO SU ĐƯỜNG KÍNH 8MM	Cái	3,510,000
1382	A22R22-1172111	ỔNG CAO SU KẾT GIÓ TURBO	Cái	627,000
1383	A22R22-1172113	ỔNG CAO SU KẾT GIÓ TURBO	Cái	1,570,000
1384	.5253505F	ỔNG CO NỐI CỔ GÓP HÚT	Cái	711,000
1385	SG18DPLXSIL	ỔNG CHI NHÁNH ONV ANGULAR	Cái	471,000
1386	.5259557F	ỔNG CHIA DẦU (COMMONRAIL)	Cái	6,800,000
1387	.BBL1582	ỔNG CHIA DẦU (COMMONRAIL)	Cái	6,800,000
1388	.PM40004127	ỔNG CHIA DẦU (COMMONRAIL)	Cái	6,800,000
1389	.5253530F	ỔNG CHUYỂN KHÍ	Cái	1,780,000
1390	.5346199F	ỔNG DẪN DẦU	Cái	836,000
1391	.5365719F	ỔNG DẪN DẦU	Cái	575,000
1392	5340.1104378-10	ỔNG DẪN GA ĐIỀU HÒA	Cái	523,000
1393	33104-3506221	ỔNG DẪN HƠI	Cái	53,000
1394	PTFE58IC-520-M27X1.5-M22	ỔNG DẪN KHÍ	Cái	1,420,000
1395	.5339575F	ỔNG DẪN NƯỚC RA MÁY NÉN KHÍ	Cái	371,000
1396	.5367871F	ỔNG DẪN NƯỚC VÀO MÁY NÉN KHÍ	Cái	376,000
1397	53443.1104382	ỔNG DẪN NHIÊN LIỆU	Cái	523,000
1398	A68R52-3509058-01	ỔNG DẪN VÀO MÁY NÉN	Cái	366,000
1399	A63R42.1104085	ỔNG DẦU	Cái	413,000
1400	.5258983F	ỔNG DẦU ÁP SUẤT CAO	Cái	732,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1401	.BBL1174	ỐNG DẦU ÁP SUẤT CAO	Cái	732,000
1402	.5321114F	ỐNG DẦU BƠM CAO ÁP	Cái	1,470,000
1403	.BBL1103	ỐNG DẦU BƠM CAO ÁP	Cái	1,470,000
1404	.5301534F	ỐNG DẦU HỒI KIM PHUN	Cái	2,620,000
1405	.PM40004407	ỐNG DẦU HỒI NHIÊN LIỆU	Cái	1,260,000
1406	3302-3506025-30	ỐNG DẦU LY HỢP	Cái	157,000
1407	677-3506360-01	ỐNG DẦU PHANH	Cái	732,000
1408	A21R22-3506065	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1409	A21R22-3552054	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1410	A21R23-3506015	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1411	A21R23-3506023	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1412	A21R23-3506025	ỐNG DẦU PHANH	Cái	209,000
1413	A21R23-3506060	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1414	A21R23-3506060-01	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1415	A21R23-3506063	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1416	A22S13-3506063	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1417	A22S13-3506071	ỐNG DẦU PHANH	Cái	366,000
1418	A22S13-3506071-10	ỐNG DẦU PHANH	Cái	366,000
1419	A31S12-3506025	ỐNG DẦU PHANH	Cái	209,000
1420	A31S12-3506025-10	ỐNG DẦU PHANH	Cái	209,000
1421	A31S12-3506025-20	ỐNG DẦU PHANH	Cái	262,000
1422	A31S12-3506035	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1423	A31S12-3506040	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1424	A63R42-3506061	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1425	A63R42-3506061-01	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1426	A63R42-3506065	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1427	A65R32-3506015	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1428	A65R32-3506023	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1429	A65R32-3506038	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1430	A65R32-3506065	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1431	A65R32-3506073	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1432	A65R32-3506075	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1433	C41R11.1602580-20	ỐNG DẦU PHANH	Cái	941,000
1434	C45R02-3506068	ỐNG DẦU PHANH	Cái	366,000
1435	C45R02-3506068-10	ỐNG DẦU PHANH	Cái	366,000
1436	C45R02-3506071	ỐNG DẦU PHANH	Cái	366,000
1437	DZTA25-3502248-30	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1438	DZTA25-3502250-30	ỐNG DẦU PHANH	Cái	314,000
1439	A21R23-3506063-20	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1440	A21R23-3506068	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1441	A22R32-3506068	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1442	A22R32-3506068-20	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1443	A31R32-3506071	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1444	A31R32-3506071-10	ỐNG DẦU PHANH SƯỜN CHASSI	Cái	366,000
1445	3302-1602578-01	ỐNG DẦU TỪ BẦU SỆC VỎ ĐẾN XY LANH CÁI LY HỢP	Cái	126,000
1446	A21R22.1104100	ỐNG DẦU TỪ BƠM CAO ÁP VỀ THÙNG DẦU	Cái	523,000
1447	A21R22.1117130-01	ỐNG DẦU TỪ LỘC DẦU ĐẾN BƠM CAO ÁP	Cái	314,000
1448	A31R32.1104095	ỐNG DẦU TỪ THÙNG DẦU ĐẾN BỘ LỘC DẦU	Cái	523,000
1449	A31R32.1104085	ỐNG DẦU TỪ THÙNG DẦU ĐẾN LỘC DẦU	Cái	523,000
1450	24-3506025-10	ỐNG DẦU THẮNG	Cái	314,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1451	3302-3506025	ỐNG DẦU THẮNG	Cái	314,000
1452	A22R32-3506071-20	ỐNG DẦU THẮNG BÁNH SAU, TRÁI	Cái	314,000
1453	A31R32-3506025	ỐNG DẦU THẮNG SAU	Cái	314,000
1454	A31R32-3506040-10	ỐNG DẦU THẮNG TỪ VAN CHIA ĐẾN BÁNH SAU, PHẢI	Cái	314,000
1455	A31R32-3506035	ỐNG DẦU THẮNG TỪ VAN CHIA ĐẾN BÁNH SAU, TRÁI	Cái	314,000
1456	A21R22.3408150-21	ỐNG DẦU TRỢ LỰC	Cái	993,000
1457	A21R22.3408181	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	680,000
1458	A21R22.3408181-01	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	366,000
1459	A21R22.3408181-10	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	680,000
1460	A21R22.3408181-11	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	366,000
1461	A21R22.3408198-01	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	400,000
1462	A21R23.3408180-01	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	366,000
1463	A21R23.3408184-01	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	314,000
1464	A21R23.3408184-11	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	366,000
1465	A21R23.3419030	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	732,000
1466	A21R23.3419030-01	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	680,000
1467	A65R32-3408161	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	1,260,000
1468	A65R32-3408179	ỐNG DẦU TRỢ LỰC LÁI	Cái	366,000
1469	A21R22-1311162-10	ỐNG DẦU TRỢ LỰC TRÊN	Cái	209,000
1470	3110-8120030	ỐNG DẦU XÁ	Cái	209,000
1471	A21R22.1602580-01	ỐNG DẦU XY LẠNH CON LY HỢP	Cái	680,000
1472	A21R22.1602580-41	ỐNG DẦU XY LẠNH CON LY HỢP	Cái	680,000
1473	A65R32.8131330	ỐNG GA GIÀN LẠNH SAU	Cái	941,000
1474	A65R32.8131340	ỐNG GA GIÀN LẠNH SAU	Cái	900,000
1475	A65R32.8131380	ỐNG GA GIÀN LẠNH SAU	Cái	1,570,000
1476	A21R22.8131320	ỐNG GA LẠNH	Cái	680,000
1477	A21R22.8131340	ỐNG GA LẠNH	Cái	617,000
1478	A31R22.8131300	ỐNG GA LẠNH	Cái	1,780,000
1479	A31R22.8131310	ỐNG GA LẠNH	Cái	2,090,000
1480	A64R42.8131300	ỐNG GA LẠNH	Cái	1,360,000
1481	A64R42.8131310	ỐNG GA LẠNH	Cái	1,050,000
1482	A65R32.8131350-10	ỐNG GA LẠNH	Cái	2,975,000
1483	A65R32.8131370	ỐNG GA LẠNH	Cái	1,270,000
1484	A65R32.8131372	ỐNG GA LẠNH	Cái	3,500,000
1485	A65R52.8111230	ỐNG GA LẠNH	Cái	3,500,000
1486	A65R52.8131300	ỐNG GA LẠNH	Cái	1,260,000
1487	A65R52.8131310	ỐNG GA LẠNH	Cái	2,200,000
1488	A65R52.8131370	ỐNG GA LẠNH	Cái	2,468,000
1489	A65R32.8131470	ỐNG GA LẠNH	Cái	3,410,000
1490	A21R22.8131310	ỐNG GA TỪ LỐC LẠNH ĐẾN KẾT GIÀN NÓNG	Cái	680,000
1491	A21R22.8131330	ỐNG GA VÀO KẾT GIÀN NÓNG	Cái	993,000
1492	A21R22.8131300	ỐNG GA VÀO LỐC LẠNH	Cái	732,000
1493	3302-2402030	ỐNG GẢI BẠC ĐẠN CÙI THƠM	Cái	314,000
1494	A68R52-1109254	ỐNG GIÓ BẦU E	Cái	950,000
1495	A21R22-1109300	ỐNG GIÓ BẦU E, PHÍA DƯỚI TURBO (E4)	Cái	471,000
1496	A21R32-1109300	ỐNG GIÓ BẦU E, PHÍA DƯỚI TURBO (E5)	Cái	250,000
1497	A21R22-1109300-10	ỐNG GIÓ BẦU E, PHÍA DƯỚI TURBO (G51)	Cái	471,000
1498	A21R22-1109192-20	ỐNG GIÓ BẦU E, PHÍA TRÊN (E4)	Cái	523,000
1499	A21R32-1109192	ỐNG GIÓ BẦU E, PHÍA TRÊN (E5)	Cái	250,000
1500	A21R22-1109192-40	ỐNG GIÓ TỪ BẦU BỒ ĐẾN TURBO (G51)	Cái	523,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1501	A21R23-8104172	ỐNG GIÓ TRONG CABIN	Cái	209,000
1502	A21R23-8104173	ỐNG GIÓ TRONG CABIN	Cái	209,000
1503	.PM40004652	ỐNG HỒI NƯỚC LẠM MÁT DẦU	Cái	314,000
1504	33023-8120030-10	ỐNG HƠI	Cái	157,000
1505	33096-3506200	ỐNG HƠI	Cái	732,000
1506	331063-8120032	ỐNG HƠI	Cái	157,000
1507	A21R22-1014228	ỐNG HƠI	Cái	314,000
1508	A21R22-8120012	ỐNG HƠI	Cái	471,000
1509	A21R23-8120042	ỐNG HƠI	Cái	150,000
1510	A31R33-8120080	ỐNG HƠI	Cái	366,000
1511	A68R52.8110032-10	ỐNG HƠI	Cái	105,000
1512	A68R52-1014228	ỐNG HƠI	Cái	471,000
1513	A68R52-2935211	ỐNG HƠI	Cái	262,000
1514	A68R52-2935212	ỐNG HƠI	Cái	1,570,000
1515	A68R52-2935265	ỐNG HƠI	Cái	262,000
1516	A68R52-2935267	ỐNG HƠI	Cái	262,000
1517	A68R52-8120030	ỐNG HƠI	Cái	157,000
1518	A68R52-8120032-10	ỐNG HƠI	Cái	283,000
1519	A68R52-8120038	ỐNG HƠI	Cái	168,000
1520	33023-1014228	ỐNG HƠI ĐẾN BẦU E GIÓ	Cái	471,000
1521	A68R52-3509079	ỐNG HƠI VÀO MÁY NÉN	Cái	471,000
1522	A68R52-3509079-01	ỐNG HƠI VÀO MÁY NÉN	Cái	471,000
1523	.PM40004633	ỐNG HÚT DẦU TRONG CÁC TE	Cái	314,000
1524	PTFE58IC-520-M27XL5-M22	ỐNG KHÍ NÉN NHIỆT ĐỘ	Cái	1,520,000
1525	.5265285F	ỐNG LÀM MÁT EGR	Cái	262,000
1526	.5336146F	ỐNG LÀM MÁT EGR	Cái	272,000
1527	.5289858F	ỐNG LÀM MÁT EGR (ỐNG NGẮN)	Cái	262,000
1528	A21R22-1701057	ỐNG LÓT NẮP HỘP SỐ GIỮA	Cái	575,000
1529	33023-1014095-10	ỐNG NỐI	Cái	105,000
1530	3302-1173090	ỐNG NỐI	Cái	209,000
1531	A21R22-1109256	ỐNG NỐI CỔ BẦU LỌC GIÓ	Cái	200,000
1532	24-3506094	ỐNG NỐI DẦU PHANH	Cái	105,000
1533	.958012-C	ỐNG NỐI HƠI	Cái	157,000
1534	3302-1173066	ỐNG NỐI TURBO ĐỘNG CƠ	Cái	1,260,000
1535	A21R32-1172066	ỐNG NỐI TURBO ĐỘNG CƠ	Cái	1,260,000
1536	3302-3761352	ỐNG NỐI VÀO BẦU BƠ E GIÓ	Cái	314,000
1537	3310-1172079	ỐNG NỐI VÀO KẾT NƯỚC	Cái	105,000
1538	3302-8120030-10	ỐNG NƯỚC	Cái	105,000
1539	A21R22-8120034	ỐNG NƯỚC	Cái	262,000
1540	A68R52-1303025	ỐNG NƯỚC	Cái	262,000
1541	A68R52-8120030-10	ỐNG NƯỚC	Cái	408,000
1542	A21R22-1311162	ỐNG NƯỚC BÌNH NƯỚC PHỤ	Cái	314,000
1543	23107-1311095	ỐNG NƯỚC DƯỚI BÌNH NƯỚC PHỤ	Cái	314,000
1544	3302-1311095-02	ỐNG NƯỚC DƯỚI BÌNH PHỤ	Cái	165,000
1545	A65R32-8120032	ỐNG NƯỚC ĐƯỜNG NƯỚC SƯỚI	Cái	210,000
1546	C41R13-1303025	ỐNG NƯỚC KẾT NƯỚC DƯỚI	Cái	314,000
1547	A65R52-1303010	ỐNG NƯỚC KẾT NƯỚC TRÊN	Cái	314,000
1548	C41R13-1303010-10	ỐNG NƯỚC KẾT NƯỚC TRÊN	Cái	314,000
1549	A21R22-1303025	ỐNG NƯỚC KẾT NƯỚC VÀO BƠM NƯỚC	Cái	314,000
1550	A68R52-1172402	ỐNG NƯỚC KẾT TURBO	Cái	993,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1551	A22R32-1303010-30	ỐNG NƯỚC LẠM MÁT	Cái	314,000
1552	A22R32-1303025-20	ỐNG NƯỚC LẠM MÁT	Cái	314,000
1553	A22R32-1303025-30	ỐNG NƯỚC LẠM MÁT	Cái	314,000
1554	.PSH0006913	ỐNG NƯỚC LẠM MÁT DẦU	Cái	314,000
1555	.5265278F	ỐNG NƯỚC NHỰA NỔI VAN HẰNG NHIỆT	Cái	314,000
1556	A21R23-8120046	ỐNG NƯỚC SƯỜI	Cái	105,000
1557	A21R23-8120048	ỐNG NƯỚC SƯỜI	Cái	105,000
1558	A21R22-1303010	ỐNG NƯỚC TRÊN	Cái	314,000
1559	A64R42-1303010-20	ỐNG NƯỚC TRÊN	Cái	314,000
1560	A64R42-1303010-30	ỐNG NƯỚC TRÊN	Cái	314,000
1561	.PV10005594	ỐNG NƯỚC XẢ ĐỘNG CƠ	Cái	471,000
1562	A21R23-5208094	ỐNG NƯỚC XỊT KÍNH	Cái	21,000
1563	A21R23-5208095	ỐNG NƯỚC XỊT KÍNH	Cái	21,000
1564	A21R23-5208096	ỐNG NƯỚC XỊT KÍNH	Cái	21,000
1565	.5311172F	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1566	.5343040F	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	2,830,000
1567	A68R52.1104070	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1568	A68R52.1104085	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1569	A68R52.1104090	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1570	A68R52.1104095	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1571	A68R52.1104100	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1572	A68R52.1104130	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1573	A68R52.1104188	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1574	A68R52.1117130	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1575	A68R52.8134160	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	680,000
1576	5347.1104422	ỐNG NHIÊN LIỆU	Cái	850,000
1577	.PSH0007695	ỐNG NHIÊN LIỆU ÁP SUẤT THẤP	Cái	1,360,000
1578	.PM40004284	ỐNG NHIÊN LIỆU CAO ÁP SỐ 1	Cái	627,000
1579	.PM40004285	ỐNG NHIÊN LIỆU CAO ÁP SỐ 2	Cái	627,000
1580	.PM40004286	ỐNG NHIÊN LIỆU CAO ÁP SỐ 3	Cái	627,000
1581	.PM40004287	ỐNG NHIÊN LIỆU CAO ÁP SỐ 4	Cái	627,000
1582	A21R22.1104075-10	ỐNG NHIÊN LIỆU THÙNG DẦU	Cái	680,000
1583	A68R52.1104080	ỐNG NHIÊN LIỆU THÙNG DẦU	Cái	680,000
1584	A68R52.1104152	ỐNG NHIÊN LIỆU THÙNG DẦU	Cái	680,000
1585	A21R22.1104075-01	ỐNG NHIÊN LIỆU VÀO	Cái	471,000
1586	.4983279F	ỐNG NHỚT TURBO	Cái	471,000
1587	61.8201028	ỐNG NHỰA	Cái	53,000
1588	A64R42-1303009-10	ỐNG SẮT KẾT NƯỚC	Cái	2,620,000
1589	A21R22-8116186	ỐNG SEAL	Cái	53,000
1590	SG05DPLXSIL	ỐNG SU	Cái	209,000
1591	.5289857F	ỐNG SƯỜI NGẮN	Cái	314,000
1592	.5289859F	ỐNG TỪ VAN EGR ĐẾN BỘ LẠM MÁT	Cái	314,000
1593	.5289860F	ỐNG TỪ VAN EGR ĐẾN BỘ LẠM MÁT	Cái	314,000
1594	.5258898F	ỐNG TY THẨM NHỚT	Cái	439,000
1595	DZTA3205-3408030	ỐNG TRỢ LỰC LÁI BẰNG CAO SU	Cái	314,000
1596	DZTA3205-3408030-01	ỐNG TRỢ LỰC LÁI BẰNG CAO SU	Cái	314,000
1597	DZTA3205-3408030-02	ỐNG TRỢ LỰC LÁI BẰNG CAO SU	Cái	314,000
1598	DZTA4234-3408030	ỐNG TRỢ LỰC LÁI BẰNG CAO SU	Cái	314,000
1599	.5289856F	ỐNG VAN EGR	Cái	314,000
1600	A68R52-1201008	ỐNG XẢ	Cái	5,020,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1601	5344.1118340-10	ỐNG XẢ DẦU BẰNG MÁY NÉN TURBO	Cái	366,000
1602	.5367904F	ỐNG XẢ NƯỚC LÀM MÁT	Cái	471,000
1603	.5340176F	ỐNG XẢ NHỚT TURBO (E4)	Cái	575,000
1604	.PM40005115	ỐNG XẢ VÀ NẠP KHÍ ĐỘNG CƠ	Cái	314,000
1605	.5293417F	ỐNG XẢ VAN EGR	Cái	607,000
1606	A21R23-5109036	ỐP BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG CABIN TRƯỚC, PHẢI	Cái	627,000
1607	A21R23-5109037	ỐP BÀN ĐẠP LÊN XUỐNG CABIN TRƯỚC, TRÁI	Cái	627,000
1608	A68R52-2804010	ỐP CÁN SAU	Cái	7,840,000
1609	A64R52-2803015	ỐP CÁN TRƯỚC	Cái	1,310,000
1610	A64R52-2803122	ỐP CÁN TRƯỚC BẮT CUROA ĐÈN	Cái	1,310,000
1611	320412-05-2803012-01	ỐP CÁN TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,250,000
1612	320412-05-2803013-01	ỐP CÁN TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,250,000
1613	A65R33-5702020	ỐP CẠNH NÓC SỐ 2 BẰNG NHỰA	Cái	2,090,000
1614	A65R33-5702030	ỐP CẠNH NÓC SỐ 3 BẰNG NHỰA	Cái	2,090,000
1615	A65R33-5702050	ỐP CẠNH NÓC SỐ 5 BÊN PHẢI BẰNG NHỰA	Cái	1,260,000
1616	A65R33-5702051	ỐP CẠNH NÓC SỐ 5 BÊN TRÁI BẰNG NHỰA	Cái	1,260,000
1617	A65R33-5702060	ỐP CẠNH NÓC SỐ 6 BÊN PHẢI BẰNG NHỰA	Cái	1,260,000
1618	A65R33-5702061	ỐP CẠNH NÓC SỐ 6 BÊN TRÁI BẰNG NHỰA	Cái	1,260,000
1619	A63R42-5601012	ỐP COMPOSITE ĐUÔI XE	Cái	22,990,000
1620	A21R23-3401108-10	ỐP CHỤP TRỰC TAY LÁI NGOÀI	Cái	314,000
1621	A21R23-3401107-10	ỐP CHỤP TRỰC TAY LÁI TRONG	Cái	314,000
1622	A21R23-2803122	ỐP DƯỚI CÁN	Cái	366,000
1623	A31R23-2804242	ỐP ĐẦU CÁN SAU, PHẢI	Cái	209,000
1624	A31R23-2804243	ỐP ĐẦU CÁN SAU, TRÁI	Cái	212,000
1625	A21R23-5702604	ỐP ĐÈN CABIN TRÊN TRẦN	Cái	471,000
1626	320412-001-5301150	ỐP ĐÈN PHA, PHẢI	Cái	1,260,000
1627	320412-001-5301151	ỐP ĐÈN PHA, TRÁI	Cái	1,260,000
1628	A63R42-5402088	ỐP HÔNG PHÍA DƯỚI TRƯỚC PHẢI	Cái	627,000
1629	A63R42-5402089	ỐP HÔNG PHÍA DƯỚI TRƯỚC TRÁI	Cái	1,890,000
1630	A31S12-8404332	ỐP LÒNG VỆ BÁNH SAU, PHẢI	Cái	1,050,000
1631	A65R33-5102052	ỐP LÒNG VỆ BÁNH SAU, PHẢI	Cái	293,000
1632	A65R33-5102053	ỐP LÒNG VỆ BÁNH SAU, PHẢI	Cái	293,000
1633	A31S12-8404333	ỐP LÒNG VỆ BÁNH SAU, TRÁI	Cái	1,050,000
1634	A21R23-8403354-10	ỐP LÒNG VỆ TRƯỚC, PHẢI	Cái	366,000
1635	A21R23-8403355-10	ỐP LÒNG VỆ TRƯỚC, TRÁI	Cái	366,000
1636	A63R42-5602232	ỐP MẶT SAU, PHẢI	Cái	471,000
1637	.IOMK-500.00.00.04	ỐP MECA TAY NẮM KÉO CỬA THOÁT HIỂM	Cái	471,000
1638	A68R52-5402385	ỐP NHỰA	Cái	1,750,000
1639	A68R52-5402600	ỐP NHỰA	Cái	105,000
1640	A64R52-8407302	ỐP NHỰA BẮN LỀ CAPÔ, PHẢI	Cái	53,000
1641	A64R52-8407303	ỐP NHỰA BẮN LỀ CAPÔ, TRÁI	Cái	53,000
1642	4301-8201556	ỐP NHỰA CÁN GƯƠNG CHIẾU HẬU	Cái	105,000
1643	A21R23-3508232	ỐP NHỰA CÁN SỐ	Cái	157,000
1644	3205-3710022-20	ỐP NHỰA CÔNG TẮC MỞ CỬA LÊN XUỐNG	Cái	105,000
1645	A63R42-6202112	ỐP NHỰA CỬA LÊN XUỐNG, PHÍA SAU	Cái	575,000
1646	A21R23-8213262	ỐP NHỰA DVD	Cái	105,000
1647	A21R23-8201820-10	ỐP NHỰA GƯƠNG CHIẾU HẬU, PHẢI	Cái	575,000
1648	A21R23-8201821-10	ỐP NHỰA GƯƠNG CHIẾU HẬU, TRÁI	Cái	575,000
1649	A65R32-8112138	ỐP NHỰA HỘP ĐIỆN, PHẢI	Cái	680,000
1650	A65R32-8112139	ỐP NHỰA HỘP ĐIỆN, TRÁI	Cái	680,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1651	A21R23-8403040	ỐP NHỰA KHUNG XƯƠNG KẾT NƯỚC, PHẢI	Cái	209,000
1652	A21R23-8403041	ỐP NHỰA KHUNG XƯƠNG KẾT NƯỚC, TRÁI	Cái	209,000
1653	A21R23-8119014	ỐP NHỰA LỘC GIỎ ĐIỀU HÒA	Cái	314,000
1654	A63R42-6106256	ỐP NHỰA MỞ CỬA TRÊN	Cái	314,000
1655	A31R23-5401620	ỐP NHỰA PHÍA DƯỚI CỬA SAU, PHẢI	Cái	523,000
1656	A31R23-5401621	ỐP NHỰA PHÍA DƯỚI CỬA SAU, TRÁI	Cái	523,000
1657	A31R23-5401618	ỐP NHỰA PHÍA TRÊN CỬA SAU, PHẢI	Cái	523,000
1658	A31S12-5401618	ỐP NHỰA PHÍA TRÊN CỬA SAU, PHẢI	Cái	314,000
1659	A31R23-5401619	ỐP NHỰA PHÍA TRÊN CỬA SAU, TRÁI	Cái	523,000
1660	A31S12-5401619	ỐP NHỰA PHÍA TRÊN CỬA SAU, TRÁI	Cái	314,000
1661	A63R42-8404332	ỐP NHỰA SAU, BÊN PHẢI	Cái	523,000
1662	A63R42-8404333	ỐP NHỰA SAU, BÊN TRÁI	Cái	523,000
1663	A21R23-8403020	ỐP NHỰA TAI VÈ BÁNH TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,350,000
1664	A31R33-8403020	ỐP NHỰA TAI VÈ BÁNH TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,090,000
1665	A21R23-8403021	ỐP NHỰA TAI VÈ BÁNH TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,350,000
1666	A31R33-8403021	ỐP NHỰA TAI VÈ BÁNH TRƯỚC, TRÁI	Cái	2,090,000
1667	A68R52.6425134	ỐP NHỰA TAY MỞ CỬA NGOÀI	Cái	209,000
1668	A21R23-6102088-10	ỐP NHỰA TRONG TÁP PI CỬA TRƯỚC, PHẢI	Cái	105,000
1669	A21R23-6102089-10	ỐP NHỰA TRONG TÁP PI CỬA TRƯỚC, TRÁI	Cái	105,000
1670	A32R23-5402130	ỐP NHỰA TRỤ GIỮA, PHẢI	Cái	262,000
1671	A32R23-5402131	ỐP NHỰA TRỤ GIỮA, TRÁI	Cái	262,000
1672	A68R52-6426056	ỐP NHỰA TRỤ MỞ CỬA	Cái	523,000
1673	A65R33-5402202	ỐP NHỰA TRỤ SAU, PHẢI	Cái	1,570,000
1674	A65R33-5402203	ỐP NHỰA TRỤ SAU, TRÁI	Cái	1,570,000
1675	A21R23-5402010	ỐP NHỰA TRỤ, PHẢI	Cái	209,000
1676	A21R23-5402011	ỐP NHỰA TRỤ, TRÁI	Cái	209,000
1677	A63R42-5402012	ỐP NHỰA, PHẢI	Cái	627,000
1678	A63R42-5402013	ỐP NHỰA, TRÁI	Cái	627,000
1679	A31R23-6302038-10	ỐP PANEL BÊN PHẢI	Cái	513,000
1680	A31R23-6302039-10	ỐP PANEL BÊN TRÁI	Cái	513,000
1681	A68R52-5305052	ỐP PHÍA SAU BẢNG TÍN HIỆU PHÍA TRƯỚC CABIN	Cái	366,000
1682	A62R33-8405014	ỐP SẮT BẠC BƯỚC CHÂN	Cái	7,840,000
1683	A31R23-2804112	ỐP SẮT CÁN SAU	Cái	950,000
1684	A62R23-5401121	ỐP SẮT SAU, TRÁI	Cái	7,840,000
1685	A65R33-5401316	ỐP SẮT TRƯỚC, PHẢI	Cái	2,090,000
1686	A31R23.6306596	ỐP SU GIỮ CỤC HÍT	Cái	63,000
1687	A63R42-5301016-10	ỐP TRẦN ĐẦU XE	Cái	11,500,000
1688	.4995266F	PÍT TÔNG	Cái	1,260,000
1689	.DFRC03094	PÍT TÔNG	Cái	1,260,000
1690	.5270336F	PÍT TÔNG (CÓ XÉC MĂNG)	Cái	1,990,000
1691	.DFRC03094PR	PÍT TÔNG (CÓ XÉC MĂNG)	Cái	1,990,000
1692	.PM40004279	PÍT TÔNG (CÓ XÉC MĂNG)	Cái	1,990,000
1693	5340.1308110-11	PU LI TĂNG ĐAI	Cái	2,620,000
1694	.5313910F	PULY BƠM TRỢ LỰC	Cái	575,000
1695	.5270363F	PULY CẢNH QUẠT LY TÂM	Cái	575,000
1696	.PSH0006413	PULY CẢNH QUẠT LY TÂM	Cái	3,350,000
1697	.5305218F	PULY CỐT MÁY	Cái	3,140,000
1698	.PM40004150	PULY TRỤC KHUY	Cái	1,050,000
1699	3302.1139020	PHAO DẦU	Cái	1,570,000
1700	5422.3827	PHAO DẦU	Cái	418,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1701	A31R32.1139010	PHAO DẦU	Cái	2,450,000
1702	A31R32.1139020	PHAO DẦU	Cái	1,500,000
1703	A65R33-5109346	PHẦN NỔI SÀN SAU	Cái	1,050,000
1704	5340.1013650-01	PHẦN TỬ TRUYỀN NHIỆT	Cái	2,090,000
1705	A21R22-1701037	PHE CẢI BÁNH RĂNG HỘP SỐ	Cái	140,000
1706	3105-1701159	PHE CẢI BÁNH RĂNG SỐ 1,2	Cái	105,000
1707	3105-1701034	PHE CẢI ĐỒNG TỐC SỐ 5	Cái	105,000
1708	C41R92-3104026	PHE GẢI BẠC ĐẠN BÁNH SAU	Cái	53,000
1709	A21R22-1701033	PHE GẢI TRỤC SỐ LÙI TẦNG DƯỚI	Cái	157,000
1710	160203000010	PHIN LỌC GAS (DƯỚI GẮM)	Cái	941,000
1711	190203000010	PHIN LỌC GAS 1812	Cái	1,100,000
1712	33104.1701043	PHỐT 42X62X10	Cái	105,000
1713	VNC41R92.3104032	PHỐT 58X4MM	Cái	60,000
1714	.524504	PHỐT BÁNH SAU (65X90X10)	Cái	314,000
1715	2531311-511	PHỐT BÁNH SAU (65X90X10)	Cái	314,000
1716	.5269879F	PHỐT BƠM NƯỚC	Cái	314,000
1717	C40R13.1702139-01	PHỐT CẦN SỐ (15X25X6.5X8.5)	Cái	105,000
1718	.3693669F	PHỐT CỐT MÁY SAU	Cái	732,000
1719	.BBL1044	PHỐT CỐT MÁY SAU	Cái	732,000
1720	.PM40004273	PHỐT CỐT MÁY SAU	Cái	523,000
1721	5340.1005161-02	PHỐT CỐT MÁY SAU	Cái	314,000
1722	.5265266F	PHỐT CỐT MÁY TRƯỚC	Cái	314,000
1723	.BBL1045	PHỐT CỐT MÁY TRƯỚC	Cái	314,000
1724	.PM40004289	PHỐT CỐT MÁY TRƯỚC	Cái	314,000
1725	.0026_056V01-1	PHỐT ĐẦU HỘP SỐ	Cái	90,000
1726	31029-1701043	PHỐT ĐẦU HỘP SỐ	Cái	90,000
1727	.49046406	PHỐT ĐUÔI CÁ CẦU SAU (42X75X9/16)	Cái	300,000
1728	.TBG29W-42*75*9/13.6	PHỐT ĐUÔI CÁ CẦU SAU (42X75X9/16)	Cái	300,000
1729	24-10-2402052	PHỐT ĐUÔI CÁ CẦU SAU (42X75X9/16)	Cái	300,000
1730	51-2401034-A3	PHỐT ĐUÔI CÁ CẦU SAU (45-80-100)	Cái	262,000
1731	.4479022	PHỐT ĐUÔI CÁ CẦU SAU (47.60x80.14x9.7/16.1)	Cái	314,000
1732	.49082165	PHỐT ĐUÔI CÁ HỘP SỐ (42X75X9/16)	Cái	300,000
1733	3105-2402052	PHỐT ĐUÔI CÁ HỘP SỐ (42X75X9/16)	Cái	300,000
1734	.5338751F	PHỐT GÍT XU PÁP	Cái	105,000
1735	.BBL1060	PHỐT GÍT XU PÁP	Cái	105,000
1736	51-1701210-A	PHỐT HỘP SỐ 51-76-9.5/14	Cái	105,000
1737	51-2402052-B4	PHỐT HỘP SỐ 55-82-9/16	Cái	345,000
1738	C41R11.1701210	PHỐT HỘP SỐ 55-82-9/16	Cái	345,000
1739	.PV10001781	PHỐT TRỤC CAM	Cái	314,000
1740	532122905006-02	PHUỘC GIẢM CHẤN	Cái	900,000
1741	C40R13.2915004-03	PHUỘC NHÚN	Cái	1,300,000
1742	A31R32.2915004	PHUỘC NHÚN SAU	Cái	800,000
1743	A32A12.2915004	PHUỘC NHÚN SAU	Cái	1,250,000
1744	A68R52.2915004-01	PHUỘC NHÚN SAU	Cái	1,250,000
1745	A31R32.2905004	PHUỘC NHÚN TRƯỚC	Cái	800,000
1746	.5267149F	QUẠT TẠ BƠM CAO ÁP	Cái	784,000
1747	160203000050	QUẠT DÀN NÓNG	Cái	1,890,000
1748	190203000060	QUẠT DÀN NÓNG	Cái	1,890,000
1749	A21R23.8112070	QUẠT GIÀN NÓNG TRƯỚC CÓ MÔ TƠ	Cái	5,500,000
1750	A21R23.8112070-01	QUẠT GIÀN NÓNG TRƯỚC CÓ MÔ TƠ	Cái	5,500,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1751	A21R33.8112070	QUẠT GIÀN NÓNG TRƯỚC CÓ MÔ TƠ (E5)	Cái	1,570,000
1752	A21R23.8101178	QUẠT GIÓ TRONG CABIN	Cái	5,750,000
1753	.ARU1M50001	QUẠT GIÓ TRONG CABIN (SONGZ)	Cái	1,350,000
1754	A31R23.6426110	RAY CỬA TRƯỢT GIỮA	Cái	2,090,000
1755	A31R23.6426030	RAY CỬA TRƯỢT GIỮA, PHÍA TRÊN	Cái	1,470,000
1756	A63R42.8205008	RÈM CHE NẮNG TRƯỚC CABIN	Cái	2,090,000
1757	A68R52.8205008	RÈM CHE NẮNG TRƯỚC CABIN	Cái	2,090,000
1758	A68R52.6512310	REMOTE	Cái	1,260,000
1759	.0371108011	RI VÊ TÁN M8 BẮT GỌNG KÍNH CHIẾU HẬU	Cái	53,000
1760	238F-1118322	ROONG	Cái	53,000
1761	5340.1115026	ROONG BỘ KHỞI ĐỘNG	Cái	53,000
1762	.5264426F	ROONG BƠM CHÂN KHÔNG	Cái	240,000
1763	5340.1307048-01	ROONG BƠM NƯỚC	Cái	1,050,000
1764	.4980644F	ROONG CẠC TE (E4)	Cái	600,000
1765	.5254612F	ROONG CẠC TE (E5)	Cái	826,000
1766	.BBL1084	ROONG CẠC TE (E5)	Cái	826,000
1767	21P-3716078-B	ROONG CẢM BIẾN TỐC ĐỘ	Cái	209,000
1768	A63R42-2402045	ROONG CANH CẦU	Cái	53,000
1769	C41R92-2401040	ROONG CANH CẦU	Cái	200,000
1770	.4983654F	ROONG CỔ GÓP HÚT	Cái	157,000
1771	.4990045F	ROONG CỔ XẢ	Cái	189,000
1772	.4992913F	ROONG CỔ XẢ	Cái	189,000
1773	.5261421F	ROONG CỔ XẢ	Cái	209,000
1774	.5273045F	ROONG CỔ XẢ	Cái	230,000
1775	.5285501	ROONG CỔ XẢ	Cái	502,000
1776	.5348889F	ROONG CỔ XẢ	Cái	230,000
1777	.BBL1295	ROONG CỔ XẢ	Cái	230,000
1778	3302-1203357	ROONG CỔ XẢ	Cái	105,000
1779	5340.1008027-02	ROONG CỔ XẢ	Cái	262,000
1780	A68R52.5604126	ROONG CỐP SAU	Cái	1,050,000
1781	A68R52-5604042	ROONG CỐP SAU	Cái	836,000
1782	5340.1012100	ROONG CỤM GIẢI NHIỆT NHÓT	Cái	209,000
1783	5340.1013682-10	ROONG CỤM GIẢI NHIỆT NHÓT	Cái	262,000
1784	5340.1013684	ROONG CỤM GIẢI NHIỆT NHÓT	Cái	53,000
1785	A63R42-6107082-10	ROONG CỬA PHÍA BÊN	Cái	627,000
1786	A63R42-6107084-01	ROONG CỬA TRÊN	Cái	314,000
1787	.PM40005025	ROONG CHẶN NHÓT	Cái	157,000
1788	31029-1702085	ROONG ĐỆM CẦN SỐ	Cái	32,000
1789	5340.1303268	ROONG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC	Cái	53,000
1790	5340.1303324	ROONG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC	Cái	53,000
1791	.5262903F	ROONG KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT	Cái	314,000
1792	.BBL1006	ROONG KẾT GIẢI NHIỆT NHÓT	Cái	314,000
1793	.5255314F	ROONG KIM PHUN	Cái	230,000
1794	.BBL1036	ROONG KIM PHUN	Cái	230,000
1795	.PM40004815	ROONG KIM PHUN	Cái	105,000
1796	.5255313F	ROONG KIM PHUN (LOẠI LỚN)	Cái	230,000
1797	.BBL1029	ROONG KIM PHUN (LOẠI LỚN)	Cái	230,000
1798	A21R23-5603018	ROONG KÍNH	Cái	575,000
1799	A21R23-5206050	ROONG KÍNH CHẮN GIÓ	Cái	209,000
1800	A31R23.6427126-02	ROONG KHUNG CỬA GIỮA	Cái	732,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1801	A31R23-6427042-01	ROONG KHUNG CỬA GIỮA, PHÍA TRÊN	Cái	366,000
1802	A31R23.6307126	ROONG KHUNG CỬA SAU	Cái	1,050,000
1803	A31S12.6307126	ROONG KHUNG CỬA SAU	Cái	1,450,000
1804	A31R23.6307042-10	ROONG KHUNG CỬA SAU TRÊN	Cái	732,000
1805	A31R23.6307020	ROONG KHUNG CỬA SAU, BÊN PHẢI	Cái	732,000
1806	A31R23.6307025	ROONG KHUNG CỬA SAU, BÊN TRÁI	Cái	1,050,000
1807	A31S12.6307025	ROONG KHUNG CỬA SAU, BÊN TRÁI	Cái	1,350,000
1808	A63R42-6107064	ROONG KHUNG CỬA TRƯỚC	Cái	418,000
1809	A63R42-6107066-01	ROONG KHUNG CỬA TRƯỚC	Cái	314,000
1810	A63R42-6107086-10	ROONG KHUNG CỬA TRƯỚC DƯỚI	Cái	418,000
1811	A63R42-6107068	ROONG KHUNG CỬA TRƯỚC TRÊN	Cái	418,000
1812	A21R23-6103122	ROONG KHUNG KÍNH CỐ ĐỊNH CỬA TRƯỚC, PHẢI	Cái	418,000
1813	A21R23-6103123	ROONG KHUNG KÍNH CỐ ĐỊNH CỬA TRƯỚC, TRÁI	Cái	418,000
1814	A21R23-6103418	ROONG KHUNG KÍNH CỬA TRƯỚC, PHẢI	Cái	732,000
1815	A21R23-6103419	ROONG KHUNG KÍNH CỬA TRƯỚC, TRÁI	Cái	732,000
1816	.5262686F	ROONG LỐC MÁY	Cái	418,000
1817	3302-2403048	ROONG MẶT BÍCH LẤP NGANG CẦU SAU	Cái	32,000
1818	.5263530F	ROONG NẮP ĐẬY CAM NGOÀI	Cái	230,000
1819	.5255312F	ROONG NẮP GIÀN CÒ	Cái	418,000
1820	.BBL1033	ROONG NẮP GIÀN CÒ	Cái	418,000
1821	.5345647F	ROONG NẮP QUY LÁT	Cái	1,050,000
1822	.PM40004169	ROONG NẮP QUY LÁT	Cái	1,050,000
1823	.PM40004169-B	ROONG NẮP QUY LÁT	Cái	1,050,000
1824	5340.1003206-10	ROONG NẮP QUY LÁT	Cái	1,150,000
1825	.PM40004546	ROONG ỐNG NẬP	Cái	157,000
1826	.5255538F	ROONG ỐNG XẢ	Cái	189,000
1827	.3940386F	ROONG QUẢ TẠ BƠM CAO ÁP	Cái	168,000
1828	.BBL1140	ROONG QUẢ TẠ BƠM CAO ÁP	Cái	168,000
1829	8123000047RDGL	ROONG SU ĐỆM LÀM KÍN GIÀN LẠNH	Cái	418,000
1830	A21R23-8402200	ROONG SU PHÍA TRƯỚC NẮP CAPÔ	Cái	314,000
1831	.3932475F	ROONG TURBO (THÉP)	Cái	100,000
1832	5340.1118158	ROONG TURBO ĐỘNG CƠ	Cái	262,000
1833	5340.1118258	ROONG TURBO ĐỘNG CƠ	Cái	262,000
1834	5340.1118325	ROONG TURBO ĐỘNG CƠ	Cái	53,000
1835	A31R23-7806044	ROONG VÁCH NGẮN	Cái	209,000
1836	A31R23-7806054	ROONG VÁCH NGẮN	Cái	209,000
1837	.PM40005041	ROONG VAN TIẾT LƯU ĐIỆN TỬ	Cái	126,000
1838	A21R23.6107126-02	ROONG VIỀN KHUNG CỬA TÀI	Cái	680,000
1839	A21R23-6107042-01	ROONG VIỀN KHUNG CỬA TRƯỚC TRÊN	Cái	366,000
1840	.5361694F	ROONG NẮP ĐẬY CAM TRONG	Cái	314,000
1841	4230-2906060	RỎ TUYN	Cái	1,150,000
1842	A21R23.2904314	RỎ TUYN CÀNG CHỮ A, PHÍA DƯỚI	Cái	523,000
1843	A21R23.2904314-01	RỎ TUYN CÀNG CHỮ A, PHÍA DƯỚI	Cái	523,000
1844	A21R23.2904414	RỎ TUYN CÀNG CHỮ A, PHÍA TRÊN	Cái	523,000
1845	A21R23.2904414-01	RỎ TUYN CÀNG CHỮ A, PHÍA TRÊN	Cái	523,000
1846	.BM-G-3414056	RỎ TUYN THƯỚC LÁI NGOÀI	Cái	420,000
1847	.BM-G-3414052	RỎ TUYN THƯỚC LÁI TRONG	Cái	420,000
1848	.SRF94-G4S3-011200	RỎ TUYN TRONG CỬA HÀNH KHÁCH	Cái	4,710,000
1849	.TLA150/12	RỜ LE	Cái	784,000
1850	1393315-9-24AT	RỜ LE	Cái	857,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1851	.67.3787	RỜ LE	Cái	209,000
1852	.733.3747	RỜ LE	Cái	209,000
1853	.75.3777.000-11	RỜ LE	Cái	209,000
1854	2015P	RỜ LE	Cái	1,260,000
1855	KT-127	RỜ LE	Cái	1,260,000
1856	.75.3777.000-10	RỜ LE (4 CHÂN)	Cái	209,000
1857	.64.3787-111	RỜ LE (4 CHÂN) (TƯƠNG TỰ 1119-3747210-10)	Cái	209,000
1858	.98.3747.000-11	RỜ LE AC	Cái	90,000
1859	.495.3747.000-03	RỜ LE ĐÈN XI NHAN	Cái	126,000
1860	.641.3777	RỜ LE ĐÈN XI NHAN	Cái	126,000
1861	.526.3747.000-04	RỜ LE GẠT MƯA	Cái	157,000
1862	.66.3787.000-01	RỜ LE GẠT MƯA	Cái	157,000
1863	.192.3777.01	RỜ LE GẠT MƯA	Cái	157,000
1864	.461.3787-01	RỜ LE KHỎI ĐỘNG	Cái	105,000
1865	.71.3747.000-031	RỜ LE KHỎI ĐỘNG	Cái	150,000
1866	160203000080	RỜ LE SIHAI 12V	Cái	209,000
1867	2217-2402010-01	RUỘT CẦU SAU	Cái	12,020,000
1868	A21R22-2402010	RUỘT CẦU SAU	Cái	15,720,000
1869	A31R32-2400016-10	RUỘT CẦU SAU	Cái	41,800,000
1870	A64R42-2402010	RUỘT CẦU SAU	Cái	26,000,000
1871	A64R42-5109014	SIMILI LÓT SÀN TÀI XẾ	Cái	3,140,000
1872	33027-1802157	SIN	Cái	32,000
1873	C41R92.3104032	SIN BẠC ĐẠN BÁNH SAU	Cái	60,000
1874	C41R92.3104032-10	SIN BẠC ĐẠN BÁNH SAU	Cái	32,000
1875	.4991149F	SIN CỔ GÓP HÚT	Cái	100,000
1876	A21R22-1109042	SIN CỔ HÚT BẦU LỘC GIÓ	Cái	53,000
1877	658.1306054-01	SIN ĐỘNG CƠ	Cái	53,000
1878	.DIN3760	SIN NẮP ĐẬY PHÍA TRÊN CỬA THOÁT HIỂM	Cái	53,000
1879	.5266796F	SIN NẮP ĐẬY VAN HĂNG NHIỆT	Cái	105,000
1880	.3090126F	SIN NỐI ỐNG NƯỚC	Cái	53,000
1881	.4995185F	SIN ỐC XÁ NHÓT	Cái	50,000
1882	.4992560F	SIN ỐNG TURBO	Cái	53,000
1883	.BBL1410	SIN ỐNG TURBO	Cái	53,000
1884	.2898295F	SIN ỐNG VAN EGR	Cái	105,000
1885	.60281.01	SIN PÍT TỔNG XY LẠNH THẮNG BÁNH SAU	Cái	63,000
1886	24-10-3501051	SIN PÍT TỔNG XY LẠNH THẮNG BÁNH SAU	Cái	32,000
1887	.5254215F	SIN VAN Bướm GA	Cái	100,000
1888	.8304P	SIN VAN ĐIỆN TỬ	Cái	53,000
1889	.864236	SIN VAN ĐIỆN TỬ	Cái	53,000
1890	.5265277F	SIN VAN ĐIỀU CHỈNH NHIỆT	Cái	53,000
1891	.5257077F	SIN VAN HĂNG NHIỆT	Cái	105,000
1892	.BBL1145	SIN VAN HĂNG NHIỆT	Cái	105,000
1893	5340.1213054-01	SIN VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
1894	3302-3104006-30	TAM BUA + MOAY Ơ BÁNH SAU	Cái	4,710,000
1895	3302-3502070-01	TAM BUA BÁNH SAU	Cái	1,570,000
1896	3302-2401050-01	TÁN KHÓA ĐẦU ĐÓT CẦU SAU	Cái	262,000
1897	3302-2401054-01	TÁN KHÓA ĐẦU ĐÓT CẦU SAU	Cái	160,000
1898	3302-2402038	TÁN KHÓA ĐUÔI CÁ CẦU SAU	Cái	262,000
1899	.KM11	TÁN KHÓA MOAY Ơ SAU	Cái	418,000
1900	5340.1213010	TÁN NHIỆT ĐỘNG CƠ	Cái	8,360,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1901	3302-3101034	TẮN TẮC KÊ BÁNH XE	Cái	70,000
1902	A63R42-6202012	TẮP PI CỬA SAU	Cái	523,000
1903	A21R23-6102208-10	TẮP PI CỬA TRƯỚC, PHẢI	Cái	1,180,000
1904	A21R23-6102209-10	TẮP PI CỬA TRƯỚC, TRÁI	Cái	1,180,000
1905	.5340588F	TAY DÈN (THANH TRUYỀN)	Cái	1,360,000
1906	.BBL1009	TAY DÈN (THANH TRUYỀN)	Cái	1,360,000
1907	.PM40004154	TAY DÈN (THANH TRUYỀN)	Cái	1,260,000
1908	.IOMK-500.00.00.03	TAY KÉO CỬA THOÁT HIỂM TRÊN TRẦN (MÀU ĐỎ)	Cái	711,000
1909	A31R23.6425150	TAY MỠ CỬA GIỮA NGOÀI	Cái	595,000
1910	A31R23.6425084	TAY MỠ CỬA GIỮA TRONG	Cái	471,000
1911	A68R52.6428150	TAY MỠ CỬA KHẨN CẤP	Cái	2,710,000
1912	A31R23.6305150	TAY MỠ CỬA NGOÀI SAU	Cái	670,000
1913	A31R23.6305150-10	TAY MỠ CỬA NGOÀI SAU	Cái	836,000
1914	A21R23.6105150	TAY MỠ CỬA NGOÀI, PHẢI	Cái	471,000
1915	A21R23.6105151	TAY MỠ CỬA NGOÀI, TRÁI	Cái	471,000
1916	A21R23.6105151-11	TAY MỠ CỬA NGOÀI, TRÁI	Cái	993,000
1917	4301-6105082	TAY MỠ CỬA PHÍA SAU	Cái	209,000
1918	.IOMK-500.01.00.06	TAY MỠ CỬA THOÁT HIỂM (MÀU ĐEN)	Cái	950,000
1919	A21R23.6105082	TAY MỠ CỬA TRONG, PHẢI	Cái	471,000
1920	A21R23.6105083	TAY MỠ CỬA TRONG, TRÁI	Cái	471,000
1921	3302-6105150-01	TAY MỠ CỬA TRƯỚC NGOÀI, PHẢI	Cái	471,000
1922	IPP0023-8202200	TAY NẮM CỬA SAU	Cái	209,000
1923	PPNN0023-8202200	TAY NẮM CỬA SAU	Cái	209,000
1924	PPHH0023-8202200	TAY NẮM CỬA SAU	Cái	209,000
1925	A21R23.8202200	TAY NẮM TRÊN LA PHÒNG	Cái	157,000
1926	A68R52.7810330	TAY VỊN GHẾ	Cái	575,000
1927	.5262500F	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,780,000
1928	.5365534F	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,680,000
1929	.5398362F	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,940,000
1930	.BBL1024	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,780,000
1931	.BBL1027	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,940,000
1932	5398362	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,940,000
1933	A21R22.1045116	TẮNG ĐƯA DÂY CU ROA	Cái	1,050,000
1934	.PSH40009091	TẮNG ĐƯA DÂY CUROA	Cái	1,700,000
1935	.PSH0009091	TẮNG ĐƯA DÂY CUROA	Cái	1,950,000
1936	.PM40004042	TẮNG ĐƯA DÂY CUROA CAM	Cái	1,570,000
1937	A64R52-8412302	TẮM CÁCH NHIỆT PHÍA DƯỚI NẮP CA BƠ	Cái	680,000
1938	320412-05-2803022	TẮM CẢN TRƯỚC	Cái	2,720,000
1939	A63R42-8404043	TẮM CHẮN BÙN PHÍA SAU	Cái	314,000
1940	A21R23-2802022	TẮM CHẮN BÙN ĐỘNG CƠ	Cái	680,000
1941	A31R33-8403080	TẮM CHẮN BÙN TRƯỚC, PHẢI	Cái	314,000
1942	A31R33-8403081	TẮM CHẮN BÙN TRƯỚC, TRÁI	Cái	314,000
1943	A68R52-5604174	TẮM CHE ĐẦU BIẾN SỐ	Cái	836,000
1944	A21R23-8412302	TẮM CHỐNG NÓNG VÀ CÁCH ÂM ĐỘNG CƠ	Cái	366,000
1945	A65R32.3507010-01	TẮM DỪNG VÀ BỐ THẮNG TAY Đĩa SAU, PHẢI	Cái	1,360,000
1946	C41R92.3507010	TẮM DỪNG VÀ BỐ THẮNG TAY Đĩa SAU, PHẢI	Cái	1,360,000
1947	A65R32.3507011-01	TẮM DỪNG VÀ BỐ THẮNG TAY Đĩa SAU, TRÁI	Cái	1,360,000
1948	C41R92.3507011	TẮM DỪNG VÀ BỐ THẮNG TAY Đĩa SAU, TRÁI	Cái	1,360,000
1949	A31R32-1101120	TẮM LỐT CÁCH NHIỆT	Cái	126,000
1950	A31R23-6302018-10	TẮM LỐT NHỰA PHẢI	Cái	418,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
1951	A31R23-6302019-10	TẤM LỐT NHỰA TRÁI	Cái	418,000
1952	A63R42-6108432	TẤM ỐP KHUNG CỬA ĐIỆN	Cái	418,000
1953	A63R42-7810250	TẤM PHÂN CHIA VÁCH NGĂN	Cái	418,000
1954	A68R52-7810212	TẤM VÁCH NGĂN SAU TÀI XẾ	Cái	1,150,000
1955	A68R52-7810214	TẤM VÁCH NGĂN SAU TÀI XẾ	Cái	1,420,000
1956	A68R52-7810240	TẤM VÁCH NGĂN TÀI XẾ	Cái	627,000
1957	A21R23-8212018	TEM CHỮ GAZELLE	Cái	105,000
1958	A21R23-8212018-10	TEM CHỮ GAZELLE	Cái	105,000
1959	A21R23-8212030	TEM CHỮ NEXT	Cái	105,000
1960	A68R52-8212030	TEM CHỮ NEXT	Cái	105,000
1961	A31R33-8212030	TEM CHỮ NN	Cái	105,000
1962	A31R23-8212012	TEM DẪN CHỮ 3.5	Cái	74,000
1963	100203000070	TÚI LỌC GAS HÚT ẨM	Cái	220,000
1964	.PSH0008865	TURBO TĂNG ÁP	Cái	10,450,000
1965	.3776286F	TURBO TĂNG ÁP E4	Cái	15,500,000
1966	.3790138F	TURBO TĂNG ÁP E4	Cái	16,720,000
1967	.5370734F	TURBO TĂNG ÁP E5	Cái	25,000,000
1968	17459980001	TURBO TĂNG ÁP E5	Cái	25,000,000
1969	.8M.158.365.00	TUÝP MỞ BUGI	Cái	209,000
1970	A68R52.5605162	TY ĐẨY CỐP SAU	Cái	523,000
1971	.5265023F	TY THĂM NHÓT	Cái	209,000
1972	A68R52-2914050	THANH ĐÀ NGANG SAU, PHÍA DƯỚI	Cái	7,320,000
1973	A68R52-2914061	THANH ĐÀ NGANG SAU, PHÍA TRÊN	Cái	7,320,000
1974	A31S12-2916016	THANH GIẪNG SAU	Cái	3,350,000
1975	A68R52-2916016	THANH GIẪNG SAU	Cái	2,930,000
1976	A21R23-2906016	THANH GIẪNG TRƯỚC	Cái	3,140,000
1977	A68R52-5606098	THANH KHÓA MỞ CỐP SAU	Cái	105,000
1978	A68R52-5606099	THANH KHÓA MỞ CỐP SAU	Cái	105,000
1979	A68R52-5606422	THANH KHÓA MỞ CỐP SAU	Cái	105,000
1980	A21R22-2801380	THANH NGANG	Cái	2,390,000
1981	A68R52-2914250	THANH NGANG	Cái	5,070,000
1982	33021-2801382-20	THANH NGANG TREO LỚP DỰ PHÒNG	Cái	314,000
1983	3302-2916016-10	THANH ỔN ĐỊNH NGANG	Cái	1,780,000
1984	A21R22-1702034	THANH SANG SỐ	Cái	523,000
1985	A21R22-1702040	THANH SANG SỐ 1,2	Cái	209,000
1986	A21R22-1702041	THANH SANG SỐ 3,4	Cái	400,000
1987	53443.1112303	THANH TÍCH ÁP NHIÊN LIỆU CÓ LẮP KÈM CẢM BIẾN	Cái	8,160,000
1988	A21R23.5205100	THANH TRUYỀN GẠT NƯỚC	Cái	1,890,000
1989	A21R23.5205100-20	THANH TRUYỀN GẠT NƯỚC	Cái	3,540,000
1990	A63R42.5205100	THANH TRUYỀN GẠT NƯỚC	Cái	2,450,000
1991	A68R52.5205100	THANH TRUYỀN GẠT NƯỚC	Cái	3,140,000
1992	.5566279F	THIẾT BỊ KHƠI ĐỘNG NGUỘI	Cái	1,360,000
1993	.BBL1400	THIẾT BỊ KHƠI ĐỘNG NGUỘI	Cái	1,360,000
1994	.5681791	THIẾT BỊ TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ	Cái	8,600,000
1995	330243-1101010	THÙNG DẦU	Cái	6,800,000
1996	A31R32.1101006	THÙNG DẦU	Cái	6,800,000
1997	A68R52.1101006-10	THÙNG DẦU	Cái	6,800,000
1998	A21R23.3400014-01	THƯỚC TAY LÁI	Cái	8,890,000
1999	A21R22-1701048-30	THƯỚC TĂNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	3,660,000
2000	A21R22-1701048-40	THƯỚC TĂNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	3,550,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
2001	A21R22-1701046-10	THƯỚC TẦNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	3,660,000
2002	A21R22-1701046-40	THƯỚC TẦNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	4,180,000
2003	A21R22-1701048-10	THƯỚC TẦNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	3,660,000
2004	A21R22-1701048-20	THƯỚC TẦNG DƯỚI HỘP SỐ	Cái	2,850,000
2005	A21R22-1701105-20	THƯỚC TẦNG TRÊN HỘP SỐ	Cái	2,300,000
2006	A21R22-1701105-30	THƯỚC TẦNG TRÊN HỘP SỐ	Cái	1,990,000
2007	A21R22-1701105-40	THƯỚC TẦNG TRÊN HỘP SỐ	Cái	2,300,000
2008	A68R52-2916058	TRỤ BẮT THANH GIÀNG SAU	Cái	2,880,000
2009	A63R42-6106250-10	TRỤ XOAY CỬA PHÍA DƯỚI	Cái	2,720,000
2010	A21R22-1701100	TRỤC BÁNH RĂNG HỘP SỐ BÁNH RĂNG 1,2,3	Cái	11,500,000
2011	.5404057F	TRỤC BÁNH RĂNG TRUNG GIAN	Cái	366,000
2012	.5267994F	TRỤC CAM	Cái	2,090,000
2013	.BBL1058	TRỤC CAM	Cái	2,000,000
2014	5340.1007090-01	TRỤC CAM GIẢN CÒ	Cái	7,110,000
2015	5-95-T150-1628-3505	TRỤC CARDAN	Cái	18,290,000
2016	A21R22-1702042	TRỤC CẦN SỐ 5 VÀ LÙI	Cái	157,000
2017	A32S22-2400012-21	TRỤC CẦU SAU TỔNG THÀNH	Cái	62,700,000
2018	3302-2403060	TRỤC CHỮ THẬP VI SAI CẦU SAU	Cái	209,000
2019	A21R22-1701090	TRỤC HỘP SỐ	Cái	471,000
2020	A21R23.3422014	TRỤC TAY LÁI	Cái	2,090,000
2021	A21R23.3401100-10	TRỤC TAY LÁI	Cái	3,660,000
2022	A21R23-2904031	TRỤC VÀ ĐAI ỐC CÀNG CHỮ A	Cái	889,000
2023	A62R23-3778018	TRỤC XOAY BẬC LÊN XUỐNG	Cái	1,100,000
2024	A63R42-7810240	VÁCH NGẮN PHÍA SAU TÀI XẾ	Cái	2,620,000
2025	.0204255397	VÁN 1 CHIỀU TRỢ LỰC CHÂN KHÔNG	Cái	523,000
2026	5340.1213017	VÁN AN TOÀN	Cái	8,890,000
2027	100203000050	VÁN AN TOÀN ÁP SUẤT	Cái	1,210,000
2028	100-3515010	VÁN AN TOÀN ĐƠN	Cái	366,000
2029	8043.3512010-30	VÁN ÁP SUẤT XẢ HƠI TỰ ĐỘNG	Cái	3,850,000
2030	100203000010	VÁN CẨM BIẾN ÁP SUẤT 2 CHÂN	Cái	575,000
2031	D2077M16X1.5-M22X1.5-S01	VÁN CHIA HƠI 3 NGÃ	Cái	314,000
2032	.4728900700	VÁN ĐIỆN TỬ	Cái	4,710,000
2033	LA8553	VÁN ĐIỀU CHỈNH ÁP SUẤT CÓ LỌC TÁCH ẨM (XẢ HƠI TỰ ĐỘNG)	Cái	5,230,000
2034	A21R23.8109030	VÁN ĐIỀU KHIỂN GIẢN NÓNG	Cái	523,000
2035	.4994707F	VÁN ĐIỀU KHIỂN KHÍ NẠP (Bướm GA)	Cái	3,900,000
2036	.PV10001534	VÁN ĐIỀU KHIỂN KHÍ NẠP (Bướm GA)	Cái	5,230,000
2037	.5309069F	VÁN EGR	Cái	8,360,000
2038	.5405025F	VÁN EGR	Cái	9,930,000
2039	.5395762F	VÁN EGR (E5)	Cái	10,250,000
2040	100-3562010	VÁN HAI CHIỀU	Cái	199,000
2041	C40R11-3562010	VÁN HAI CHIỀU	Cái	523,000
2042	.5337967F	VÁN HẰNG NHIỆT	Cái	523,000
2043	.CUC-180F-MS	VÁN HẰNG NHIỆT	Cái	523,000
2044	9617230380	VÁN HỆ THỐNG PHANH	Cái	1,420,000
2045	5340.1213015-30	VÁN KHÍ XẢ	Cái	19,340,000
2046	31105-3106040	VÁN LỚP XE	Cái	42,000
2047	C41R11.3562210	VÁN MỘT CHIỀU	Cái	340,000
2048	.EX95PS	VÁN NỐI NHỰA DÀI	Cái	84,000
2049	150203000090	VÁN NGẮT LẠNH AC	Cái	575,000
2050	.5305258F	VÁN ỐNG LÀM MÁT EGR	Cái	126,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
2051	11.3514208-01	VAN PHANH	Cái	1,260,000
2052	A31R33.8120020	VAN SƯỜI	Cái	1,100,000
2053	100.3518010-10	VAN TĂNG TỐC	Cái	680,000
2054	TCDF25DR134A	VAN TIẾT LƯU (AC SAU)	Cái	836,000
2055	100203000060	VAN TIẾT LƯU (VAN MỘT CHIỀU)	Cái	1,100,000
2056	100203000080	VAN TIẾT LƯU DÀN TRƯỚC	Cái	1,150,000
2057	3105-3501218	VAN THẮNG ĐĨA	Cái	84,000
2058	.VDCM22X1.5-S01	VAN XẢ HƠI	Cái	105,000
2059	PKHY.373518.127-	VAN XẢ NHANH	Cái	471,000
2060	.99.00.018.0001	VÀNH NHỰA DÂY CUROA	Cái	418,000
2061	A21R23-3103044-10	VÀNH RĂNG ABS, PHÍA TRƯỚC	Cái	722,000
2062	C41R92-3862052-10	VÀNH RĂNG ABS, PHÍA TRƯỚC	Cái	889,000
2063	A62R33-5401512	VỀ HÔNG CỬA GIỮA, PHẢI	Cái	3,660,000
2064	A62R33-5401513	VỀ HÔNG CỬA GIỮA, TRÁI	Cái	3,660,000
2065	A62R33-5401365	VỀ HÔNG GIỮA, BÊN TRÁI	Cái	4,180,000
2066	C45R02-5401446	VỀ HÔNG GIỮA, PHẢI	Cái	3,660,000
2067	C45R02-5401447	VỀ HÔNG GIỮA, TRÁI	Cái	3,660,000
2068	A68R52-5401360-01	VỀ HÔNG PHÍA SAU, PHẢI	Cái	12,540,000
2069	A68R52-5401361-01	VỀ HÔNG PHÍA SAU, TRÁI	Cái	18,810,000
2070	A68R52-5401070-01	VỀ HÔNG PHÍA TRƯỚC, PHẢI	Cái	25,080,000
2071	A68R52-5401071-01	VỀ HÔNG PHÍA TRƯỚC, TRÁI	Cái	25,080,000
2072	A31R23-5401360-10	VỀ HÔNG SAU, PHẢI	Cái	4,180,000
2073	A31R33-5401360	VỀ HÔNG SAU, PHẢI	Cái	3,660,000
2074	A31R33-5401360-10	VỀ HÔNG SAU, PHẢI	Cái	3,660,000
2075	A65R52-5401361	VỀ HÔNG SAU, PHẢI	Cái	3,660,000
2076	A31R23-5401361-10	VỀ HÔNG SAU, TRÁI	Cái	4,180,000
2077	A31R33-5401361	VỀ HÔNG SAU, TRÁI	Cái	3,660,000
2078	A31R33-5401361-10	VỀ HÔNG SAU, TRÁI	Cái	3,660,000
2079	A65R52-5401360	VỀ HÔNG SAU, TRÁI	Cái	3,660,000
2080	C41R92.2403011	VI SAI CẦU SAU	Cái	16,720,000
2081	C41R92-2403011	VI SAI CẦU SAU	Cái	18,000,000
2082	.704.00.490-16	VÍT	Cái	105,000
2083	292625-61	VÍT	Cái	32,000
2084	.704.00.490-12	VÍT 4X12	Cái	105,000
2085	.IOMK-500.01.00.12	VÍT 6X16	Cái	53,000
2086	.IOMK-500.01.00.11	VÍT 6X26	Cái	53,000
2087	.IOMK-500.00.00.14	VÍT BẮT ỐP CHE TAY MỜ CỬA THOÁT HIỂM	Cái	53,000
2088	3110-5325410	VÍT BẮT ỐP NHỰA SAU CỬA LÊN XUỐNG	Cái	84,000
2089	.015399001	VÍT NHỰA NHÉT TÁP PI	Cái	11,000
2090	3302-5602156	VÍT NHỰA NHÉT TÁP PI	Cái	11,000
2091	290303	VÍT XOẮN	Cái	11,000
2092	A31R33-6420014	VỎ CÁCH CỬA GIỮA	Cái	7,110,000
2093	A31S12-6420014	VỎ CÁCH CỬA GIỮA	Cái	15,680,000
2094	A32S12-6420014	VỎ CÁCH CỬA GIỮA	Cái	11,500,000
2095	A62R33-6420014	VỎ CÁCH CỬA GIỮA	Cái	8,030,000
2096	A69S12-6420014	VỎ CÁCH CỬA GIỮA	Cái	11,370,000
2097	A63R42-6200018	VỎ CÁCH CỬA SAU	Cái	8,570,000
2098	A31R23-6300014	VỎ CÁCH CỬA SAU, PHẢI	Cái	7,250,000
2099	A31R23-6300015	VỎ CÁCH CỬA SAU, TRÁI	Cái	7,250,000
2100	A31S12-6300014	VỎ CÁCH CỬA SAU, PHẢI	Cái	9,410,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
2101	A62R23-6300014	VỎ CÁCH CỬA SAU, PHẢI	Cái	7,250,000
2102	A69S12-6300014	VỎ CÁCH CỬA SAU, PHẢI	Cái	10,300,000
2103	A31S12-6300015	VỎ CÁCH CỬA SAU, TRÁI	Cái	9,410,000
2104	A62R23-6300015	VỎ CÁCH CỬA SAU, TRÁI	Cái	6,750,000
2105	A69S12-6300015	VỎ CÁCH CỬA SAU, TRÁI	Cái	10,300,000
2106	A62R23-5401395	VỎ CÁCH CỬA TRÊN, TRÁI	Cái	3,660,000
2107	A21R23-6100014	VỎ CÁCH CỬA, PHẢI	Cái	6,250,000
2108	A21R23-6100015	VỎ CÁCH CỬA, TRÁI	Cái	6,250,000
2109	A22R23.3725110	VỎ CỤC MỖI THUỐC	Cái	209,000
2110	A21R22-1701010-20	VỎ HỘP SỐ SAU	Cái	2,620,000
2111	A21R22-1701008	VỎ HỘP SỐ TRƯỚC	Cái	3,000,000
2112	A21R22-1701014	VỎ HỘP SỐ TRƯỚC	Cái	1,500,000
2113	.5303573F	VỎ VAN HĂNG NHIỆT	Cái	836,000
2114	.5257526F	VỎI PHUN DẦU	Cái	300,000
2115	.PM40004144	VỎI PHUN DẦU	Cái	314,000
2116	31029-1701188-01	VÒNG CANH	Cái	53,000
2117	3302-1701315	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2118	3302-1701317	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2119	3302-1701318	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2120	3302-1701319	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2121	3302-1701320	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2122	3302-1701321	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2123	3302-1701322	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2124	3302-1701323	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2125	3302-1701324	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2126	3302-1701325	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2127	3302-1701326	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	157,000
2128	A21R22-1701315	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2129	A21R22-1701316	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2130	A21R22-1701317	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2131	A21R22-1701319	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2132	A21R22-1701320	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2133	A21R22-1701321	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2134	A21R22-1701322	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2135	A21R22-1701323	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2136	A21R22-1701324	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2137	A21R22-1701325	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2138	A21R22-1701326	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2139	A21R22-1701327	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2140	A21R22-1701328	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2141	A21R22-1701329	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2142	A21R22-1701330	VÒNG CANH BÁNH RĂNG	Cái	105,000
2143	A21R22-1701104-10	VÒNG CANH BÁNH RĂNG THUỐC TẦNG DƯỚI	Cái	189,000
2144	C41R92-2402046	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2145	C41R92-2402047	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2146	C41R92-2402048	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2147	C41R92-2402049	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	157,000
2148	C41R92-2402065	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	157,000
2149	C41R92-2402072	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2150	C41R92-2402073	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
2151	C41R92-2402074	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2152	C41R92-2402075	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2153	C41R92-2402076	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2154	C41R92-2402077	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2155	C41R92-2402083	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2156	C41R92-2402090	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	157,000
2157	C41R92-2402091	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2158	C41R92-2402095	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2159	C41R92-2402096	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2160	C41R92-2402097	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	157,000
2161	C41R92-2402098	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2162	C41R92-2402099	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2163	C41R92-2402100	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2164	C41R92-2402101	VÒNG CANH CÙI THƠM	Cái	105,000
2165	2101-1701142	VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
2166	31029-1701115	VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
2167	3105-3408102	VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
2168	31105-3408102	VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
2169	312326-P	VÒNG ĐỆM	Cái	53,000
2170	C41R92-2403030	VÒNG ĐỆM	Cái	105,000
2171	A21R22-1701207	VÒNG ĐỆM BÁNH RĂNG SỐ 1,2	Cái	200,000
2172	A21R22-1701027	VÒNG ĐỆM BÁNH RĂNG SỐ 5	Cái	100,000
2173	3309-1701062	VÒNG ĐỆM CANH BẠC ĐẠN	Cái	105,000
2174	3309-1701063	VÒNG ĐỆM CANH BẠC ĐẠN	Cái	100,000
2175	31029-1701037	VÒNG ĐỆM ĐẦU CƠ HỘP SỐ	Cái	53,000
2176	.5305257F	VÒNG ĐỆM GIỮ	Cái	209,000
2177	A21R22-1701062	VÒNG ĐỆM GIỮ	Cái	366,000
2178	.4976168F	VÒNG ĐỆM GIỮ MÓNG NGỰA	Cái	105,000
2179	A21R22-1701206	VÒNG ĐỆM HỘP SỐ	Cái	209,000
2180	A21R22-1701318	VÒNG ĐỆM HỘP SỐ	Cái	209,000
2181	A68R52-5702402	VÒNG ĐỆM NHỰA	Cái	53,000
2182	.4990384F	VÒNG ĐỆM PULY CỐT MÁY	Cái	209,000
2183	C41R92-2402061	VÒNG ĐIỀU CHỈNH	Cái	209,000
2184	.5311011F	VÒNG GIỮ ẮC PÍT TỔNG	Cái	105,000
2185	.PM40004160	VÒNG GIỮ ẮC PÍT TỔNG	Cái	53,000
2186	24-1701036	VÒNG KHOÁ	Cái	53,000
2187	3302-3862052	VÒNG KHÓA ABS BÁNH SAU	Cái	500,000
2188	31029-1701117	VÒNG KHÓA BÁNH RĂNG SỐ 3,4	Cái	250,000
2189	A21R22-1701117	VÒNG KHÓA BÁNH RĂNG SỐ 3,4	Cái	262,000
2190	A21R22-1701117-10	VÒNG KHÓA BÁNH RĂNG SỐ 3,4	Cái	262,000
2191	A21R22-1701034	VÒNG KHÓA ĐỒNG TỐC SỐ 5	Cái	262,000
2192	31029-1701184	VÒNG KHÓA THƯỚC TẦNG TRÊN	Cái	262,000
2193	.4946759F	VÒNG RĂNG BÁNH ĐÀ	Cái	627,000
2194	A21R23.3402010-10	VỠ LĂNG TAY LÁI	Cái	2,090,000
2195	5748NP01-	XI LẠNH KHÍ NÉN	Cái	3,140,000
2196	.5308264F	XU PÁP HÚT	Cái	314,000
2197	.BBL1042	XU PÁP HÚT	Cái	314,000
2198	.5308265F	XU PÁP XÁ	Cái	314,000
2199	.BBL1043	XU PÁP XÁ	Cái	314,000
2200	A21R32-5325150	XƯƠNG ĐỠ KHUNG TÁP LÔ	Cái	3,140,000

STT	Mã số phụ tùng Spare parts number	Tên phụ tùng Parts name	Đơn vị tính Unit	Đơn giá bán lẻ (Có VAT) Retail price (Inc VAT)
2201	.496284000175	XY LANH CẢI LY HỢP	Cái	970,000
2202	A21R23.1602290	XY LANH CẢI LY HỢP	Cái	970,000
2203	.486283000131	XY LANH CON LY HỢP	Cái	970,000
2204	A21R23.1602510	XY LANH CON LY HỢP	Cái	970,000
2205	.PR.0204814132	XY LANH TỔNG PHANH	Cái	1,680,000
2206	GP.11540010	XY LANH TỔNG PHANH	Cái	1,680,000
2207	24-3501040-01	XY LANH THẮNG BẮNH SAU	Cái	523,000